

# BÁO QUỐC TÙ



**Toà-Thánh Tây ninh cuối năm Mậu-Tý  
(DL 20-12-2008)  
Nữ Soạn giả**

**NGUYÊN THUỶ**

## Đôi liễn đặt trước cổng Báo Quốc Tử

- Bảo thủ cơ đồ Anh hùng dương khí phách
- Hộ trì quốc vận Chí sĩ hiển oai linh.

保守基圖英雄揚氣魄

護持國運志士顯威靈

Đôi liễn này do Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức đặt ra, được đắp chữ nổi vào hai trụ cổng của Báo Quốc Tử.



# CHƯƠNG I

## PHẦN GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT

### A-BÁO QUỐC TÙ 報 國 祠

A: The National Pantheon.

P: Le Panthéon national.

*Báo*: Đáp lại. *Quốc*: Nước, quốc gia. *Tù*: Đền thờ.

Báo Quốc Từ là một Đền thờ, thờ những vị có công lớn đối với đất nước và dân tộc Việt Nam. Ngôi Đền này để tưởng niệm “*Những kẻ chí sĩ lãnh trách nhiệm nghiêng vai gánh vác cỏ non sông, đều làm phận sự, công nghiệp nhiều ít áy, tính lời vốn với Toà Thiêng Liêng, hoặc ghi tên tuổi vào Thanh sử thiên niên chớ chẳng phải để kể công trình với Chúa tể áy*”.

BÁO QUỐC TÙ thành lập ngày 01-01-1955, cách cửa Chánh Chợ cũ Long Hoa về phía Bắc độ hơn trăm thước Cách Đền Thánh Toà Thánh Tây ninh khoảng hai cây số. Du Khách muốn viếng Toà Thánh nếu đi về phía Long-Hoa-Thị thì phải đi ngang qua Đền Báo-Quốc-Tù, vì ngôi Đền này nằm trên trực lộ giao thông một cách oai nghiêm, lộng lẫy nhưng gọn gàng và đủ đầy sự khiêm tốn, chính con lộ này được mang danh là “Lộ Báo Quốc Từ”. Hàng năm cứ đến ngày mùng 10 tháng 3 âm Lịch Hội Thánh Cao Đài Toà Thánh Tây Ninh cùng toàn Đạo có thiết “LỄ GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG” tại ngôi Đền này..

Nhin vào sáu mặt Đền thông thoáng, nhất là hai mặt cửa: phía chính Bắc và chính Nam có đắp nổi đôi câu liền đối viết bằng chữ Hán nói trên.

Đức Phạm Hộ Pháp đã cho xây dựng một ngôi Báo Quốc Từ nằm sừng sững giữa Đại lộ đi từ Tòa Thánh xuống Chợ Long Hoa, làm như một quãng trường lớn, xe

cộ phải đi vòng chung quanh Đền khiến tất cả đều cúi đầu ngưỡng vọng về việc “Cứu Quốc Công Thần” của các Ngài

BÁO QUỐC TÙ cát theo hình lục giác đều, hai mặt trước và sau có đắp đôi liền nơi cổng chánh nói lên sự tôn kính đối với các bực anh hùng chí sĩ xả thân bảo vệ tổ quốc, xây dựng giang sơn.

Đôi liền như vậy:

**Bảo thủ cơ đồ anh hùng dương khí phách,  
Hộ trì quốc vận chí sĩ hiển uy linh.**

**保守基圖英雄揚氣魄**

**護持國運志士顯威靈**

*Nghĩa là:* - Bảo thủ cơ đồ, người anh hùng nêu cao khí phách. Hộ trì vận nước, người chí sĩ hiển lộ oai linh.

Trong BÁO QUỐC TÙ nơi bàn thờ chánh thì thờ Quốc Tổ Hùng Vương, các vị Cứu quốc công thần, Chiến Sĩ Trận Vong.

Linh vị thờ viết bằng Hán tự, như sau:

Chữ lớn hàng giữa: **HÙNG VƯƠNG QUÂN CHI THỈ**.

Hàng bên trái: **CHIẾN SĨ TRẬN VONG**.

Hàng bên phải: **CỨU QUỐC CÔNG THẦN**.

Chính giữa Đền tràn thiết một bàn thờ uy nghi:

**戰 雄 救**

**士 王 國**

**陣 君 功**

**亡 之 臣**

**始**

Các Linh vị đều sơn son thép vàng, từ khí bồng đồng bóng loáng. Hai bên có đủ lộng tàng, đồ lỗ bộ. Ngay sau bàn thờ có tám chữ Nho viết theo lối Đại tự:

“CÚU QUỐC CÔNG THẦN CHIẾN SĨ TRẬN VONG”

## 救國功臣戰士陣亡

Dưới tám chữ áy có bốn Bài vị sơn son thép vàng là các vì Vương : **HÀM NGHI, THÀNH THÁI, DUY TÂN** được thờ trong Báo Quốc Tử cũng là thờ Linh vị các vì Vua nhà NGUYỄN có tinh thần cách mạng chống Pháp đô hộ và nhà Cách mạng **CUỜNG ĐỀ**, sau đó là Anh hùng **TRÌNH MINH THẾ (Quốc Sĩ)**

Thê nên, trong buổi Lễ Khánh Thánh Báo Quốc Tử ngày 16-8-Ất Mùi (dl 1-10-1955), Đức Phạm Hộ Pháp nói:

*“Nơi Đền thờ này, các Ngài đã thấy Linh vị của mấy vị Cựu hoàng và Kỳ Ngoại Hầu Cường Đề, xin các Ngài đừng tưởng làm rằng: Đạo Cao Đài đã xu hướng theo thuyết bảo hoàng, mà kỳ thật các Đấng áy chỉ liệt vào hạng trung quân ái quốc của Việt-Nam mà thôi, vì công nghiệp của họ là tranh đấu giải ách lệ thuộc cũng như các chiến sĩ cách mạng khác kia vậy.*

*Tưởng niệm tối lễ áy nên Hội Thánh mới quyết định lập BÁO QUỐC TỬ thờ trọng cả các vong linh của các anh hùng chiến sĩ, cứu quốc công thần cùng là trận vong chiến sĩ*

*Hôm nay các anh linh chư ý anh hùng tiền bối và hậu bối đang ngự trị trong khôi Quốc hồn của ta và đang vơ vẩn bên ta. Giờ phút thiêng liêng này, Bàn đạo xin các Ngài hiệp tâm làm một cùng Bàn Đạo thành một khôi tưởng niệm duy nhứt để cầu xin các Đấng áy giúp cho nòi giống ta khỏi cơn ly loạn, cốt nhục tương tàn, đặng đem hạnh phúc Hòa Bình lại cho nước nhà và cho toàn thiên hạ”...*

Ngày hôm ấy: Hoàng Thân Tuy Lý Mong Tôn  
Ung An Thúc Dật Thị được mời dự lễ Khánh Thành Báo  
Quốc Từ ngày 16-8-Ất Mùi (dl 1-10-1955) Ông có viết  
một bài cảm tưởng, đại ý như sau, trích một đoạn:

"Trước cảnh các Tín đồ Cao Đài nam nữ kéo đến  
Báo-Quốc-Tù niệm hương, lễ bái thành kính, tôn sùng anh  
linh của các bậc tiền nhân, thật làm cho kẻ thân tộc này  
không sao tả xiết nỗi cảm kích tri ân, nó xúc động cả tâm  
hồn. Những sự tai nghe mắt thấy đã đưa người xem từ cái  
mới lạ này qua cái mới lạ khác. Khi tôi trở về Sài Gòn,  
cảm thấy tinh thần rất khoan khoái, tâm trí nhẹ nhàng:

### THI

Muôn vàn cảm tạ các Chơn linh,  
Ân ước Thiên cơ chỉ giáo mình.  
Đôi ngã Âm Dương tuy cách biệt,  
Một niềm thành kính thấu U Minh.

U Minh hiển hiện giữa quang minh,  
Quá khứ tương lai kẻ sự tình.  
Báo quốc tinh trung gương vạn cổ,  
Ân cần khuyên nhủ khách tài danh.

Đức Phạm Hộ Pháp cho xây dựng Báo-Quốc-Tù  
ngay giữa đường, không thiên tả, không thiên hữu, cũng  
không ở đầu đường hay cuối đường, có ý nghĩa là công  
nghiệp của mỗi vị vua vẫn còn dang dở nửa chừng, cần có  
sự nối tiếp của các thế hệ sau.

Các thông lộ này tạo thành chữ **BÌNH** 平 mà Báo  
Quốc Từ nằm vào chính giữa, nói lên ý nghĩa là cầu mong  
HOÀ BÌNH, CÔNG BÌNH... cho muôn dân. Nhất là vùng  
Thánh địa, Toà Thánh Tây Ninh này được nhiều diêm phúc



## 1-Đức Thượng Sanh đọc Diễn văn Lê Khánh Thành vuông rào BÁO QUỐC TÙ

Kính HỘI-THÁNH,

Chúc sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước Thiện  
Nam Nữ,

Trung Tá Tỉnh Trưởng,

Quý Quan khách,

Chư Chức việc và Đạo hữu lưỡng phái,

Hôm nay là buổi Khánh thành vuông rào Báo Quốc  
Tù, nhơn danh HỘI-THÁNH tôi xin để lời cảm ơn Trung  
Tá Tỉnh Trưởng, quý viên chúc Tỉnh Tây Ninh và quý quan  
khách sẵn lòng đến dự, giúp tinh thần cho buổi lễ được  
xán lạn và trang nghiêm trong khung cảnh huy hoàng long  
trọng.

Trên vùng Thánh Địa này, hôm nay Đời và Đạo đã  
gặp nhau và thông cảm nhau trong dịp tổ lòng tôn kính và  
sùng bái những nhơn vật trong hàng Vương giả, đã lấy  
chủ nghĩa quốc gia dân tộc làm chuẩn đích, đem thân thể  
điểm tô cho non sông Việt chung được vững bền trên cõi Á  
Đông lăm khi phải trọn đời hy sinh vì giống nòi Hồng Lạc.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một nền QUỐC ĐẠO  
được khai sáng trên đất Nam Phần Việt Nam, nơi mà tinh  
ba của đất nước đã nung đúc biết bao bậc anh phong chí  
sĩ, lẽ tất nhiên là Đại Đạo có phận sự bảo tồn quốc túy,  
giữ cho còn mãi những cái hay, cái đẹp riêng biệt của  
nước nhà hầu lưu truyền cho đời sau roi dấu.

Trong những cái hay, cái đẹp đó đáng treo gương  
nhất là tinh thần vị quốc xả thân đâu đến thác cũng không  
đổi đời tiết thảo.

Vì muốn tôn thờ cái tinh thần vị quốc ái dân đó,  
Đức Hộ Pháp mới có sáng kiến xây dựng ngôi BÁO  
QUỐC TÙ để làm nơi hương hỏa phụng tự cho các Đáng

Tiên Vương và các nhà tôn thất có dày công với Tổ Quốc Việt Nam.

Cái sáng kiến của Đức Hộ Pháp do noi lòng ái quốc chọn chính của Đức Ngài, đã làm cho toàn Đạo vui lòng và mãn nguyện.

Ngày nay HỘI-THÁNH tiếp tục gìn giữ dấu tích của Đức Ngài và tô điểm cho nó còn vẻ uy nghiêm mãi mãi.

Tuy nói rằng ngôi Báo Quốc Tù để tôn thờ những bậc Vương giả hữu công với đất nước, nhưng nước Việt Nam đã thoát vòng lề thuộc và chính thể hiện tại là chính thể Cộng Hòa thì từ đây ngôi miếu này sẽ dành chung để chiêm bái những vị lãnh đạo Quốc gia như Quốc Trưởng, Thủ Tướng chẳng hạn, đã hy sinh vì Tổ Quốc, đã có công đổi loạn ra trị, xây dựng thái bình cho nhơn sanh được hưởng an cư lạc nghiệp.

Đó là những đấng Phụ Mẫu Chi Dân thật xứng đáng những ân nhân ngàn đời của dân tộc Việt Nam vậy.

Ngoài ra những Đáng anh hùng tương lai của đất nước, những nhơn vật đã dám tuẫn tiết vì non sông, dám liều mình vì dân tộc đã đem thắng lợi cho quê hương và giữ danh dự chung cho nòi giống. Những Đáng áy đều đáng đem vào Báo Quốc Tù để được thiên thu phụng tự.

Vì mục đích tôn trọng hạng anh hùng chí sĩ nên noi mặt tiền Báo Quốc Tù, HỘI-THÁNH có cho khắc hai câu đối, do Ngài Hiền Pháp Trương Hữu Đức biên soạn và đã được sự chấp thuận của HỘI-THÁNH Hiệp Thiên Đài như dưới đây:

- **Bảo thủ cơ đồ anh hùng dương khí phách**
- **Hộ trì quốc vận chí sĩ hiển uy linh"**

Cái ý nghĩa hai câu này như thế nào, tôi chắc rằng quý vị đều biết rõ.

Thưa HỘI-THÁNH và chư Quý vị,

Từ xưa biết bao nhiêu bậc anh hùng chí sĩ Việt Nam đã lâm phen cứu vãn tình thế khuynh đảo của nước nhà, đánh đuổi kẻ xâm lăng, xây dựng nền độc lập.

Những bậc anh hùng dân tộc như: Phạm Ngũ Lão, Lý Thường Kiệt, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Trần Hưng Đạo ...những bậc anh thư như: Hai Bà Trưng là Trung Trắc, Trưng Nhị, mặc dù ngày nay đã khuất bóng, nhưng uy danh vẫn còn ghi tạc sùi xanh được muôn đời nhắc nhở ca tụng. Những Đáng áy há chẳng đáng cho nhơn dân sùng bái phụng thờ mãi mãi sao?

Cho hay dù trong aia Đạo hay nơi mặt trời, những bậc siêu phàm đều có giá trị hiển hách ngang nhau.

-Đạo thì dụng từ bi, bác ái, cứu khổ nâng nguy;

-Đời thì dụng tiết tháo anh hùng, trung cang nghĩa khí Trái thân hữu dụng để phục vụ cho Đạo và nhân sanh hay lấy chí anh phong để phụng sự quốc gia, giữ gìn biên cương lãnh thổ, khi nợ trần giữ sạch, nhục thể trả lại cho lòng đất thì dù Đạo hay Đời, những linh hồn bất diệt cũng đều được hưởng sự ban thưởng Thiêng Liêng, qui hồi cựu vị trong cõi Thần Thánh Tiên Phật.

Cái gương aia Đức Quan Thánh Dé Quân ngày nay đắc phong Phật vị và Đức Trình Quốc Công Nguyễn Bỉnh Khiêm tức là Đức Thanh Sơn được dâng vào hàng Tiên vị đã chứng cho chúng ta thấy sự công bình của Đáng Chí Tôn cầm quyền thưởng phạt.

Một người thì đem tài bách chiến và khí phách anh hùng để phò vua dựng nước, một người thì dụng văn chương bác lâm để giúp cho nước trị dân an, hai Đáng áy chẳng phải vì tu hành mà chỉ nhở noi tâm chí cao siêu nên thủ đắc Thiên vị.

Vậy tôi ước mong cho chư Đạo hữu nam nữ nhận thức được cái ý nghĩa cao quý của buổi lễ hôm nay và

trước khi dứt lời, tôi cầu xin ĐỨC CHÍ-TÔN ban ơn cho toàn thể Chirc sắc, đạo hữu và quý quan khách.

Nay kính,

Ngày 20 tháng 10 Bính Ngọ (dl. 01-12-1966)  
Cao Thượng Sanh



## 2- Ngài Bảo Thê LÊ-THIỆN-PHƯỚC đọc bài Diễn văn

Trong dịp trùng tu và làm hàng rào bao quanh Báo Quốc-Tù, kế đến làm lễ Khánh-Thành ngày 20-10-Bính Ngọ (dl 01-12-1966), **Ngài Bảo Thê Lê-Thiện-Phuớc** có đọc bài Diễn văn và thuật lại như sau:

*"Người Việt chúng ta từ ngàn xưa đã săn chắt chúa trong cõi lòng một nguồn tri ân nồng hậu đối với những nhân vật nào, dù xa dù gần, bất luận người bốn xứ hay khách ngoại bang, đã chọn thành hy sinh tấm thân trấn cầu, giúp hộ cho quốc dân ta, tạo dựng một uy lực hùng cường trong quốc nội hay lập nên một ngôi thứ gì trong vạn chủng. Tình giao hảo giữa người thi ân và kẻ thọ ân bắt buộc như thế, cho nên, để lưu niệm thành tích của nhiều Đáng Tiên Vương trong hiện kim thời đại, Đức Hộ Pháp xây cất ngôi Báo-Quốc-Tù này thành hột kim cương chói rạng miền Nam Việt-Nam, lại đặt vị trí nơi trung tâm Châu Thành Thánh Địa, thật là một may duyên hy hữu."*

*Thứ lật trang thanh sứ mà xem đại lược, đọc giả sẽ thấy trước mắt một bức tranh cảm tú từ dãy Hoành Sơn xuông tới Cà-Mau pha màu bần vui lẫn lộn, mà buồn nhiều vui ít, thành ra màu sậm. Buồn vì từ đời Hồng Bàng dĩ chí Hậu Lê, dân Việt không ngót làm thân nô lệ cho Đường Trào. Còn vui tuy ít, mà có hơn không, để giảm bớt con sâu của dân ta trong một thuở. Ấy là Việt Vương Câu*

Tiễn thảng mưu cao kế độc của Tàu, ngay trong đất nước  
Tàu mới hết nạn triều cống. Nối theo có nhiều anh hùng  
liệt nữ như Hung Đạo Vương, Nữ Trung Vương... đuổi  
quân Minh ra khỏi biển thuỷ, tự ta lấy lại chủ quyền lãnh  
thổ.

Nhưng vận mạng Việt Thường còn truân chuyên  
thống khổ, nên sau khi vua Gia Long tức vị thì nước Việt  
Nam bị Pháp tóm thầu làm thuộc địa. Một lần nữa, dòng  
châu kia chua ráo, đợt thảm nọ lại tuôn, quân khí ta lẩy  
lừng định kè chống ngoại xâm. Ngặt nỗi sức yếu cô đơn,  
chư liệt Vương: **Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân**, lần  
lượt bị biếm và đày lưu hải ngoại, rồi gởi xác nơi xứ lạ quê  
người. **Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Để** cũng bôn ba ra khỏi  
nước, rồi khuất bóng ngàn thu nơi đất khách, song nắm  
tro được đem về đất nhà.

Chính Đức Hộ Pháp buồi nọ thân hành vượt đại  
hai trùng dương qua xứ Phù Tang, thỉnh tro về cho còn di  
tích công thần nhà Nguyễn và nơi Chánh điện này là bài vị  
của Tứ vị Tiên Đế đó.

Thương thay! Chí & của chư Tiên Vương tuy bị  
chôn lấp trong thất bại, nhưng hồn nước Việt-Nam nhờ chí  
cao cả ấy mà tăng phần hiền hách, giữ mãi còn dân khí  
bất khuất trước sự bất công và sức mạnh.

Ngô nghĩnh một điều và cũng là may mắn một dịp  
bát trùng lai là Tôi cùng ông bạn Thời Quân Tiếp Pháp,  
trong thời kỳ học hỏi riêng với các Đẳng thiêng liêng hồi  
năm Ất Mùi (1955), Đức Cao Thượng Phẩm giáng cơ duy  
chúng tôi thủ lẽ, có ba vị Cựu Hoàng đến:

1\* Đầu tiên là:

**Việt Nam Đại Quốc HÀM NGHI:**  
“Cô nhân thiệt cảm đội ơn sâu của Ngự Mã Thiên

Quân, quý Thiên Sứ và Hội Thánh.

Nhân nhìn lại xã tắc mà đau lòng, tuy trước đã  
chẳng nên trò, nay vẫn vậy. Thật là tang thương quá đỗi!

**THI**

Nhìn ra xe ngựa cõi phòn ba,  
Gióng trống trời Nam hiệp nước nhà.  
Đem mối cựu thù tô xã tắc,  
Định giềng tân thế cứu san hè.  
Vì do quyền lợi nên đành vậy,  
Ấy bởi hư danh mới thế à!  
Cứu khổ từ đây nhờ Đạo pháp,  
An dân lập quốc tại Kỳ ba.

Cô nhân xin cảm ơn và xin được phép lui gót."

\* Ké tiếp là: **THÀNH THÁI chi quân:**

Xin chào chư Đại Thiên Phong và Tiểu Thiên mạng.

**THI**

Tách bước đồ lưu nhớ hận nhà,  
Buồn cho thân thế đã về già.  
Mong nhờ liệt sĩ toan trau súra,  
Đáp điểm non sông gầm vóc ta.

\* Đoạn tới: **Vua DUY TÂN:**

Tiểu vị kính chào quý Đại Đức, quý Thiên ân.

**THI**

Mở lối nghĩa nhân quét hận thù,  
Qua dòng tân khổ quốc gia thu.  
Cái gia khô cỗi, nay nhờ Đạo,  
Về cõi Hu linh cũng vân trù.  
(Cái gia là con đa đa)

\* Sau hết là: **NGUYỄN CUỜNG ĐỀ:**

Kính mừng chư Chơn Quân và Thiên phong. Cười. .  
Xin đẻ lời cảm ơn và mừng Bảo Thé Chơn Quân chi đức.

Vị quốc bôn ba ở nước ngoài,  
Chỉ mong chưa đoạt đoạn trán ai.  
Tủi mùng đâu biết giờ tiền định,  
May đặng duyên xưa ngự quốc dài.  
Xin được kiêú.

Chuyện đã trải qua hơn mười một năm rồi, nay  
nhắc lại tưởng cũng là cơ hội cho chư anh linh trên đây tố  
bày hy vọng đặt vào Đạo pháp của ĐẠI -ĐÀO TAM-KỲ  
PHÔ ĐÔVà có thể nhờ đó chư vị sẽ ngâm cười noi Huỳnh  
tuyễn

Kính Hội-Thánh,  
Kính Trung Tá Tình Trưởng,  
Kính Chu Quý vị.

Để tô điểm cho BÁO-QUỐC-TÙ được thêm vẻ tôn  
nghiêm, nhiều phần tử ưu tú trong vùng Long -Hoa đã  
hoan hỉ chung lo xây dựng bức rào chung quanh ngôi thờ  
Tiền Nhân Vị quốc Vong Thân. Ấy là một hành tàng đáng  
khen ngợi về phần vật chất và đáng chú ý về mặt tinh thần  
là ngộ khi quốc biến gia vong, chẳng luận là người thuộc  
giới Đạo hay Đời, phải đồng tình làm tròn bổn phận công  
dân đặng giải nguy cho dân tộc, cho thuỷ thổ. Chúng ta  
nên lưu ý rằng không phương mầu nào hơn phương pháp  
áp dụng đạo đức NGHĨA NHÂN để thức tỉnh thiên hạ qui  
về chánh pháp của THIÊN THUỢNG thì đâu muốn đâu  
không khi “Thời lai vận khứ”, thanh bình sẽ phục hưng  
tạo lại một đời mới với dân mới trong an cư lạc nghiệp

Mong thay!

Nay kính  
BẢO THÉ  
LÊ THIỆN PHƯỚC  
Thừa quyền Thượng Sanh  
(Ký tên đóng dấu)

**Bốn bài thi giáng cờ** của 4 vị Tiên Vương nói trên được dùng làm 4 bài thài hiến lễ cho 4 vị khi cúng tế nơi Báo Quốc-Tử Mỗi năm tại Báo Quốc Tử, Hội Thánh có thiết lễ cúng tế thường lệ vào năm ngày, kể ra như sau:

- Ngày 16 tháng Giêng âl: Thượng Nguơn.
- **Ngày 10 tháng 3 âl: Giỗ Tổ Hùng Vương.**
- Ngày 16 tháng 7 âl: Trung Nguơn.
- Ngày 16 tháng 8 âl: Trung Thu.
- Ngày 16 tháng 10 âl: Hạ Nguơn.

**\*Bài tế Quốc sĩ Trình Minh Thế:**

*Lỡ bước qua sông chặng kip đò,  
Chí cao khéo định khôi phiền lo  
Anh hùng định thế chưa an thế,  
Chỉ biết mai sau chặng vẹn trò*

**BÀI KINH CÚNG NOI BÁO QUỐC TỬ**

Năm Giáp Thìn 1964

*Hương đăng hoa quả kính dâng,  
Tửu trà cung hiến Linh Thần chứng minh  
Giúp cho thiên hạ thái bình,  
An cư lạc nghiệp Giáp Thìn đương niên.  
Cầu xin các Đấng Thánh Hiền,  
Hộ trì Đại Đạo đủ quyền chuyển xây.  
Bắc Nam hòa hiệp Đông Tây,  
Bốn biển huynh đệ sum vầy một noi.  
Nhứt tâm tín ngưỡng Đạo Trời,  
Thực hành Nhơn Nghĩa, lập đài Thượng nguơn.*



**3-BÀI TẾ CHIẾN SĨ TRẬN VONG**

Nợ cung kiếm chiến chinh là nghiệp,  
Giúp quốc dân sánh kip tha bang,

Xông pha ra chốn chiến tràng,  
Đắng cay cam chịu gian nan không sờn.  
Nguyện lấy sức đền ơn cương thô,  
Đốc lòng lo báo bồ ơn nhà,  
Trần hoàn gió bụi xông pha,  
Dựng nên Tô quốc một Toà thiên nhiên.  
Gày đại nghiệp truân chuyên lầm nỗi,  
Lướt trận tiền mở lối chông gai,  
Ngăn quân là bậc thiên tài,  
Đỡ nâng quốc thể đến ngày hiển vinh.  
Đạp gió tuyết phận mình cam chịu,  
Trọn kiếp sanh bận biju giang sơn,  
Nhân dân thất quốc căm hờn,  
Định an nước cũ chi sòn lòng trai.  
Ách nô lệ ngày nay đã dứt,  
Nước quật cường nhở sức toàn dân,  
Hồn thiêng nay đã tinh lẩn,  
Muôn dân chung hưởng hồng ân của Trời.  
Cơ tiến hoá đời đời chói rạng,  
Giữ Nghĩa Nhân soi sáng đạo màu,  
Đức ân bùa khắp Năm Châu,  
Toàn cầu chung hưởng phép màu Chí linh.  
Mưu định quốc anh linh trị nước,  
Giúp giống nòi giữ được Tự do,  
Tâm linh là phước Trời cho,  
Đỡ nâng vận nước chung lo mối giềng.  
Nay nhơn quả tiền khiên vừa mẫn,  
Cõi Hư linh cách dáng tràn ai,  
Trụ tâm nương bóng Cao-Đài,  
Theo vàng Nhụt Nguyệt ra ngoài Càn khôn.  
Trọng nghĩa Bạn linh hồn xin nhớ,  
Trợ cho nhau nâng đỡ Đạo nhà,

Rượu nồng đôi chén thiết tha,  
Tình thâm hướng cạn đó là tri âm.  
Danh Đại-Đạo vang lừng tỏ rạng,  
Đuốc Từ bi soi sáng tâm hồn,  
Lọc lừa khắp cả Càn Khôn,  
Lần theo nguồn Thánh bảo tồn chúng sanh.  
Công viên mãn đường lành nhẹ tách,  
Lánh bến mê phủi sạch nợ trần,  
Sóng làm TUỐNG thác làm THẦN,  
Hiển linh xin chứng tấm lòng tiết trung!



### *Giỗ Tổ Hùng Vương*

*Cây có cội, nước có nguồn,  
Mồng mười giỗ Tổ Đức Hùng Vương.  
Hoan nghinh đại nghiệp ơn khai sáng,  
Tưởng niệm công trình lập kỷ cương.  
Đất Việt địa linh sanh tuấn kiệt,  
Trời Nam quốc vận mạnh phi thường.  
Giang san gấm vóc bền chân vạc,  
Đánh tộ Việt-Thường vững bốn phương  
Thân Dân*

### *Huệ Giác hoạ:*

*Việt chung vì chung rõ gốc nguồn,  
Đua nhau giỗ Tổ Đức Hùng Vương.  
Tiền nhân bồ đức khai cơ nghiệp,  
Hậu đại nhớ ơn dựng thố cương  
Văn hiến tạo nên còn chói rạng  
Lạc Hồng roi giống há khinh thường?  
Hiềm đang tranh chấp chia bờ cõi,*

Cầu nguyện Bắc Nam hiệp nhứt phuong  
Đức Thượng-Sanh (Huệ Giác)



**B- Đức Hộ-Pháp đã đè xướng lập  
BÁO QUỐC TÙ**



**Đức Hộ-Pháp Giáo Chủ Đạo Cao-Đài**

Đức Hộ-Pháp đã đè xướng lập BÁO QUỐC TÙ với  
nhiều nguyên do:

Bởi: “Hoàn cảnh đất nước Việt Nam lúc bấy giờ hết  
sức sôi động. Nơi Triều đình Huế:

- Vua Thành Thái (1889-1907) bị phế (3-9-1907).

- Vua Duy Tân (1907-1916) lên l<sup>e</sup> vị (8 -9-1907) nhưng từ bỏ ngôi, hợp với Trần Cao Vân chống Pháp và bị bắt (6-5-1916).

Ngài giữ thái độ oai nghi lanh đạm, cho đến khi bị dày qua đảo Réunion cùng với vua Thành Thái(13-5-1916).

Cái chí khí kiêu hùng và ~~Ất~~ khuất của vị vua 17 tuổi, nung thêm chí căm hờn ngoại chủng của Đức Giáo Chủ Phạm Công Tắc lúc bấy giờ. Với khí thế tuổi trẻ, Ngài muốn vươn lên phá tan x<sup>ê</sup>ng xích nô lệ, để đòi l<sup>à</sup>y quyền sống và giải thoát gông cùm ngự trị trên giồng nòi. Nhưng tuổi nhỏ, Ngài đành chấp nhận hoàn cảnh, gia nhập phong trào Đông Du năm 1907, khi vua Duy Tân nối ngôi, để mong học hỏi thêm kinh nghiệm tranh đấu, tinh thần Cách mạng giữ nước của Người.

Phong trào Đông Du (1904-1907) do Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm Minh chủ và hai nhà Cách mạng Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh khởi xướng để nâng cao dân trí, bằng cách gởi các thanh niên du học ngoại quốc nhất là Nhật Bản.

Tại Sài Gòn phong trào Đông Du do hai ông Gilbert Chiếu (tức Trần Chánh Chiếu) và Dương Khắc Ninh lãnh đạo. Các ông thành lập các kinh thương hội như “Minh Tân công nghệ” và khách sạn “Nam Trung” làm nơi lưu trú hội họp cho đảng viên. Ngài Phạm Công Tắc dù đang theo học năm thứ hai trường Chasseloup-Laubat cũng lén bỏ học đến họp với anh em.

Hai ông Gilbert Chiếu và Dương Khắc Ninh tập hợp các đảng viên chia nhiều nhóm được ghi tên vào nhóm thứ tư. Lòng Ngài như mở hội nhưng phong trào bị khám phá. Một thám đến tra xét cơ sở Minh Tân công nghệ. Ông Dương Khắc Ninh đã l<sup>ật</sup> tay hành động, tiêu hủy tất cả hồ sơ và tài liệu nên không ai bị lôi thôi gì cả.

Khi ông Chiểu bị bắt, Ngài lại về quê.”

Vì ảnh hưởng cách mạng và các Tiên Vương, về sau, **Ngài lập Báo Quốc Tù**, bôn ba sang Nhật rước tro Cường Đế, về Sài Gòn rước linh vị Thành Thái và Duy Tân đem thờ nơi Báo Quốc Tù (gần chợ Long Hoa). Ngoài ra cơ quan thông tin Cao Đài sưu tầm và phổ biến các hình ảnh Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học ... Tất cả sự việc đó để nuôi dưỡng ý chí các liệt sĩ bất khuất và di dưỡng vang bóng một thời của tuổi trẻ hào hùng ... để xuất dương. Ba nhóm đã sang tới Nhật.

Báo Quốc Tù cắt theo hình lục giác đều, hai mặt trước và sau có đắp đôi liền nori công chánh nói lên sự tôn kính đối với các bực anh hùng chí sĩ xả thân bảo vệ tổ quốc, xây dựng giang sơn. Sau đây là lời Phủ dụ của ĐỨC HỘ-PHÁP trong ngày lễ Khánh Thành Đền Báo Quốc Tù:



## 1- Lễ Khánh Thành Đền Báo Quốc Tù

*Đức Hộ-Pháp để lời Phủ dụ*

*Ngày 16 tháng 8 Ât Mùi (Dl 01-10-1955)*

“Bàn-Đạo xin trân trọng để lời cảm ơn Quan Khách quyền Đời và Chức Sắc Thiên Phong của Hội Thánh Cao Đài cùng Quân-Đội Quốc-Gia đã có hiện diện nơi đây, đang giúp cho Lễ Khánh Thành Đền Báo Quốc Tù thêm phần long trọng.

Các Ngài ᾶng như Bàn -Đạo đã chung chịu một tình trạng đau thảm, sau 80 năm nước nhà bị lê thuộc, 80 năm dài đăng-đẳng, nỗi thương đau khổ của toàn quốc, mong mỏi đăng ngày quật cường cứu quốc, thì công cuộc tranh đấu thời gian dài đăng-đẳng ấy biết bao nhiêu bực

tiền bối ái quốc chọn thành, đã chịu lăm nỗi hy-sinh cho vân mạng Tổ quốc giống nòi.

Tiếp tục công trình vì dân vì nước ấy, chủng tộc đồng bào ta cùng con đường đấu tranh chánh nghĩa duy có một, nhưng phương pháp tranh đấu bất đồng mới khiến gây nạn nỗi da xáo thịt.

Những danh nhân chí sĩ, vị quốc vong thân ta chỉ được quý danh quý tánh thờ phụng tôn sùng đã dành, còn những vị anh hùng vô danh vị quốc, có lẽ ta phải mang một tội tình cùng họ vì ta không nghĩ đến việc hy sinh công danh và xương máu cao cả của họ. Còn những chiến sĩ đương xông pha nơi chiến địa buổi hôm nay cũng thế, ta chỉ biết danh tánh của họ một phần ít còn quên lại là phần nhiều, bởi có họ phải bị thân danh mai một.

**Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ** tức là **Đạo Cao Đài** chỉ cho phép những Tín -đồ của mình phụng sự quốc gia và chủng tộc Việt-Nam, chứ không phân biệt màu sắc Đảng Phái.

Nơi Đền Thờ này, các Ngài đã thấy Linh Vị của mấy vị Cựu Hoàng và Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, xin các Ngài đừng làm tưởng rằng: Đạo đã xu hướng theo thuyết “Bảo Hoàng” mà kỳ thật các Đáng ấy chỉ liệt vào hàng trung quân ái quốc của xã hội Việt-Nam mà thôi.

Vì công nghiệp của họ tranh đấu giải ách lệ thuộc cũng đồng cùng các chiến sĩ cách mạng khác kia vậy.

Tưởng niệm tới Lễ ấy, nên Hội-Thánh mới quyết định lập **Báo Quốc Tù** thờ trọn cả các Vong Linh của các Anh Hùng Chén Sĩ, Cửu Quốc Công Thần cùng là Trận Vong Chiến Sĩ.

Tưởng khi các Ngài cũng đã rõ cả hành tàng của Đạo. Từ ngày xuất hiện Đạo nhà của ta trước đã rồi sau mới biến thành nên nền Tôn Giáo quốc tế, vì tư tưởng Đạo giáo khoan hồng của Tổ Phụ chúng ta, mới đem phuơng pháp tín ngưỡng duy nhứt mối Đạo thờ Trời và thờ Người của Tổ Phụ ta noi truyền từ trước. Ấy vậy đã nói rành Đạo nhà ta trước đã thì ta cũng phải vì nhà của ta là Tổ quốc và nòi giống Việt-Nam đãng phụng sự trước, hâu định tinh quốc hồn, thống nhứt tinh thần và năng lực trong cuộc Đại Đoàn Kết của khôi Quốc Gia mới đủ phuơng cứu nguy cho Tổ Quốc.

Biết đâu gươong mẫu áy, nếu ta thực hiện ra được, nó sẽ không thành một phuơng pháp duy nhất cho các Quốc gia nhược tiểu một phuơng châm duy nhứt đãng tranh thủ tự do độc lập cho họ, quan niệm tưởng đến công trình tranh đấu của đàn anh may ra nó sẽ an ủi và giúp tâm cho các Bạn, đồng thời phục vụ cho Quốc gia xã hội.

Trái lại, nếu ta vô tình lãnh đạm để cho họ phải chịu mai một thân thể lân tám hồn, thì cái tội của ta vong ân bội nghĩa không cải chối. Hôm nay các anh linh chư vị anh hùng tiền bối và hậu bối đang ngự trị trong khôi Quốc hồn của ta và đang vờ-vẫn bên ta.

Giờ phút Thiêng Liêng này. Bàn-Đạo xin cả các Ngài hiệp tâm làm một cùng Bàn -Đạo thành một khôi tưởng niệm duy nhứt đãng cầu xin các Đấng áy giúp cho nòi giống ta khôi cơn ly loạn, cốt nhục tương tàn đãng đem hạnh phúc Hòa bình ại cho nước nhà và cho toàn thiên hạ”.



## 2- Lễ Hưng Quốc Khánh Niệm.

Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo tại Tổng Hành Dinh ngày 2-5  
Quí Tỵ (1953) Lễ Hưng Quốc Khánh

*“Hôm nay ngày Lễ Quốc Khánh, tức nhiên ngày Lễ Trung Hưng của nước Việt Nam thống nhứt Hoàng Triều của Đức Cao Hoàng Gia Long.*

Theo lịch sử, thời kỳ Lễ Trung Hưng từ 1502 tới 1789 đã biến sanh ra nạn nước : Nam, Bắc phân tranh, Hoàng Đồ chia rẽ Dé vị nhà Vua Lê cầm vận mạng nước nhà, còn Hoàng Đồ chia phân ra từ Miền Trung, tức nhiên Miền Nam này từ Núi Hoành Sơn đổ vô thuộc Chúa Nguyễn, từ Hoành Sơn đổ ra thuộc về Chúa Trịnh. Nước đã ly loạn, trong Nam có đảng tranh vì Chú a Tây Sơn Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đã dậy loạn, theo lịch sử thì cả toàn quốc không có một người nào là không hiểu, Bàn Đạo chẳng cần nhắc lại đây mà làm gì.

Đến năm 1778, Nguyễn Nhạc đã xưng Vương tức vị và định chiếm đoạt luôn Bắc Việt, tức nhiên tạo loạn cả toàn quốc. Trong thời kỳ ấy đất Tây Sơn có người đã làm cho nước nhà nổi danh đối với Trung Hoa, tức nhiên đối với nước Tàu, là Nguyễn Huệ, khi đăng linh của Nguyễn Nhạc ra trận, Ngài phân binh đuổi quân Tàu ra khỏi Bắc tức nhiên ra khỏi Thăng Long Thành của mình, Nguyễn Nhạc tạm phong cho Nguyễn Huệ Bắc Bình Vương. Tuy vậy Tây Sơn lấy thuyết hồi Lê diệt Trịnh, gọi là phò Lê diệt Trịnh, song kỳ trung, Tây Sơn đã mong chiếm đoạt Hoàng Đồ, thì trong khi ấy từ Nam chí Bắc đều thuộc về Tây Sơn.

Vận nhà Nguyễn đã đến, nên sản xuất ra một vị anh hùng là Nguyễn Ánh, đã phiêu lưu vô ngần, khi ở Nam, khi ở Xiêm, khi về nước, Ngài không biết bao gian khổ, may thay, cái nạn Dé Vương hay là cái nạn nước, nó đã qua,

thành thử Ngài xuất hiện nơi Nam Kỳ, tức nhiên trong Nam chúng ta đây, này vị anh hùng cứu quốc, trải biết bao nhiêu đau khổ, đã đem lại một giai đoạn lịch sử vinh diệu, không biết sao mà nói đặng, không thể tỏa. Ngài đã làm cho nước Việt Nam thống nhứt từ Nam chí Bắc.

Còn trong công cực định quốc, Bần Đao nói có hai vị trung thần mà Hoàng Triều đã đặt họ là “Trung quân” tức là **Võ Tánh và Ngô Tùng Châu**. Tây Sơn đem cả lực lượng mình đặng lấy thành Bình Định, Võ Tánh với Cao Hoàng Gia Long đãng cần gì phải giải vây cho thành Bình Định tức nhiên là Qui Nhơn, nên thừa cơ hội binh lực của Tây Sơn không có đè phòng mà đánh lấy luôn thành Phú Xuân, này thế Gia Long tức nhiên Đức Cao Hoàng đã lấy Phú Xuân đặng, hai người Ngô Tùng Châu và Võ Tánh tử tiết, thật sự ra Hoàng Đô nước Việt Nam ta đặng thống nhứt từ Mũi Cà Mau đến Ải Nam Quan ngày nay là nhờ lực lượng Cao Hoàng đã cầm vận mạng và nhờ hai vị “Tinh trung” Ngô Tùng Châu và Võ Tánh mà ta có thể hãnh diện nói rằng: Hai người ấy là người đồng bào trong Nam ta đó vậy.

Ngoài ra cái công ngập, Ngài chỗng phải khôi phục Hoàng Đô mà thôi, Đức Cao Hoàng Gia Long tức nhiên là Nguyễn Ánh, đã đem lại hai Tỉnh của Lào thêm vào bản đồ Việt Nam, **một là Sơn La hai là Lai Châu**, nếu chúng ta coi lịch sử thì người trước nhứt nước Pháp đã nói: *Le Grand Législateur du Vint Nam, tặng một người đã cầm vận mạng nước Việt Nam về luật vĩ đại hơn hết.* Cao trọng hơn hết là ngày (1802) Ngài đã chỉnh đốn từ nội bộ tới ngoại thuộc, Ngài lấy cả các Cựu Luật của Ngài, số của Ngài vĩ đại không thể tả đặng, chỉnh đốn duy tân, Ngài đã đem lại cho chúng ta một địa dư mới, Quan

chức mới, Luật binh mới, Quân dụng mới, hình thức Chính trị mới, Bình dân mới, cả thảy đều được Ngài chỉ định, nếu chúng ta không có bị bảo hộ từ thủ thì Bần Đạo dám chắc rằng: Cái công nghiệp vĩ đại của Đức Gia Long Cao Hoàng đã trở thành đại công cùng Tổ Quốc, chúng ta hôm nay đến đây là cốt yếu để cả tâm đức của mình, trong tinh thần của Ngài.

Bần Đạo mong ước con cái của Đức Chí Tôn cả thảy quân sĩ anh dũng Cao Đài, ngó cái chí hùng của Ngài làm mục đích đặng thi tho thực hiện, cho nước Việt Nam được độc lập”.

### **Kính cùng chư đọc giả** (Lời Soạn giả)

Sau khi quyển “BÁO QUỐC TÙ” được in ra gởi tặng một số độc giả thì tôi được tập “Báo Quốc Tù” của Ngài Trần Quang Vinh viết năm 1966. Thấy có nhiều tài liệu hay mà chính nơi đây cần được bô túc. Vì thế tôi xin ghi thêm vào tài liệu này cho được dồi dào hơn. Bởi có bài tường thuật của Hoàng-Thân Ủng An mà Ngài Trần ghi

“Nhơn dịp Hoàng Thân Ủng An (Chánh hiệu là Tuy Lý Vương Tôn Ủng An, Thúc âuD Thị) đến viếng Toà Thánh Tây Ninh ngày 16-8-Bính Ngọ (dl 30-9-1966) và có sự hiện diện nhiều thân tộc trong Hoàng gia tại buổi Lễ trùng tu Báo Quốc Tù ngày 20-10-Bính Ngọ (dl 01-12-1966) tác giả (Trần Quang Vinh) có thương lượng với Hoàng Thân Ủng An viết cho một bài Cảm tưởng tư ờng thuật cuộc viếng thăm Đền Báo Quốc Tù và gom góp những tài liệu thuộc về bốn vị Vương kề trên....”

Soạn giả xin được trích ra để bô túc cho được dồi dào hầu công hiến Bạn đọc cùng tài liệu trong Sứ ký của Phạm văn Sơn và nhiều bài thuyết Đạo của Đức Hộ-Pháp.

## C- CẢM TƯỞNG VỀ BÁO QUỐC TÙ

(Bài của Tuy Lý Vương Tôn Ưng An, Thực Dật Thi)

Du khách từ Sài gòn lên, do con đường mới vào  
Toà Thánh Tây ninh, sẽ đi qua Chợ Long Hoa, một khu  
phố xá rộng, nằm trong phạm vi Thánh Địa; rồi từ chợ  
Long Hoa sẽ trông thấy xa xa một ngôi Đền xuyên qua lối  
Bát Quái, đến gần thấy biển đè “BÁO QUỐC TÙ”.

Trong hai cột trụ cửa có hai câu đối:

- *Bảo thủ cơ đồ anh hùng dương khí phách*
- *Hộ trì quốc vận chí sĩ hiển uy linh.*

Cát trên khoảnh đất lớn, có hàng rào sắt chung  
quanh và mới được trùng tu. Ngôi Đền xem lộng lẫy, trang  
nghiêm, với những màu sắc tươi thắm, hòa với những  
công trình chạm trổ Long - Lân- Qui -Phụng. Hai vị tu sĩ  
lão thành đạo mạo thấy khách thập phương dừng chân  
viếng kinh, hồn hở đón chào.

Bước chân vào Đền thấy chính giữa một bàn thờ  
sơn son thếp vàng cao lớn, những đồ Từ khí bày biện ở  
trên đều bằng đồng cũng cao lớn cân xứng, hai bên có lộng  
vàng tàng đỏ, lỗ bộ, kim cang. Giữa bức tường ngay sau  
bàn thờ có đè 8 chữ Hán: CÚU QUỐC CÔNG THẦN  
CHIẾN SĨ TRẬN VONG.

Ở trên bàn thờ, dưới tám chữ ấy có bốn Bài vị sơn  
son thếp vàng và một tấm chơn dung lộng kiêng . Nhìn  
hình và đọc chữ trên bốn Bài vị, người viết bài này vô  
cùng cảm động thấy rằng bốn vị được tôn sùng trong BÁO  
QUỐC TÙ của ĐẠI ĐẠO CAO ĐÀI đều một giọng họ  
với mình, đều vào hàng Anh và hàng Cháu.

Hai Linh vị chính giữa:

HÀM NGHI: Vị quốc đồ lưu nơi Hải ngoại

THÀNH THÁI: Vị quốc đồ lưu nơi Hải ngoại

Hai Linh vị hai bên:

DUY TÂN : Vị quốc đồ lưu nơi Hải ngoại

CƯỜNG ĐỀ: Vị quốc đồ lưu Cách mạng . Đó là bức chân dung CƯỜNG ĐỀ ĐIỆN HÀ.

Trong bốn ngày tôi ở tại Thánh Địa Tây Ninh, trọ tại biệt thự của một ông bạn: Cụ Trần Quang Vinh. Thiên ân Phối -sư Thượng Vinh Thanh . Cảnh tượng trong nhà người tới kề lui, mỗi lúc mỗi tung bừng rộn rịp. Cả ngày khách đến đông đảo, tôi đinh ninh rằng họ đến thăm hỏi vị Phối Sư từ Sài gòn mới trở về, nhưng Ông bạn lại nói với tôi: Họ đến để chào mừng tôi. Vì họ nghe nói Tôi là bà con của bốn vị Vua, Chúa triều Nguyễn mà họ phụng thờ.

Tuy thăm viếng xã giao, nhưng câu chuyện từ sáng đến khuya lại đượm một tình cảm nồng nàn, niềm hoài vọng của Đạo hữu Cao Đài. Họ nhớ ơn đức tiên nhân, dày công khai sáng, đền địa phì nhiêu: Đồng Nai, Rạch Giá. Họ mong cương thường chấn chỉnh, nước trị dân yên. Hoàng đế toàn bảo: Núi Ngự, sông Hương. Thỉnh thoảng khi có Chơn linh ứng vào thể xác họ. Câu chuyện lại ẩn ước những Bí pháp, Thiên cơ, những tiên tri, sấm ngữ.

Họ nhắc lại những chuyện quá khứ đã ứng nghiệm:

### THI

**Thượng, hạ nhị thiên xứ địa hoàn**

**Việt-Nam nhứt quốc nhứt giang san**

**Hoàng-đô toàn bảo Thiên-thơ định**

**Danh-tộ trường-lưu tổ-nghiệp tồn**

**QUỐC-ĐẠO kim triêu thành ĐẠI-ĐẠO**

**NAM-PHONG thủ nhứt biển NHƠN-PHONG**

**An dân liệt Thánh tùng Nghiêng Thuấn**

**Văn-hóa tương-lai lập Đại-Đồng.**

Đó là bài thi ủa Đức Chí -Tôn giáng Cơ đêm 21-12- Đinh Hợi (1948) dạy đem qua Hồng Kông giao cho

công dân Vĩnh Thuy, trước khi Ngài hồi loan chấp chánh. Nói đến vị lai họ bày giải đến những câu Sấm của cụ Trạng Trình, những: “Mã đè Dương cước...” “Thân Dậu niên lai”...theo tinh thần đạo pháp và tin tưởng của họ, có thể tóm tắt bằng những câu thi này:

*TAM KỲ vận chuyển bởi Tôn Miếu,*

*ĐẠI ĐẠO qui nguyên pháp điểm tô.*

Tôi cũng nghe qua một Sấm ngũ trước giờ chưa từng nghe:

*TÂY khởi phục hồi dương chánh lực,*

*CAO đè hoàn trách dũ nguyên ly.*

Hỏi hai câu này ý nghĩa như thế nào? Xuất xứ từ đâu? Bao giờ? Thì họ cười mà chỉ khuyên lấy hai chữ đầu của hai vế: chữ TÂY và chữ CAO mà suy nghiệm thì có thể hiểu.

Lại có một bài thi Tứ tuyệt chữ Hán, do một Đạo hữu phái Nữ ngâm:

Bửu Ngọc Viên Minh Thiên Việt Nguyễn  
Sơn Trung Sứ Mạng Địa Nam Tiền  
Kỳ Niên Trạng Tái Tân Phục Quốc  
Hương Xuất Trình Sanh Tạo Nghiệp Yên (1)

Rồi đến lượt những lời thơ Bí truyền, từ năm Mão vừa qua (1963) dưới đây là một:

*Bính-Ngọ này mã phi nghiệp chướng*

*Anh-hùng hào kiệt tiến biên cương*

*Bão-bùng dậy búa vây tứ hướng*

*Long hoàng nhả Ngọc thống Quốc Vương.*

Họ thấy tôi ngắn ngơ nghĩ suy, họ nói đó là Bí truyền, một ngày gần đây sẽ được chứng nghiệm.

Bốn nữ Giáo Hữu liên ngâm với một giọng thanh tao, lồng trầm rất đúng điệu những bài tiên tri, văn chương hùng hồn mà ý nghĩa không bí ẩn. Hai bài sao lục

dưới đây là của Cụ Phan Thanh Giản giáng Cơ đê Bút hôm 01- 8 vừa qua (dl 15-9-1966):

*Thanh bình Nam Bắc mỗi lòng đau,  
Ngoại cảnh chia phân ruột nát xào.  
Chỉ tại nhơn sanh chưa ý thíc,  
Chung tâm nào ngại việc binh đao,  
Con đường Cứu Quốc lo NHÂN NGHĨA  
Chí cả trượng phu giúp ĐÀO CAO,  
Phù thế Lam Sơn chưa trồ mặt,  
Chỉnh tu thân phận nắm phong trào.*

.....  
*Biết Cơ độc lập toàn Nam Bắc,  
Xây dựng nền Nhân tránh lẽ Tà.  
Gắng chí Thủ Hùng lo Xã tắc,  
Chỉ cho đôi chút việc gần xa.*

Sáu, bảy người khác cũng thuộc phái Nữ luân phiên hát những bài Dân ca trường hận, lời văn nhẹ nhàng nghĩa lý sâu sắc, khuyên là nh răn đừ, hài những tội ác bất hiếu, bất trung, tham lam, tàn bạo; kể những thiện cẩn trung trinh, hiếu đạo, tín nghĩa, nhân từ.

Giọng hát khi thì nỗi nuột bi ai, thương cho kiếp phù sinh ội lỗi, khi thì vui tươi thanh thoát, mừng cho Đạo pháp lưu hành.

...Các vị Chức sắc trọng trọng nói cho tôi biết ý tú của Đức Chí-Tôn và các Đẳng Thiêng Liêng, nhứt là Đức Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, khi các vị giáng Cơ chỉ giáo cho Đức Phạm Hộ-Pháp lập ngôi BÁO QUỐC TỬ cách đây 15 năm, để phụng thờ các vị TINH TRUNG BÁO QUỐC, lịch sử giống nòi và vì sao các vị trong số đó: Ba vị Hoàng Hộ và một vị Hoàng Thân triều NGUYỄN được sùng bái hơn hết.

Các bậc danh nhân, liệt nữ như: Hai bà Trưng, Bà

Triệu, Ngô Vương Quền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Bình Định Vương, Bắc Bình Vương...đều là những vĩ nhân siêu đẳng của dân tộc, công nghiệp lớn lao, danh tiếng lưu muôn thuở đều được toàn dân ghi ơn, tưởng niệm đời đời. Nhưng xét về tâm lý, nói đến tình đời, các bậc áy đều đã tráng niên anh tuấn, dũng lược hơn người, khi đấy binh, lúc lâm tận đều đã có đầy đủ lý trí để tự mình hoạch định cơ mưu. Công hâm tự mình lựa chọn địa điểm, tiến thoái tự mình xem xét thời cơ. **Chí như Vua Hàm Nghi, Vua Thành Thái, Vua Duy Tân và K**  
**Ngoại Hầu Cường Đέ đều đương tuổi áu thơ,** sống trong nhung lụa, nhứt hô bá ứng, sung sướng vô song. Thế mà hồi 13, 14 tuổi đã có khí phách anh hùng, đã có tinh thần hy sinh, đã nghe theo tiếng gọi Thiêng liêng của đất nước, từ bỏ ngôi báu mà đặt tấm thân non nớt vào con đường gian lao nguy hiểm để mưu đồ khôi phục cứu nước, cứu nòi. Rồi sau khi thất bại cam chịu gian truân suốt đời, không mấy may thay đổi chí khí, thì thật là vô cùng hy hữu. Lịch sử Đông Tây chưa chắc có một nhân vật phi thường nào khác. Vì vậy, tuy sự nghiệp không thành, mà bốn vị Vua Chúa áy được thần dân vô cùng thán phục, luôn luôn tưởng nhớ. Nên chi Đức Chí-Tôn giáng Cơ duy bảo tôn thờ các Ngài để tiêu biểu cho khí phách anh hùng, tinh thần bất khuất của dân tộc.

Nơi BÁO QUỐC TÙ mỗi năm có năm ngày Cúng thường lệ:

- Ngày 16 tháng Giêng âm: Thượng Nguơn.
- **Ngày 10 tháng 3 âm: Giỗ Tổ Hùng Vương.**
- Ngày 16 tháng 7 âm: Trung Nguơn.
- Ngày 16 tháng 8 âm: Trung Thu.
- Ngày 16 tháng 10 âm: Hạ Nguơn.

Tôi được cái may dự Lễ cúng ngày 16 tháng này,

thấy Tín đồ Cao Đài Nam Nữ lũ lượt kéo đến Đền niêm hương lễ bái, thành cản tôn sùng anh linh của các bậc tiền nhân, thật không tả xiết nỗi cảm kích tri ân, nó xúc động cả tâm khâm của kẻ thân tộc này.

Sau bốn ngày đắm chìm trong bầu không khí mát mẻ của sự giao hảo. Trong đó, Đạo Đời xen lẫn, khi thì vui cười kể chuyện xưa nay, lúc lại nghiêm trang nghe câu thi, sấm, ý nghĩa phân minh, khuyên lơn tu tinh: nứa từ chuong ẩn ước ám chỉ tương lai. Trong đó những sự tai nghe, mắt thấy đã đem tôi từ cái mới lạ này qua cái mới lạ khác, mà trong thế hệ lo âu, nghi hoặc này của dân tộc.

Tôi trở về Sài gòn:

### **THI**

*Muôn vàn cảm tạ các Chơn linh,  
Ấn ước Thiên cơ chỉ giáo minh.  
Đôi ngã Âm Dương tuy cách biệt,  
Một niềm thành kính thấu U Minh.*

*U Minh hiển hiện giữa quang minh,  
Quá khứ tương lai kẻ sự tình.  
Báo quốc tinh trung gương vạn cổ,  
Ấn cần khuyên nhủ khách tài danh.*

Sai gòn, 18 tháng 8 năm Bính Ngọ (dl 2-10-1966)

Tuy Lý Vương Tôn Ưng An, Thúc Dật Thị  
(đoạn cuối này là phần trích ra noi trang 6)

#### **Ghi chú:**

(1) Bài thơ này đọc theo chiều dọc sẽ có như sau:

Bửu Sơn Kỳ Hương.	Ngọc Trung Niên Xuất
Viên Sú Trạng Trình	Minh Mạng Tái Sanh
Thiên Địa Tân Tạo	Việt Nam Phục Nghiệp.
Nguyễn Tiên Quốc Yên	

## Bài thơ này trước đây tôi được biết là:

Bửu Ngọc Quân Minh Đại Việt Nguyễn  
Sơn Trung Sư Mạng Đạo Nam Tiên  
Kỳ Niên Trạng Tái Tân Phục Quốc  
Hương Xuất Trình Sanh Tao Nghiệp Yên

Nếu đọc theo chiều xuống thì sẽ là:

Bửu Sơn Kỳ Hương.  
Ngọc Trung Niên Xuất.  
Quân Sư Trạng Trình.  
Minh Mạng Tái Sinh.  
Đại Đạo Tân Tao.  
Việt Nam Phục Nghiệp.  
Nguyễn Tiền Quốc Yên



Đám cưới Vua Hàm Nghi.

## CHƯƠNG II

### TÚ ĐẠI THIÊN VƯƠNG 1- VUA HÀM NGHI



#### **Tiểu sử Vua Hàm Nghi:**

Vua Hàm Nghi tức là Chánh Mông, em Vua Kiên Phúc đã mất, ông lên thay, huý là Ứng Lịch, con thứ của

Kiến Thái Vương, cháu năm ~~thi~~ của Vua Gia Long, lên ngôi Hoàng Đế, kế vị cho Vua Kiến Phúc ngày 27-6 năm Giáp Thân (1884) đặt niên hiệu là HÀM NGHI, lúc ấy Ngài mới lên 12 tuổi. Trong triều đình thì bọn gian thần chuyên quyền, loạn chánh. Ngoài biên cương quân Pháp đã chém cứ khắp nơi từ Nam chí Bắc. Triều cương nghiêng ngửa, xã tắc nguy vong.

Bấy giờ Khâm sứ Pháp là Rheinart trách cứ rằng việc đặt Vua Hàm Nghi lên ngôi không có xin phép nước Pháp và Đại tá Guerrier đem 600 quân cùng một đội pháo binh từ Bắc vào Huế để thị uy. Sau đó Rheinart và Guerrier sang làm Ê phong Vương cho Vua Hàm Nghi rồi mới rút binh sĩ trở về Hà nội.

Pháp lèn dốc toàn lực để tiêu diệt quân kháng chiến của CẦN VƯƠNG mà thái độ giờ phút đó rất khả nghi và quan ngại. Thống Tướng Pháp là De Courcy vừa sang tới Bắc kỳ liền đem 1.000 quân vào Huế bàn việc giao thiệp giữa Ông và Nam triều, đòi các quan phụ chính Đại thần phải sang tận Sứ quán Pháp để Hội thương. Viên Tướng Pháp còn bắt Nam triều ra lệnh cho sĩ phu và dân chúng tùng phục hoàn toàn Chính thể Bảo hộ của Pháp. Y lại có ý nhân dịp này bắt ông Tôn Thất Thuyết ngay giữa cuộc đàm phán vì ông này là linh hồn của cuộc kháng chiến chống Pháp. THUYẾT biết mưu này liền cáo binh không sang chỉ để cho Nguyễn văn Tường và các vị quan khác đến dự, còn Ông thì đi kiểm soát các đồn trại và kho thuốc súng. Pháp khao thưởng quân đội và định sáng hôm sau vây bộ binh bắt Thuyết, thì vào gờ đêm Thuyết cho bắn một phát đại bác làm hiệu lệnh để tấn công vào Đồn Mang Cá và Sứ quán Pháp. Cuộc náo loạn vô cùng, ông Nguyễn văn Tường thấy thế nguy liền vào triều nội yêu cầu Vua Hàm Nghi xuất Cung. Dù thế trận phía ta bị thiệt

hại nặng về mọi mặt nhưng một Tướng Pháp tham gia trận đánh này vẫn khen quân ta thiện nghệ phòng thủ vì các đường giao thông có đào hầm hố hoặc chẹn bằng các chướng ngại vật.

*“Đêm 22-5-Ất Dậu (1885) quan quân đánh nhau với quân Pháp lần cuối cùng tại Thuận Hoá.*

*Kinh thành thất thủ, Vua lìa cung Cấm, thoát tay quân thù. Những triều thần trung nghĩa phò xa giá chạy ra Quảng Trị lên Tân Sở son phòng rồi lần ra Quảng Bình, lên xứ Môi.*

*Hịch Càn Vương ban khắp các Tỉnh. Sĩ dân toàn quốc khởi nghĩa Càn Vương, kháng cự ngoại xâm từ năm Ất Dậu, thè nguyễn sóng chét thâu hồi lãnh thổ, khôi phục hoàng đế.*

*Than ôi! Vận nước suy vi, anh hùng thất thủ.!*

*Tình đời đen bạc, đã có những bậc trung thần liệt sĩ cứu nước phò Vua, ấy cũng có những phuờng gian manh phản nghịch, hại Vua bán nước.*

*Khi Vua Hầm Nghi chạy khỏi Kinh thành, quân Pháp sai bọn gian thần đuổi theo ruột Ngài trở về, nhưng xa giá mỗi ngày đi xa hơn.*

*Biết nhà Vua không hồi loan, quân Pháp bèn chia đường rượt bắt. Từ đó Ngài trải qua một đoạn đường vô cùng gian truân, dãi nắng dầm mưa nằm gai ném mật.*

*Nghe tin quân thù gần đến, Vua tôi bỏ Tân Sở, chạy qua Báo Đài, chạy trở về Tân Sở. Nhưng chạy đi đâu, tung tích nhà Vua càng bị bọn gian phản dò biết. Quân Pháp lại càng đuổi theo ráo riết.*

*Từ Tân Sở vượt ngọn Mai Lĩnh chạy lên Lao Bảo lại băng đường núi ra Hầm Thao, định thẳng ra Sơn Phòng Hà Tịnh, liên lạc với lực lượng Càn Vương của ông Phan Đình Phùng, nhưng lại có tin báo động, Vua lại phải*

chạy qua xứ Mọi Voi Tân, một nơi hiểm hóc độc địa, giáp giới nước Lào.

Tới Voi Tân, trú tại làng Khê Tả Bảo, trong một mái nhà tranh, kiểm điểm lại tả hữu tùng vong, Vua chỉ thấy vỏn vẹn mười người trong một số hơn một trăm người khi ra đi.

Các kiện tướng đều chia đường đóng giữ những nơi hiểm yếu, để đoạn hậu cho Vua chạy, đế đốc Lê Trực trấn mạn Thanh Thuỷ, quân của ông Tôn Thát Đạm trấn ở Kỳ Anh, thuộc Tỉnh Hà Tịnh để chặn đường quân thù từ miền Bắc kéo vào. Ông Nguyễn Phạm Tuân ngày đêm tuần tiễu vùng kề cận xứ Mọi Voi Tân.

Ông Tôn Thát Thiệp thì phò Vua, chầu hầu bên cạnh. Các văn thần, võ tướng khác thì đều phân tán các nơi, chiêu tập binh mã, một số tùng vong khác không chịu nỗi cảnh cơ cực lên thác xuồng ghênh, phải nửa đường bỏ cuộc, lánh thân vào clồn thôn quê. Lại một số nữa, ham mỏi phú quý bỏ về thành thị đầu giặc cầu vinh.

Ấn náo tại làng Khê Tả Bảo, vua tôi được yên một thời gian, nhưng sơn lâm chóng khí, nước độc lao lư, Đức Vua lâm bệnh thương hàn, cơ hồ không tránh khỏi tay tử thần.

Không thuộc thang điều dưỡng, luôn luôn sống trong ảo mộng, nỗi thê thảm của Ngài lại càng gấp bội.

Quân Pháp nhứt diện đuổi bắt nhà Vua, nhứt diện buộc triều đình khuyén dụ Ngài trở về. Hoàng Kế Viêm lanh án Kinh lược Đại sứ, đem quân ra thủ tại Tỉnh Quảng Bình. Nhơn danh triều đình, hứa nếu Ngài thôi kháng chiến sẽ được phong chức Tổng trấn ba Tỉnh: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh và được cấp bổng lộc theo Tước Vương. Các cựu Thần đều được phục nguyên chức.

Nhưng sau tám tháng dùng hết mưu kế qui quyết để

thành công nhưng Hoàng Kế Viêm thất bại hoàn toàn: Vua tôi quyết tâm kháng chiến.

Dánh nhau với các lực lượng Càn Vương, quân địch hao binh tổn tướng, bèn thay đổi chiến lược. Chúng án binh tại giữa Tỉnh Quảng Bình, lập Đồn Minh Cầm, chống chế hệ thống liên lạc giữa các Tướng và “Dĩ giặc dãi lao” thửa cơ đánh úp những cánh quân nung thé.

Ngày tháng qua, lực lượng Càn Vương các nơi đều lẩn hồi tiêu hao. Đồn Thanh Thuỷ đã bị phá vỡ, ông Lê Trực phải rút quân vào rừng sâu. Ông Tôn Thất Đạm tuy vẫn cầm cự nhưng thé lực mỗi ngày mỗi suy vi. Ông Nguyễn Phạm Tuân đã không giữ nổi trận thé và trong trận cuối cùng đã đền ơn Vua nợ nước.

Nhưng mặc dầu tin tức bất lợi nặng nề, mặc dầu bệnh hoạn liên miên, mặc dầu ăn sương uống gió lo sợ trăm bề, chí phục thù của Đức Vua vẫn không nao núng. Trái lại, phút cuối cùng của khoán đời tự do ngắn ngủi của Ngài biểu lộ một khí phách, một tinh thần hy sinh vô cùng xứng đáng để cho thần dân tưởng nhớ, để cho hậu thế tôn sùng. Năm ấy là năm Mậu Tý (1888).

Một tên suất đội hầu cận nhà Vua, thông đồng với tên tù trưởng xúi Mọi Voi Tân, lén ra Đồn Minh Cầm, đem đường chỉ lối cho quân thù đi lọt vào làng Khê Tả Bảo.

Đêm 26-9 Âm lịch, quân nghịch vây kín túp lều tranh, trong khi Vua tôi đang ngủ. Hoảng dậy thấy tên tù trưởng, biết chính nó đã phản bội, bèn rút thanh bảo kiếm đe dọa cho nó và bảo: “Mày giết Tao đi, còn hơn đưa Tao về nạp cho Tây”. Trong khi ấy ông Tôn Thất Thiệp bị Việt gian đâm sau lưng, chết tại trận (Có sách chép: Ông Tôn Thất Thiệp vùng dậy tuốt gươm, định giết Vua rồi tự sát như kế hoạch đã định trước, để Vua khỏi lọt vào tay của địch, nhưng viên Chỉ huy quân Pháp lạnh mặt bắn hạ ông

trước). Vua liền bị ôm choàng và bắt sống.

Từ khi bị bắt, Ngài không nói năng gì nữa cả.

Quân Pháp đã lưu Ngài qua xứ Algérie một thuộc địa Pháp lúc bấy giờ tại Bắc Phi châu. Mặc dầu người Pháp ỷ lồng cung kính lấy Vương lẽ mà tiếp đãi, Ngài cũng một mực làm thính. Nước mắt nhà tan, tâm thân dày đoạ kẻ làm sao xiết nỗi âm thầm tủi nhục của vì Vương hào kiệt. Từ đó về sau, suốt 58 năm, cho đến năm 1947, Ngài thăng hà tại nơi đất khách quê người, ngậm hòn noi chín suối.

Ngày nay, trong khi nước nhà lại phải cam go tranh đấu cho chủ quyền tự do, Đại-Đạo Cao-Đài trùng tu BÁO QUỐC TÙ mười phần tráng lệ, phụng thờ anh linh Ngài, để treo cao bức gương thiên cổ của khí phách dân tộc, thật là một cử chỉ có ý nghĩa sâu xa.

Trong những chiến sĩ tung vong, hai anh em: Tôn Thất Thiệp (bị giặc giết lén) và ông Tôn Thất Đạm (tự tử khi nghe tin Đức hàm Nghi bị bắt), được sử sách ghi chép trung liệt vô song, cam phần lao khó, phò Vua cho đến bước đường cùng, lấy cái chết mà đèn Ông Vua nợ nước.

Sử cũng liệt vào hàng trung kiên báo đáp. Các tướng lãnh Cân Vương khác, khắp nơi như ông Lê Trực, Nguyễn Phạm Tuân, Trần xuân Soạn, Phan Đình Phùng, Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Trung Trực, Hoàng Hoa Thám, không kẽ gian truân nguy hiểm, không ham tước lộc của quân thù mà quên đại nghĩa, không vì thế cùng lực kiệt mà nản chí, người tử nạn trước đã dành phần, người sống sót vẫn bền gan kháng chiến...hoặc tìm chốn thâm sơn mai danh hồn tích, hoặc đem tàn quân qua tàu quyết không khuất phục quân thù.” (tài liệu của Ứng An, Thủ Dật Thị”.

Trong khi đó, ông THUYẾT đem Vua Hàm Nghi

chạy ra Tân Sở (Quảng Trị) người Pháp treo giải 2.000 lạng bạc cái đầu của Ông Thuyết và ai bắt được Vua Hàm Nghi thì được thưởng 500 lạng.

Cuộc bôn đào của Vua Hàm Nghi vô cùng nguy nan. Còn Ông Thuyết thì sang Trung Hoa để cầu viện nhà Thanh nhưng không may cho Ông phán trút hơi thở cuối cùng nơi đất khách Long Châu.

Còn Vua Hàm Nghi dù được quan tướng trung can gìn giữ, bảo mật hoàn toàn nhưng không trừ được kẻ gian, ham lợi danh bỗng lộc là Tướng Trương Quang Ngọc. Khi vua Hàm Nghi nhận ra được Ngọc, giận uất vô cùng, trao cho hắn thanh kiếm mà bảo rằng:

*- Mày giết tao đi còn hơn đem nộp tao cho Tây.*

Nhưng rồi Ngài cũng bị hắn bắt đem về nộp cho Đại Uý Pháp Boulanger, ngay lúc đó hắn đưa Ngài về đồn Thuận-bàì gần Chợ Đồn bên Tả ngạn sông Gianh. Rồi Ngài bị đưa xuống tàu về Thuận An và sau đó bị đày đi Algérie, mỗi năm Pháp cấp cho 2.000 Phật lăng (tiền Pháp). Bấy giờ Ngài mới 16 tuổi.



## Cuộc diễn tiến: LOẠN Ở TRUNG KỲ

1. *Thống tướng De Courcy vào Huế.*
2. *Triều đình chạy ra Quảng Trị.*
3. *Nguyễn Văn Tường ra thú.*
4. *Xa giá các bà Thái hậu về Khiêm Lăng.*
5. *Quân Càn vương.*
6. *Vua Đồng Khánh.*
7. *Thống tướng De Courcy phải triệt về.*
8. *Vua Hàm Nghi ở Quảng Bình.*
9. *Ông Paul Bert.*
10. *Lập Tổng đốc Toàn Quyền.*

## 1. Thống Tướng De Courcy vào Huế.

Việc đánh nhau với Tàu xong, thì tức là cuộc bảo hộ ở nước Nam thành công. Nhưng ở các nơi, những quan cũ ta còn chống nhau với quân Pháp, mà ở Huế thì Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết chuyên chế đủ mọi đường

Tháng 9 năm Giáp Thân (1885), hai ông **Đức Dục** **Đức giam vào nhà tối**, không cho ăn đói để chết đói, đỗ tội cho là thông mưu với giặc. Hai ông ấy lại mộ quân tập lính và lập đồn Tân Sở ở gần Cam Lộ thuộc tỉnh Quảng Trị, đem đồ báu ngọc vàng bạc ra đáy, phòng khi có việc gì thì đem quân ra đó để chống nhau với quân Pháp. Cũng vì các ông ấy có ý muốn kháng cự, cho nên quân Pháp đã chiếm giữ đồn Mang Cá ở thành Huế và lại bắt bỏ súng đại bác ở trên thành đi.

Ngày 18 tháng 4 năm Ất Dậu (1885), Tống tướng De Courcy sang trú Bắc kỵ. Bấy giờ sự Hòa ước với Tàu đã xong, bởi vậy Thống tướng mới định vào Huế bắt Triệu đình ta phải chịu quyền bảo hộ. Thống tướng đến Hà Nội đã nói chuyện với các người Pháp và những người Nam ra làm quan với Pháp, đã biết tình hình ở trong Huế là thế nào. Đến ngày 19 tháng 5 thì Thống tướng đem non 500 quân đi tàu vào Huế. Triệu đình cử hai quan đại thần theo viên Khâm sứ Pháp là ông De Champeaux ra đón Thống tướng ở cửa Thuận An. Sáng hôm sau, Thống tướng cho đòi hai quan phụ chính sang bên Khâm sứ để định việc vào **yết kiến vua Hàm Nghi.**

Hai ông ấy lúc bấy giờ còn đang lùng lẫy, việc Triệu chính ở trong tay mình cả, mà thấy Thống tướng làm sự đường đột như thế, cũng đã tức giận lắm, lại cứ như lời mấy ông quan cựu thần nói chuyện, thì ông Thuyết là quan văn làm tướng võ, nhưng hình dáng thì không được thanh tú: đầu thì trọc, người thì béo mà đen khi phải ra theo

lẽ bang giao mà đối với một người tướng ngoại quốc như ông De Courcy thì trong hụng khiếp sợ không biết ra thế nào.

Ông Tường thì là một tay giao thiệp giỏi, lại có nhiều mưu cơ và tài nghề ứng biến, cho nên lúc ấy chỉ có một mình ông Tường sang ra mắt quan Thống tướng De Courcy mà thôi, còn ông Thuyết thì cáo bệnh không sang. Thống tướng thấy vậy, bão đau cũng phải khiêng sang.

Tôn-Thất-Thuyết thấy quan Pháp ra oai như thế, phần thì tức giận, phần thì sợ, lại nhân lúc bây giờ mới có điềm động đất, mới nghĩ bụng rằng đây là điềm trời xuôi khiến bèn quyết ý sửa soạn để đánh nhau.

Thống tướng De Courcy định đến hôm vào Điện yết kiến **vua Hàm Nghi**, thì ~~plái~~ mở cửa chính, không những chỉ để quan nước Pháp đi mà thôi, nhưng lại phải để cả quân lính cùng đi vào cửa ấy. Triều đình thấy điều ấy trái với quốc lễ, xin để Thống tướng đi cửa giữa, theo như sứ Tàu ngày trước, còn quân lính thì ~~xindi~~ cửa hai bên, Thống tướng nhất định không chịu.

Triều-dình ở Huế thấy dùng cách phủ -dụ không được, bèn lấy quyền cho người Pháp tìm kế đánh-dẹp.

Người Pháp cũng biết là thế-lực của đảng vua Hàm Nghi chẳng được bao nhiêu, cốt tim đường mà chiếm dần địa-thế và mua chuộc những đứa làm tay trong, thì tất thế nào rồi cũng trừ hết được, bởi vậy cho nên không dùng đến đại binh.

Trước, Đại-úy Mouteaux ở Quảng-bình đã cùng với ông cố Tortuyaux đem quân đi đánh lấp đòn của Lê Trực ở Thanh-thủy, nhưng quân ~~ủa~~ ông ấy vẫn không tan, cứ đánh phá mãi. Đến tháng giêng năm Đinh-Hợi (1887), Đại úy Mouteaux đem quân lên ~~ập~~ đòn Minh -cầm đóng ở mé trên Thanh-thủy. Đại-úy vẫn biết ông Lê Trực là người có

nghĩa-khí và trong khi hai bên đóng cự với nhau không bao giờ ông ấy làm điều tàn-ác, cho nên Đại-úy vẫn có ý trọng lầm. Trước đã cho người đưa thư lên dụ ông ấy về thú. Ông ấy phúc thư lại rằng:

*“Tôi vì vua, vì nước, chết sống cũng một lòng làm việc cho hết bốn-phận, chứ không dám tham sự sống mà quên việc nghĩa”.*

Từ khi quân Pháp đóng đồn ở Minh-cầm, các ông Lê Trực và Nguyễn Phạm Tuân phải lui lên mé trên. Ông Lê Trực thì ra mạn Hà-tĩnh, Ông Nguyễn Phạm Tuân thì lên đóng ở làng Yên-lộc về phía sông Gianh.

Qua tháng 3, nhờ có dọ thám, biết chỗ ông Nguyễn Phạm Tuân đóng, Đại-úy Mouteaux bèn đem quân lên vây làng Yên-lộc, bọn ông Nguyễn Phạm Tuân, trong khi bất ý, đều bị bắt cả. Ông Nguyễn Phạm Tuân phải đạn bên cạnh sườn, sống được mấy ngày thì mất.

## **2. Triều đình chạy ra Quảng Trị:**

Trưa hôm 22 các quanở Cơ Mật Viện sang Khâm sứ xin vào bàn định cho xong việc đi cửa chính, cửa bên, nhưng Thống tướng De Courcy không tiếp. Bà Từ Dụ Thái Hậu sai quan đem đồ lễ vật sang tặng T hống tướng, Thống tướng cũng khuấtc đi không nhận.

Các quan thấy T hống tướng làm dữ dội như vậy, đều ngạc nhiên không hiểu ra ý túr gì mà khinh mạn Triều đình đến như thế. Tôn-Thất-Thuyết càng thấy thế càng lấy làm tức giận, thôi thì sống chết cũng liều một trận, họa may trời có giúp kẻ yếu hèn gì chăng? Ấy là tướng sĩ lúc bấy giờ ai cũng tưởng như thế, cho nên mới định đến nửa đêm khởi sự phát súng bắn sang Khâm sứ và đánh trại lính của Pháp ở Mang Cá.

Chiều hôm ấy Thống tướng làm tiệc đãi các quan Pháp. Tiệc vừa tan xong, thì súng ở trong thành nổ ra đúng

đùng, rồi những nhà ở chung quanh dinh Khâm sứ cháy, lửa đỏ rực trời. Quân Pháp thấy bất thình linh nửa đêm quân ta đánh phá như ây, chưa biết ra thế nào, chỉ yên lặng mà chống giữ. Đến sáng ngày 23 mới tiến lên đánh, thì quân ta thua chạy. Nguyễn Văn Tường cho người vào Điện tâu xin rước vua và các bà Thái Hủ tạm lánh lên Khiêm Lăng. Khi xa giá lần glén cửa huu thì gặp Nguyễn Văn Tường đã chực sẵn để đi hộ giá, nhưng lệnh truyền cho Nguyễn Văn Tường ở lại để thu xếp mọi việc. Nguyễn Văn Tường vâng lệnh trở lại. Xa giá đi qua làng Kim Long, lên đến chùa Thiên Mụ, thì Tôn Thất Thuyết đem quân chạy đến truyền rước xa giá quay trở về Trường Thi.

Lúc bấy giờ Vương tôn công ủ, người đi ngựa, kẻ đi chân, dân gian thì trẻ cõng già, đàn bà dắt trẻ con, ai nấy chạy hốt hoảng tìm đường tránh cho khỏi chỗ binh đao.

Xa giá đến Trường Thi vào nghỉ được một lát, thì Tôn Thất Thuyết lại giục lên đường, nói rằng quân Pháp đã sắp đuổi tới. Tối ngày 23, xa giá vào nghỉ nhà một người bá hộ, sáng ngày 24 ra đi, đến tối mới tới thành Quang Trị. Quan tuần phủ Trương Quang Đản ra rước xa giá vào Hành cung và đặt quân lính để phòng giữ.

Trận đánh nhau ở Huế, quân Pháp mất 16 người và 80 người bị thương. Sách Tây chép rằng quân ta chết đến vài nghìn người, còn bao nhiêu khí giới lương thực và hơn một triệu tiền của đều mất cả.

### **3. Nguyễn Văn Tường ra thú:**

Tại Huế, cả buổi sáng hôm 23, quân Pháp chiếm lấy thành trì và giữ gìn các nơi. Còn quan ta, người thì đi theo xa giá, người thì ân nấp một nơi, chưa biết thế nào, chưa ai dám ra. Đến trưa hôm ấy, Nguyễn Văn Tường vào ăn cơm nhà ông Giám mục Caspard, rồi nhờ ông ấy đưa ra thú với

Thống tướng De Courcy. Thống tướng cho Nguyễn Văn Tường ra ở Thương bạc viện, giao cho Đại úy Schmitz và một toán lính Pháp phải coi giữ và hẹn cho trong hai tháng phải làm thế nào cho yên mọi việc.

#### **4. Xa giá các bà Thái hậu về Khiêm Lăng:**

Nguyễn Văn Tường viết sớ ra Quảng Trị xin rước xa giá trở về Kinh để cho yên lòng người. Nhưng lúc ấy vua Hàm Nghi và Tam cung là bà Từ Dụ Thái Hoàng Thái Hậu, mẹ Đức Dực Tông, bà Hoàng Thái Hậu là vợ Đức Dực Tông và mẹ nuôi vua Dục Đức, bà Hoàng Thái phi là vợ thứ Đức Dực Tông và mẹ nuôi vua Kiến Phúc, bị Tôn Thất Thuyết gìn giữ, sớ của Nguyễn Văn Tường gửi ra vẫn an, ông ấy đem giấu đi không cho vua biết. Ai cũng muốn xin rước xa giá lên Tân Sở, để lo liệu sự khôi phục. Đức Từ Dụ và hai bà Thái Hậu nhất định không chịu đi.

Ngày 27, Tôn Thất Thuyết nghe tin có tàu Pháp sắp đến, bèn xin Tam cung ở lại Quảng Trị và xin rước vua lên Tân Sở. Khi sắp đi, vua Hàm Nghi vào lạy ba bà Thái Hậu: tình ly biệt, nỗi sâu thẳm, kẽ sao cho xiết! Vua đi khỏi độ một giờ đồng hồ, thì bọn nội giám đều trở lại nói rằng Tôn Thất Thuyết không cho đi. Đến ngày 28, thì Tam cung mới tiếp được tin của Nguyễn Văn Tường ra nói xin rước xa giá trở về Huế, mọi việc đã thu xếp xong rồi. Bà Từ Dụ cho người đi rước vua trở lại để cùng về Huế, nhưng tìm mãi không biết vua ở đâu, chỉ tiếp được thư của Tôn Thất Thuyết gửi về nói Nguyễn Văn Tường phản trắc nợ kia, xin đừng có nghe. Người bàn đi, kẻ bàn lại, ai nấy phân vân chưa bết ra thế nào. Ngày 30 lại tiếp được sớ của Nguyễn Văn Tường ra giục xa giá trở về. Đức Từ Dụ mới quyết ý về Kinh, định ngày mồng 4 thì lên đường, sai quan tuần phủ Trương Quang Đản đem quân đi hộ giá. Đến chiều tối ngày mồng 5, xa giá các bà Thái Hậu về đến

Khiêm cung. Nguyễn Văn Tường dâng sớ lên thỉnh an và kể tình mọi việc.

Trong khi Vua còn ~~vắng~~, T hống tướng De Courcy đặt ông Thợ Xuân lên làm Giám quốc, giao quyền Binh bộ thượng thư cho viên Khâm sứ De Champeaux, để bãi việc binh lính của ta đi và gọi quan kinh lược ở Bắc kỳ là Nguyễn Hữu Đô và quan Tổng đốc Nam Định là Phan Đình Bình ~~về~~ cùng với Nguyễn Văn Tường coi việc cơ mật. Vì hai ông ấy ở Bắc Kỳ đã hiểu mọi việc và đã biết theo chính sách của bảo hộ, cho nên Thống tướng đem về để thu xếp mọi việc cho chóng xong. Nguyễn Văn Tường và Nguyễn Hữu Đô không hợp ý nhau, Nguyễn Hữu Đô lại trở ra Bắc Kỳ.

### 5. Quân Càn Vương:

Tôn Thất Thuyết ở Quảng Bình làm hịch Càn Vương truyền đi các nơi, bởi vậy chỉ trừ những chỗ chung quanh Kinh thành ra, còn ~~còn~~ Bình Thuận trở ra cho đến Nghệ An, Thanh Hóa, chỗ nào sĩ dân cũng nổi lên, đốt cho dân bên Đạo gây thành mồi loạn, rồi đến đốt phá những làng có Đạo. Sách Tây chép rằng từ đầu tháng 6 cho đến cuối tháng 8, dân bên Đạo phải 8 ông cô và hơn 2 vạn người bị giết.

Thống tướng De Courcy thấy chỗ nào cũng có loạn cả, bèn trở ra Bắc Kỳ, hội các tướng lại để bàn sự đánh dẹp. Thống tướng định sai Đại tá Pernot đem 1500 quân ở Huế ra đuổi Tôn Thất Thuyết, lại sai Thiếu tướng De Négrier đem một đạo quân đi từ Thanh Hóa đánh vào. Nhưng chính phủ ở Paris điện sang không cho Thống tướng khởi sự dùng đại binh và lại nhân lúc bấy giờ ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ có bệnh dịch tả, quân Pháp chết hại đến ba bốn nghìn người, bởi vậy cho nên việc dùng binh phải đình lại.

Tại Huế thì mãi không ai biết vua Hàm Nghi ở đâu. Triều đình thì mỗi ngày một rối, việc lập Vua mới thì tuy rằng đã định rồi, nhưng còn lôi thôi chưa xong.

Đến ngày 27 tháng 7, ~~và~~ hết hạn 2 tháng của Thống tướng De Courcy hẹn cho Nguyễn Văn Tường, và lại, bấy giờ ở Bắc Kỳ lại có nhiều người ghét Nguyễn Văn Tường xin Thống tướng đem trị tội. Bởi vậy sang ngày 28 Thống tướng bắt quan nguyên Phụ chính Nguyễn Văn Tường, quan Hộ bộ thượng thư Phạm Thận Duật và Tôn Thất Đính là thân sinh ra Tôn Thất Thuyết, đem đày ra Côn Lôn. Phạm Thận Duật đang đi Tàu thì chết, phải ném xuống biển. Nguyễn Văn Tường thì sau lại phải đày ra hải đảo Tahiti ở Thái Bình Dương, được ít lâu cũng mất, cho đem xác về chôn ở quê nhà.

## **6. Vua Đồng Khánh:**

Thống tướng De Courcy đày bọn Nguyễn Văn Tường đi rồi, đem Nguyễn Hữu Độ về cùng với Phan Đình Bình coi việc triều chính, sai Nguyễn Trọng Hợp ra quyền kinh lược ở Bắc Kỳ. Thống tướng lại sai ông De Champeaux lên Khiêm cung ết kiến Đức Từ Dụ xin lập **ông Chánh Mông là Kiên giang quận công lên làm vua.**

Ngày mồng 6 tháng 8, ông Chánh Mông phi thân hành sang bên Khâm sứ làm lễ thụ phong, rồi làm lễ tấn tôn, đặt niên hiệu là **Đồng Khánh.**

Vua Đồng Khánh tính hiền lành, hay trang sức và cũng muốn duy tân, ở rất được lòng người Pháp; đình thần thì nhiều người đã biết theo chính sách của bảo hộ cho nên mọi việc trong Triều đều được yên ổn. Nhưng vua **Hàm Nghi** còn ở **mạn Quảng Bình**, kéo tờ nghĩa để chống nhau với quân Pháp, truyền hịch Càn Vương để mong đường khôi phục. Lúc bấy giờ, lòng người còn tưởng nhớ Chúa cũ, cho nên từ tỉnh Bình Thuận trở ra, chỗ nào cũng

có người nỗi lên đánh phá để toan bè khôi phục.

Tại Quảng Nam thì bọn thân hào lập ra Nghĩa hội có quan sơn phòng sứ là Trần Văn Dự làm chủ, rồi những tỉnh Phú Yên, Bình Định, Bình Thuận đều noi theo mà nỗi lên. Tại Quảng Trị có các ông Trương Đình Hội, Nguyễn Tự Như, ở Quảng Bình có quan nguyên tri phủ là Nguyễn Phạm Tuân, ở Hà Tĩnh có cậu ám Lê Ninh; ở Nghệ An có ông nghè Nguyễn Xuân Ôn và quan sơn phòng sứ Lê Doãn Nhạ; ở Thanh Hóa có Hà Văn Mao ..Những người ấy đều xướng lên việc Càn Vương, đem quân đi ~~hặc~~ chiếm giữ Tỉnh thành, hoặc đánh lấy các phủ huyện và đốt phá những làng có Đạo. Tại ngoài Bắc thì các quan cựu thần là quan Đề đốc Tạ Hiện, quan Tán tướng Nguyễn Thiện Thuật tụ họp ở Bãi Sậy, rồi đi đánh phá ở mạn Trung châu, còn ở mạn Thượng du, thì ở chỗ nào cũng có quân giặc Tàu quấy nhiễu. Bởi vậy quân Pháp phải chia binh ra chống giữ các nơi.

### **7. Thống tướng De Courcy phải triệt về:**

Thống tướng De Courcy thấy ở ngoài Bắc có lăm việc, bèn để Thiếu tướng Prudhomme ở lại Huế, rồi ra Hà Nội kinh lý mọi việc. Nhưng vì Thống tướng tính khắc khổ và đa nghi, cho nên công việc càng ngày càng khó thêm. Tại Pháp thì có nhiều người không muốn giữ đất Bắc Kỳ, có ý muốn bãi binh. Bởi vậy đến cuối năm 1885 là năm Ất Dậu, Thủ tướng nước Pháp là ông Brisson xin nghị viện thuận cho lấy ra 75 triệu phật lăng để chi tiêu về việc Bắc Kỳ. Nghị viện đặt hội đồng để xét việc ấy. Hội đồng định rút quân về và chỉ cho 18 triệu phật lăng mà thôi. Đến khi đầu phiếu thì đảng theo chính phủ được 274 phiếu và đảng phản đối với chính phủ được 270, nghĩa là đảng muốn giữ đất Bắc Kỳ chỉ hơn có 4 phiếu. Thủ tướng Brisson thấy trong nghị viện có nhiều người không hợp ý

mình bèn xin từ chức.

Ông Freycinet lên làm thủ tướng, thấy thống tướng De Courcy ở bên nước Nam làm lầm việc lôi thôi, bèn điện sang triết về Pháp, giao binh quyền lại cho trung tướng Warnel và sai ông Paul Bert là quan văn sang sung chức Thống đốc, để kinh lý mọi việc ở nước Nam.

### **8. Vua Hàm Nghi ở Quảng Bình:**

Bấy giờ tuy ở Huế đã lập vua Đồng Khánh rồi, nhưng đảng cựu thần còn có nhiều người theo phò vua **Hàm Nghi**, quyết chí chống lại với quân Pháp. Quan Pháp bèn sai đại tá Chaumont đem quân ra đóng ở thành Quảng Bình, để chặn đường không cho đảng Tôn Thất Thuyết thông với Bắc Kỳ. Nhưng ở mạn Thanh Hóa, Nghệ An, bọn Văn thân đánh phá át dũ. Đại tá Chaumont bèn để Đại tá Grégoire ở lại giữ thành Quảng Bình, rồi trở về Đà Nẵng lấy thêm binh và tàu chiến đem ra đóng ở thành Nghệ An, chia quân đi tuần tiễu các nơi.

Tôn Thất Thuyết thấy thế không chống nổi quân Pháp bèn bỏ vua Hàm Nghi ở lại đồn Vé, thuộc huyện Tuyên Hóa (tên cũ là Qui Hợp Châu) tỉnh Quảng Bình, rồi cùng với đề đốc Trần Xuân Soạn đi đường thượng đạo, nói rằng sang cầu cứu bên Tàu.

**Vua Hàm Nghi** bấy giờ phải ẩn nấp ở vùng huyện Tuyên Hóa có các con của Tôn Thất Thuyết là Tôn Thất Đạm và Tôn Thất Thiệp cùng với đề đốc Lê Trực và Nguyễn Phạm Tuân, hết sức giữ gìn và đem quân đi đánh phá ở mạn Quảng Bình và Hà Tĩnh.

Tháng giêng năm Bính Tý (1886), trung tá Mignot đem quân ở Bắc kỳ vào Nghệ An, rồi chia làm hai đạo: một đạo thì Thiếu tá Pelletier đem lính tập theo sông Ngàn sâu vào mạn Tuyên Hóa; một đạo thì Trung tá Mignot tự đem quân đi đường quan lộ vào giữ thành Hà

Tĩnh, rồi vào đóng ở sông Gianh.

Tại Huế lại sai trung tá Metzniger đem ôn toán quân ra tiếp ứng các đạo. Quân Pháp đóng ở chợ Đồn và ở Minh Cầm, rồi Trung tá Metzniger đem ông <sup>ô</sup>Tortuyaux đi làm hướng đạo để lên lấy đòn Vé. Thế quân Pháp tiến lên mạnh lăm quân Văn thân chống không nổi, phải tan rã. Nhưng qua sang tháng hai, ở ngoài Bắc Kỳ có việc, vả lại viên thống đốc Paul Bert đã sang đến nơi, chính sách đổi lại cả, cho nên mới triệt các đạo quân về, chỉ đóng giữ ở Quảng Khê, ở Roon và ở chợ Đồn mà thôi. Quân Văn thân thấy quân Pháp rút về, lại trở về đóng ở các đòn cũ.

Quân Pháp tuy đã trừ được ông Nguyễn Phạm Tuân nhưng ông Lê Tực hãy còn và vẫn chưa biết rõ vua Hàm Nghi ở chỗ nào, sau có những người ra thú, mách rằng muốn bắt vua Hàm-Nghi thì mưu với tên Trương -Quang Ngọc. Tên ấy là người bản-xứ ở đây và từ khi Vua ra ở vùng ấy nó được vào hầu cận và lại là một đứa khí-độ tiểu nhân, thì chắc có lẽ mua chuộc nó được. Đại-úy định tìm cách để thông với tên Ngọc, cho người đi do-thám, biết được tên Ngọc hiện đóng ở làng Chà-mạc, bèn đem quân lên vây làng ấy. Nhưng khi lên đến nơi, tên Ngọc thấy động, chạy thoát được. Đại-úy sai tìm trong làng <sup>cũ</sup> thấy có một bà lão, Đại-úy bèn đưa cái thư <sup>vết</sup> cho tên Ngọc, nhờ bà lão ấy đưa cho nó, rồi rút quân về đòn Minh-cầm.

Được mấy hôm kỳ-dịch những làng mé trên về thú ở đòn Minh-cầm, Đại-úy đưa cho Chánh-tổng những dân ấy mấy lạng thuốc phiện và mấy bì gạo trắng để gửi cho tên Ngọc và nhờ bảo nó dỗ vua Hàm-Nghi về. Tên Ngọc nhận những đồ ấy và trả lời xin hết lòng giúp người Pháp, nhưng cần phải để thông thả, sợ việc tiết-lộ ra thì không thành.

Từ đó việc bắt vua Hàm-Nghi chỉ trông-cậy vào tên

Ngọc. Nhưng bấy giờ có người con thứ Tôn-Thất-Thuyết là Tôn Thất Thiệp giữ gìn vua Hàm Nghi một cách nghiêm mật quá. Tôn-Thất-Thiện thè sống chết không để cho quân Pháp bắt Vua được. Bởi vậy, hễ ai nói đến sự về thú thì bắt chém ngay, cho nên bợn tên Trương Quang Ngọc tuy đã nhị tâm, nhưng chưa dám hạ thủ.

Ở mé ngoài, thì các ông Lê Trực và Tôn-Thất-Đạm, nay đánh chỗ này mai phá chỗ kia mà không sao bắt được. Đại-úy Mouteaux đánh đuổi lâu ngày nhọc-mệt, bèn xin về Pháp nghỉ.

### **9. Ông Paul Bert:**

Ngày mồng 5 tháng 3 năm Bính Tuất (1886), viên Thống đốc Paul Bert sang đến Hà Nội. Lập tức đặt phủ Thống sứ ở Bắc kỳ và sở kiểm soát về việc tài chính. Đến cuối tháng 3 thì Thống đốc vào yết kiến vua **Đồng Khánh** ở Huế và xin lập nha Kinh lược ở Bắc Kỳ, cho quan Kinh lược đại sứ được quyền cùng với phủ Thống sứ tự tiện làm mọi việc. Vì rằng ở ngoài Bắc vào đến Huế đường xá xa xôi, có việc gì phải tâu bẩm vào Bộ mốt nhiều ngày giờ lầm, bởi vậy xin cho được tự tiện làm việc, rồi trong một năm độ vài kỳ đem các việc tâu về vua biết.

Thống đốc Paul Bert ở Huế đến cuối trung tuần tháng 4 lại ra Hà Nội, rồi một mặt thì lo đánh dẹp, một mặt thì mở Pháp Việt học đường, lập Thương nghiệp cục, đặt lệ đồn điền. Chủ ý của Thống đốc là muốn khai hóa đất Bắc Kỳ cho chóng được thịnh lợi. Nhưng cũng vì Thống đốc phải lo nghĩ

Chính phủ Pháp sai ông Bihourd sang lĩnh chức thống đốc Pháp thay ông Paul Bert.

### **10. Lập Tổng Đốc Toàn Quyền Phủ:**

Nước Pháp đã lấy đất Nam Kỳ, lập bảo hộ ở nước Cao Miên, rồi lập bảo hộ ở đất Bắc Kỳ và ở Trung Kỳ, mở

ra một cuộc thuộc địa lớn ở Viễn đông này; nhưng buổi đầu thì mỗi xứ có một chức Thủ hiến để coi riêng việc chính trị. Đến năm Đinh Hợi (1887), chính phủ nước Pháp mới đặt phủ Tổng đốc toàn quyền để điều khiển việc chính trị cả mấy xứ ở nước ta và nước Cao Miên.

Tháng 10 năm Đinh Hợi (15 tháng 11-1887), viên Tổng đốc toàn quyền mới, là viên Tổng đốc toàn quyền trước nhất là ông Constant sang nhận chức ở Sài Gòn.

Từ đó ở các nơi như Nam Kỳ thì có viên Thống đốc, Trung Kỳ và Cao Miên thì mỗi nơi có viên Khâm sứ, Bắc kỳ và Lào thì mỗi nơi có viên Thống sứ đứng đầu coi việc cai trị trong hạt; những việc gì quan hệ đến chính sách cả toàn cảnh thì phải theo lệnh viên Tổng đốc toàn quyền mà thi hành.

### **Vua Hàm Nghi bị bắt:**

Qua tháng giêng năm Mùa -Tý (1888), viên Đại -Tá coi đạo quân ở Huế ra Quảng-Bình, rồi chia quân đi tuần tiễu, để tìm vua Hàm-Nghi và đuổi bắt ông Lê Trực và ông Tôn-Thất-Đạm. Đến tháng 9 năm ấy, quân lính mồi -mệt mà không thành công được. Quân Pháp đã toan rút về giữ những đồn ở gần mạn bể, bỗng dung có tên suất-đội Nguyễn Đình Tinh hầu cận vua Hàm-Nghi ra thúở đồn Mang-Cá, phía trên đồn Minh -Cầm và khai rõ tình-cảnh cùng chỗ Vua đóng. Người Pháp bèn sai tên Tinh đem thư lên dụ tên Ngọc về. Được mấy hôm tên Ngọc và tên Tinh về tình-nghuyện xin đi bắt vua Hàm-Nghi.

Người Pháp truyền cho bọn tên Trương Quang Ngọc phải làm thế nào bắt sống được vua Hàm-Nghi, còn những người khác hễ ai chống cự, thì cứ giết đi.

Ngày 26 tháng 9, tên Ngọc và tên Tinh đem hơn 20 đứa thủ hạ, người ở làng Thanh-lang và Thanh-Cuộc lên vây làng Tà -bảo là chỗ vua Hàm-Nghi đóng. Đến độ nửa

đêm, khi chúng nó xông vào, thì Tôn-Thất-Thiệp còn đang ngủ, hoảng hốt cầm gươm nhảy ra, thì chúng đâm chết. Vua Hàm-Nghi trông thấy tên Ngọc làm phản như vậy, cầm thanh gươm đưa cho nó và bảo rằng:

- “Mày giết tao đi, còn hơn đưa tao về nộp cho Tây”. Ngài vừa nói dứt lời, thì bọn chúng nó có một đứa lén ra sau lưng ôm quàng ấy Ngài rồi giựt thanh gươm ra. Từ khi Ngài bị bắt rồi, Ngài không nói năng gì nữa.

Sáng ngày hôm sau, bọn tên Ngọc vỗng Ngài ra đến bến Ngã-hai, rồi đem xuống Cái bè, đi mất hai ngày mới về đến đồn Thanh-lang, nộp cho viên Đại-úy coi đồn ấy là ông Boulanger. Đại-úy lập tức đem Ngài về đồn Thuận Bài đóng ở tả ngạn sông Gianh, gần chợ Đồn.

**Vua Hàm-Nghi** bấy giờ đã 18 tuổi, quan Pháp lấy Vương-lễ mà tiếp-dãi. Tuy vậy ai hỏi gì, Ngài cũng không nói, chỉ nhất-thiết chối rằng mình không phải là Vua.

Nhưng đến lúc vào trong buồng ngồi một mình, thì hai hàng nước mắt chứa -chan, buồn vì nỗi nước mắt nhà tan, thân mình phải nhiều nỗi gian-truân.

Người Pháp đem vua Hàm-Nghi ~~xuống~~ tàu về Thuận-an, rồi đem sang để ở bên xứ Algérie, là xứ thuộc địa của nước Pháp, ở phía Bắc châu A-phi-ly-gia, mỗi năm cấp cho 2 vạn rưỡi Phật-lăng.

Tên Trương Quang ~~Ngc~~ được hưởng hàm Linh binh, tên Nguyễn Đình Tinh cũng được thưởng hàm quan võ. Còn ~~bọn~~ thủ -hạ, đứa thì được thưởng hàm suất-đội, đứa thì được thưởng mấy đồng bạc.

Tôn-Thất-Đạm ở ngàn Hà-tĩnh, nghe tin vua Hàm Nghi bị bắt, bèn hội cả bọn tướng sĩ lại, truyền cho ra thú để về làm ăn, rồi viết hai bức thư: một bức để dâng Vua Hàm-Nghi, xin tha ~~đi~~ cho mình làm tôi không cứu được Vua và ~~một~~ bức gửi cho Thiếu - tá Dabat, đóng đồn

Thuận-bài xin cho lợn thủ -hạ ra thú. Viết xong thư rồi, Tôn-Thất-Đạm nói rằng: “Bây giờ người Pháp có muốn bắt ta thì vào tìm thấy mả ta ở trong rừng!”. Đoạn rồi thắt cổ mà tử-tận .

Hai người con của Ông Tôn-Thất-Thuyết thì thật là bậc thiêú-niên anh-hùng, có thể theo được cái dâu của cha

Quan đè-đốc Lê Trực cũng đem hơn 100 quân ra thú ở đồn Thuận-bài. Triều-đình ở Huế xem cái tờ xin ra thú, thấy lời-lẽ của quan Đè-đốc cũ nói khăng-khai, không được khiêm-tốn, có ý bắt tội, nhưng người Pháp thấy là một người trung-nghĩa, có lòng quý-trọng, tha cho về yên nghiệp ở nhà.

Ông Tôn-Thất-Đạm và ông Lê Trực là người phản đối với nước Pháp lúc bấy giờ, nhưng các ông ấy vì việc nước mà hết lòng làm việc bốn-phận cho nên người Pháp cũng biết lượng tình mà thương-tiếc. Sau ông Lê Trực về ở làng Thanh-thủy, thuộc huyện Tuyên-hóa, tỉnh Quảng Bình, người Pháp thường vẫn đi lại thăm-nom và có ý kính-trọng lắm. Người bản-quốc thấy vậy, ai cũng lấy làm cảm phục.

Hiện nay vua Hàm Nghi còn ở Algérie và đã lấy một người vợ nước Pháp, được mấy người con.



## **Giai thoại về Hai Ông TƯỜNG & THUYẾT:**

Thời kỳ gần cuối cùng của Triều Nguyễn thật vô cùng nguy ngập về việc chánh trị vì chịu cảnh nô lệ của Pháp đã lợi dụng danh nghĩa truyền giáo, rồi biết bao sự cố xảy đến. Để đánh dấu những biến cố đó sĩ phu Việt Nam có ghi lại câu đối sau đây:

**Nhất giang lưỡng quốc nan phân THUYẾT.**

## Tứ nguyệt tam Vương triệu bất TƯỜNG — 江兩國難分說 四月三王召不祥

Câu 1: Có nghĩa rằng một con sông (đây là sông Hương) bên kia bờ là Toà Khâm sứ Pháp, bên này bờ là theo chế độ của triều đình Việt Nam. Hai nước hai chánh sách cai trị khác nhau, quyền lợi đều nghịch hằn nhau, mọi việc thật khó giải bày.

Câu 2: Bốn tháng mà ba Vua thay đổi đó là điểm chặng lành.

Ba Vua đó là:

-**Kiến Phúc**: ở ngôi được 6 tháng và mất ngày mùng 7 tháng 4 Giáp Thân (1884) trong ~~ột~~ trường hợp vô cùng thảm.

- Em ngài là Vua **Hàm Nghi** lên thay, tức là Chánh Mông, huý là Ứng Lịch, khi đó mới 12 tuổi, nhưng phong trào kháng Pháp nỗi lên dữ dội, Vua Hàm Nghi lưu vong.

- Pháp thấy khó dễ được Vua Hàm Nghi trở về nên lập Vua **Đồng Khánh** lên thay vào ngày 6 tháng 8 Giáp Thân. Tính ra vừa tròn bốn tháng mà có đến ba vua thay phiên nhau kế vị, dù trong hoàn cảnh hết sức miễn cưỡng và bất bình.

Trong dân gian ừng quá đau lòng cho cảnh loạn triều như thế nhưng cũng chỉ biết thở than mà thôi.

Chuyện một người đàn bà nhà quê đi buôn bán về, vào buổi trưa đặt quang gánh trước Huyện đường mà rằng:

“Gãm xem thé sự mà rầu,

“Ở giữa Đồng Khánh hai đầu Hàm Nghi”.

Lính gác nghe qua liền vào báo quan về tội vô lễ. Quan cho đòi vào hỏi. Bà ta nói rằng chỉ có than thở về sự

buôn bán é ẩm mà thôi. Quan cho đọc lại câu lúc nãy.

Bà đọc rằng:

*“Bán buôn lỗ vốn mà râu,*

*“Ở giữa đòn gánh hai đầu đôi ky”.*

Thứ nhứt là nói lên lòng phẫn uất của người dân sống trong cảnh lèn, lòng sụt sỏi lửa hận thù. Thứ hai là chỉ biết dùng ít lời văn chương mộc mạc, thô sơ để ký thác cung đủ nói lên lòng dân ta thán, bất bình cho cái chế độ oái oăm, người dân có miệng mà không thoát được nêu lời..

### **Cuộc điện chánh trị:**

Tại Huế, cuộc khủng hoảng chánh trị mỗi giờ phút một nặng nề. Ai cũng thấy rõ thế nước chông chênh, mắt còn chỉ chờ thời gian. Trong các quan chia làm hai phe: phe chủ chiến có hai ông là Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường. Còn lại hầu hết là phe chủ hoà, tức nhiên chịu an phận mặc ai làm gì thì làm. Vì lẽ đó không khí ngày càng căng thẳng hơn, tất cả sửa soạn chờ ngày tổng phản công: nào là huấn luyện quân đội, xây dựng chiến khu, lo phản tiếp ứng, liên lạc. Dầu rằng có sẵn hàng ngàn binh sĩ và trên 20 vạn đại bác. Địa điểm dự trù là sẽ đánh úp Đồn Mang Cá của Pháp. Do đó mà câu đố trên có đề cập đến hai nhân vật trọng yếu là TUỐNG và THUYẾT đặt vào cuối câu đố.

### **Hai người ấy là ai?**

Đời vua Hàm Nghi, Việt Nam đang chịu nạn đô hộ Bấy giờ phe chủ chiến có hai người:

- **Tôn Thất Thuyết** và

- **Nguyễn Văn Tường** hết lòng phò Vua giúp nước.

Vào ngày 18 tháng 4 năm Ất Dậu (1885) Thống Tướng De Courcy vừa sang tới Bắc Kỳ liền đem hàng ngàn quân vào Huế để làm áp lực với quan quân, liền mở cuộc họp với Nam triều ra lệnh cho sĩ phu và quân lính

phải tùng phục hoàn toàn chính thể bảo hộ. Họ lại có ý đồ bắt Tôn Thất Thuyết trong cuộc đàm phán này, biết được lưới bẫy toan rập, ông không đến và cáo binh.

Tiếp theo, trong đêm ấy Ông bắn súng đại bác để làm hiệu lệnh Tống tấn công. Cuộc bạo động thất bại, Ông Nguyễn văn Tường phò Vua Hàm Nghi lánh nạn.

Trong khi đó ông Thuyết sang Trung Hoa để cầu cứu nhà Thanh, nhưng Trung Hoa lúc ấy vừa qua cuộc chiến tranh Nha phiến đã bị khủng hoảng tinh thần nên không giúp gì được cho ông Tôn Thất Thuyết..

Năm 1912, ông Tôn Tất Thuyết tạ thế tại Thiên Quan, được ông Lý Can Nguyên bấy giờ chấp chánh Bắc Kinh, xót thương người tiết liệt, cho xây một ngôi mộ rất to và lập bia đề là:

*“Nguyễn Phúc Thuyết ngự tiền thân vương chi mộ”.*

Nhân sĩ đất Quảng Đông có đôi câu đối viếng ông để ghi khắc một tài danh yêu nước của đất Tượng Quận (Việt Nam). Nước Việt xưa gọi là Tượng Quận vì nơi đây sản xuất nhiều voi.

Đây là đôi câu đối của nhân sĩ người Trung Hoa ở đất Long Châu (Quảng Đông) viếng trên mộ của ông Tôn Thất Thuyết, như sau:

- **Thù chung bất cộng đái thiên, vạn cổ phuơng danh lưu Tượng Quận.**
- **Hộ giá biệt tầm tĩnh địa, thiên niên tàn cốt ký Long châu.**

Có nghĩa rằng:

. Thù ngoài không đội Trời chung, muôn thuở tiếng thơm còn lưu nơi đất Tượng Quận.

. Phò Chúa riêng tìm cõi thác, ngàn ăm xương gởi lại đất Long Châu.



**Phụ chú:**

Tôn Thất Thuyết là người thuộc Hoàng phái nhà Nguyễn:

Tôn Thất là HỌ của người đàn ông.

Công Tằng Tôn Nữ, Công Tôn Nữ Thị, Công huyền Tôn Nữ, Tôn Nữ Thị là Họ của phái nữ cũng thuộc dòng hoàng phái. Phái nữ Hoàng phái có nhiều họ như thế là do sự phân chia theo hệ thống tôn ti của các phái.

Vua Minh Mệnh chia 20 Tôn hiệu theo bài thơ sau:

MIÊN, TRƯỜNG, ỦNG, BỬU, VĨNH.

BẢO, QUÍ, ĐỊNH, LONG, ĐƯỜNG.

HIỀN, NĂNG, KHAM, CHÉ, THUẬT.

THẾ, THỊ, QUỐC, GIA, XƯƠNG



**Vua GIA LONG**

## 2- Vua Thành Thái

1901. ANNAM — Hué - Empereur d'Annam en costume de Cérémonie



大南成泰

## VUA THÀNH THÁI

Vua Thành Thái huý là **Bửu Lân 寶隣** con của Vua Dục Đức, cháu sáu đời Đức Gia-Long, tức vị năm 1889, khi Ngài mới lên 10 tuổi. Lúc bấy giờ triều đình cử Tuy Lý Vương, con thứ 11 của Đức Minh Mạng, lên chức Phụ chính Đại Thần, giúp Vua trị nước trong thời gian Vua còn thơ ấu.

Nơi trều, Vua Đồng Khánh mất ngày 27 tháng chạp năm Mậu Tý, nhầm ngày 28 tháng giêng năm 1888, thọ 25 tuổi. Ở ngôi được ba năm, miếu hiệu là Cảnh Tông Thuần Hoàng Đế. Người Pháp bèn đưa con ông Dục Đức là **BỬU LÂN** lên thay, lấy niên hiệu là **THÀNH THÁI**.

Bấy giờ ông Rheinard lại sang làm Khâm-sứ ở Hué, thấy con vua Đồng-Khánh còn nhỏ và lại nhớ ông Dục Đức ngày trước. Khi vua Dực -Tông hấy còn, thường hay đi lại với người Pháp, bởi vậy viên Khâm-sứ nghĩ đến tình cũ mà truyền lập ông Bửu Lân là con ông Dục-Đức lên làm vua. Về việc Pháp lấy cớ con vua Đồng-Khánh còn nhỏ: xét ra ớn này không đúng hẳn, vì chính Vua Thành Thái lúc lên ngôi mới có 10 tuổi thôi. Lý do đúng hơn cả về việc tôn lập Vua Thành Thái bởi người Pháp có cảm tình với Vua Dục Đức. Có điều đáng chú ý là trước khi bước lên ngai vàng, ông Bửu Lân đang bị giam trong ngục cùng với Bà Mẹ. Triều đình vào rước Ngài từ ngục ra và đặt lên ngôi Vua, niên hiệu là **Thành-Thái**. Hai ông Nguyễn Trọng Hợp và Trương Quang Đản được cử làm phụ chính cho vị thiểu quân.

(Từ đây là tài liệu của Ung An Thúc Dật Thị)

“Đến khi Đức Vua trưởng thành, phủ Phụ chính tự giải tán và dâng quyền uy lại cho Ngài. Nhưng vua Thành

Thái tính khí cương cứng , không chịu cách đối xử kiêu căng của người Pháp, lại càng ghét bọn triều thần xu thời, chỉ biết mưu cầu phú quý, không nghĩ đến Miếu đường, Xã tắc. Nên tuy đã đúng tuổi, Ngài vẫn giữ nếp sống của một thiều niêng không lo việc triều chánh, chỉ ham chơi với những Vương Tôn, Công Tử đồng trang lứa.

Một thanh niên tráng kiện lại thông minh, học nhiều như Ngài, mà không thiết gì đến ngôi Hoàng Đế, không sử dụng quyền uy của mình thì thật là một dấu hỏi lớn cho người Pháp. Họ biết tánh tình Ngài từ hồi còn nhỏ, chơi nhiều trò chơi nguy hiểm, đến nỗi tự tạo thương tích, hụt mất một con mắt.

Họ biết mỗi khi ngự Triều tiếp tân, Ngài không dấu được vẻ miến cưỡng, bình thường Ngài cũng không tỏ tình thân thiện với họ. Thế là họ nghi Ngài có đầu óc phản đối. Người Pháp định truất phế Ngài và lập Kỳ Ngoại Hầu Cường Để Điện Hạ, là cháu năm đời của Tăng Duệ Hoàng Thái Tử (Đức Hoàng Tử Cảnh) lên thay ngôi, nhưng à Điện Hạ cự tuyệt, nên bắt đắc dĩ họ để cho Ngài tại vị một thời gian nữa. Từ đó thực dân lại càng gia tâm dò xét, nhất cử nhát động của Ngài đều được số người Việt gian báo cáo cho người Pháp biết.

Lúc ấy, khoản cuối Thế kỷ trước, Đức Vua đã trên 20 tuổi. Những khi nhàn hạ Ngài ngự chế nhiều bài thi ca cảm khái... có khi thô lộ tâm trường, như bài thi Hán văn dưới đây:

### ***Thăng Long Thành hoài cổ:***

*Kỷ độ tang thương kỷ độ kinh ?  
Nhứt phiên hồi thủ nhứt phiên tình.  
Ngưu hồ dĩ biến tam triều cuộc,  
Hổ động không dư bách chiến thành.  
Nùng Lĩnh phù vân kim cổ sắc,*

Nhị Hà lưu thuỷ kháp ca thanh,  
Cầm Hồ đoạt sáo nhân hà tại?  
Thuỷ vị giang son tẩy bất bình

### **Hoài Nam Tiên sinh phụng dịch ra Việt Văn:**

Bè dâu dời đổi trại bao nhiêu?  
Ngoảnh lại càng đau ruột chín chiều.  
Bến cũ ba triều trâu mợp lâm  
Luỹ xưa trăm trận cọp nắm queo.  
Bức tranh mới cũ mây Nùng chấn,  
Khúc nhạc vui buồn nước Nhĩ reo!  
Hàm Tử, Chương Dương còn đó đó!  
Non sông luồng đê bụi trần đeo?

Người Pháp đã đặt Phủ Toàn quyền. Nước ta lúc bấy giờ đã bị cắt làm ba Xứ riêng biệt: thuộc địa Nam kỳ, trực trị Bắc kỳ, còn Trung kỳ tuy gọi là Bảo hộ; vì Trung kỳ còn có Vua, còn có triều đình, nhưng chỉ còn là một cơ cấu hư danh, ngôi Hoàng Đế chỉ còn là một ngôi Hu vi, bao nhiêu quyền bính đều do thực dân Pháp nắm hết.

Nhưng nếu triều thần đa số là những kẻ thực dân Pháp lựa chọn, ù ù gật gật để vinh thân phì gia; thì trái lại Đức Vua lại là vị kế thống của một giòng họ dày công gầy dựng cơ đồ gần 400 năm, đã khai thác cho Tổ quốc phân nửa giang san gấm vóc, đã nhứt thống san hè từ Mũi Cà Mau đến Ai Nam Quan. Đức Vua lại là một trang thanh niên tuấn tú, khí huyết khương cường. Chúng ta ngày nay thử tưởng tượng nhà Vua lúc bấy giờ làm sao cho khỏi buồn tủi cái thân “Cá chậu chim lồng”, làm sao cho khỏi suy tư toan tính tháo bè xiềng xích.

Năm 1903, nhà Đại Cách mạng Phan Bội Châu lập thành Đảng Cách Mạng VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI rước Kỵ Ngoại Hầu Cường Để đứng làm lãnh tụ và cùng

những đồng chí từ Nghệ An trở vào đến Quảng Nam, Quảng Ngãi bắt đầu hoạt động, hoạch định kế hoạch khởi nghĩa cứu nước.

Tháng 2 năm Bính Ngọ (1906) Cường Đế Điện Hạ bí mật xuất dương định sang Tàu, sang Nhật cầu viện.

Năm Thành Thái thứ 18 (1907) người Pháp khám phá ra một bí mật trong Cung Cấm.

Trong những trò chơi bấy lâu của nhà Vua, có một hệ thống đường hầm, dưới những Điện Đài lầu các: trong ấy có bia để tập bắn súng, bắn cung, có sân để đánh gươm, múa kiếm, có vũ khí thứ thật xen lẫn vũ khí trò chơi, lại có Nữ Võ sư túc trực, luyện tập cung kiếm cho Cung nga thị nữ. Thì ra từ lâu, Đức Vua đã chuẩn bị một công việc, mà nhóm Đại thần tay sai của thực dân gọi là “Làm giặc” mà hậu thế chúng ta, theo lời Đức Hộ-Pháp nói với kẻ viết lại những trang lịch sử này (Ông Trần Quang Vinh), 12 năm trước:

- “*Hậu thế chúng ta nhận chân là: Mưu đồ Cách mạng, đánh đuổi ngoại xâm*”.

Khám phá được những địa đạo trong đại nội, người Pháp không còn nghi ngờ gì nữa cái óc “Làm giặc” của Đức Thành Thái. Song bấy nhiêu sự trạng không đủ buộc tội một vị Hoàng Đế. Đối với Thượng Hạ nghị viện Pháp, thực dân lại phải phanh phui tìm thêm bằng chứng.

Nguyên bình nhứt, trong bọn thị vệ chầu hầu, có đứa lười biếng trễ nãi, bị Ngài nóng nảy trừng phạt nặng nề, lại một đôi khi bực tức, Ngài đói xử với kẻ gian thần chức cả quyền cao quá ư khinh miệt. Đó hẳn không phải là chúng có làm giặc, mà lại là chúng có “loạn óc không thể trị được nữa”. Thực dân nêu ra để đem Ngài vào Sài-gòn điều trị, rồi an trí Ngài tại Vũng Tàu, trong một biệt thự gọi là Villa Blanche (Bạch ốc, Nhà Trắng).

Người Pháp lập Hoàng Tử Vĩnh Sang, con thứ sáu của Đức Thành Thái lên ngôi Hoàng Đế, đặt niên hiệu là Duy Tân. Còn Ngài ~~th~~ được suy tôn làm Thái Thượng Hoàng.

Nếu trong năm 1907 là năm Cách Mạng hoạt động tại Hải ngoại, trong khi quyết định loại trừ Đức Thành Thái, thực dân biết được một bí mật khác vô cùng trọng đại, cái bí mật giữa Ngài và Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, thì có lẽ lịch sử cận đại của nước nhà đã chuyển theo một chiều hướng khác.

Đầu năm Bính Ngọ (1906) trước khi xuất dương cầu viện, Cường Để Điện Hạ bí mật bê kiến, trình bày mục đích của VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI và kế hoạch khởi nghĩa, đánh đuổi ngoại xâm cho Đức Vua biết và được Đức Vua trao cho một cái “ÂN” bằng vàng để làm bửu vật tuỳ thân.

Tự tay giao và tự tay lãnh KIM ÂN. Đức Kim Thượng không thiết đến ngai vàng hưu vị và vị Hoàng Thân lãnh tụ Đảng Cách Mạng chống Pháp hẳn đã ước hẹn với nhau những gì về tương lai ngôi Hoàng Đế.

Vậy thì cái bịnh “loạn óc” mà người Pháp lúc bấy giờ gán cho Đức Thành Thái chính là cái nỗi thù không dấu được của Ngài đối với thực dân. Cái bí mật KIM ÂN này làm sáng rõ một điểm lịch sử đã gây thắc mắc cho chúng ta bấy lâu vậy.

Mười năm sau tức là năm 1916, Vua Duy Tân cũng bị kết tội “Làm gặc” và lưu đày qua Đảo Réunion (Tiếng Tàu gọi là Bồ-Uông) một thuộc địa Pháp lúc bấy giờ, nằm trong Ấn-Độ-Dương.

Bất bình thay! Đức Thành Thái Thượng Hoàng đang ở tại Vũng Tàu với tâm tình ngổn ngang trăm mối, cũng bị đưa đi Bồ-Uông luôn ! (Đảo RÉUNION )

Dưới đây là bài thơ gởi từ Đảo Réunion (Bồ Uông):

*Tù phải đem thân bỏ khắc vời,  
Đổi thay Nhạn Én chẵn ba mươi.  
Non BỒ thơ thẩn mai rồi tối,  
Bến ÁN lân la nước với Trời.  
Đón gió cợt trăng dành phận tớ,  
Đua tranh chuốc lợi trói thây người,  
Bạn quen còn mảnh quan sơn nguyệt,  
Léo dẻo cùng nhau để ngắm đời.*

*Thành Thái*

Sau 31 năm buồn tủi ở quê người xa xăm.!

Năm 1948, khi thực dân bị bắt buộc trả chủ quyền đất nước cho Đức Cựu Hoàng Bảo Đại, Ngài được rước về cố quốc.

Đặt chân trở lại giang san tổ quốc xiết bao xúc động, nhìn thấy lại cơ đồ liệt Thánh, Ngài làm bài thi cảm khái sau đây tại Vũng Tàu:

**THI**

*Sóng thùa nào biết có hôm nay!  
Nhìn thấy giang san đất nước này.  
Sừng Ngựa (1) chưa quên câu chuyện cũ,  
Ruột takım thêm bận mối sầu tây.!  
Thành Xuân ngàn dặm mây mù mịt,  
Bến Cáp tư bề sóng bùa vây,  
Tiếng súng đêm ngày nghe nhặt thúc,  
Dầu cho sắt đá cũng chau mày!*

**Chú thích:** (1) Lấy tích người đi đày gặp Mã hưu giác, ngũ ý chuyện hy hữu. ngài thăng hà tại Sai-Gòn năm 1954, hưởng thọ 75 tuổi. (Trích Tài liệu của Ưng An Thúc Dật Thị)

*Bến Cáp* tức là Cap. Saints Jacques ở Vũng Tàu



## Đà Nẵng- Hà nội - Hải phòng thành đất nhượng-địa.

Từ khi sự đánh-dẹp các nơi đã yên bì, các viên Tổng-đốc Toàn-quyền lần lượt sang kinh-doanh việc Đông Pháp và lo mò mang về đường chính-trị, kinh-tế và xã-hội theo chính-sách của nước Pháp.

Tháng 3 năm Mùi Tý (1888) tức là **năm Thành Thái nguyên-niên**, ông Richaud sang làm Tổng-đốc Toàn quyền. Tháng tám năm ấy, Triều đình ở Huế ký giấy nhượng Hải-cảng Đà-nẵng, thành-thị Hà-nội và Hải-phòng cho nước Pháp để làm đất nhượng địa, nghĩa là từ đó việc cai-trị và pháp-luật ở ba thành-thị ấy thuộc về nước Pháp, chứ không thuộc về nước Nam nữa. Trừ ba thành-thị ấy ra, thì việc cai-trị ở các tỉnh trong toàn hạt Bảo-hộ, vẫn để quan-lại làm việc như cũ, nhưng phải do người Pháp điều khiển và kiểm-duyệt.

Vua Thành Thái là một bậc thông minh và có khí phách anh hùng. Sinh ra vào buổi loạn ly, đất nước đã nằm trong tình trạng nô lệ của người Pháp, nên thời cuộc bấy giờ ảnh hưởng rất nhiều đến tâm hồn của Ngài, vì tính tình của Ngài cang cường độc lập bao nhiêu thì cuộc đời Ngài càng mau đi tới chỗ oan trái bấy nhiêu.

Vua Thành Thái ở trường về Nho học, chịu ảnh hưởng nhiều về những tư tưởng của các nhà Cách mạng Nhật và Trung Hoa. Nhiều việc rối càng xảy ra hơn nữa, Ngài là vì Vua nóng tính nên không dung được những nỗi bất bình mà Pháp càng ngày càng làm cho không khí căng thẳng thêm.

Khoảng năm 1903, Vua Thành Thái định ra Bắc rồi trốn qua Tàu, nhưng đến Thanh Hoá thì cơ mưu bại lộ. Khâm sứ Trung kỳ đánh điện ra chặn xe và đưa nhà Vua về Huế. Vì không bằng có nên Vua vẫn còn tại vị. Từ khi

xảy ra vụ này, Khâm sứ Pháp càng gìn giữ Vua cẩn mật hơn, nên không thể hoạt động gì được. Để che mắt người Pháp, nhà Vua giả điên, đánh đập người trong Cung, đồng thời bỏ tiền ra huấn luyện, tập đội Nữ binh, tập quân sự canh gác Hoàng thành. Vua thân hành ập cưỡi ngựa, bắn cung, tính dùng vào việc khởi nghĩa khi có cơ hội đến. Nhưng mong lớn không thành. Việc sau cùng có số quan lại vào xin Vua thoái vị. Trong số đó có Ngô Đình Khả không ký tên vào việc này, nên ngày sau dân gian có câu “Đày Vua không Khả”. Thực ra đó chính là mưu lược của Khâm sứ Pháp ép Vua phải thoái vị. Sau đó, họ đày Ngài đi Vũng Tàu (Cap. Saints Jacques) và cuối cùng đày Ngài sang Phi Châu. Hoàng Tử Vĩnh San lên thay lấy hiệu là DUY TÂN (1907)

Năm 1914, chiến tranh Pháp – Đức bùng nổ, các nhà cầm quyền Pháp ở Việt Nam thấy Vua Thành Thái có thể làm mấu chốt cho cuộc khởi nghĩa chống Bảo hộ, trong dịp này liền bí mật chở Ngài cho đi an trí tại đảo Réunion. Việc này xảy ra vào năm 1915.

Sau 32 năm tời đăng đăng sống với Thổ dân trên Hải đảo xa xôi ấy. Đến tháng 5 năm 1947 nhờ con gái Ngài là vợ của Luật sư Vương Quang Nhuờng vận động với Cao-Uỷ Bollaert, Cựu Hoàng Thành Thái mới được trở về nước nhà. Thuở ra đi Ngài là một thanh niên tráng kiện với vẻ mặt phương phi lộ khí phách anh hùng; Ngày trở về Ngài đã là một Cụ già lưng còng tóc bạc.

Về nước, Vua Thành Thái phải chịu một điều kiện là chỉ ở miền Nam mà thôi. Sáu năm sau, Cựu Hoàng yêu cầu nhà cầm quyền cho Ngài trở lại Huế một thời gian ngắn để thăm viếng mộ phần các Tiên Đế, lời yêu cầu được chấp thuận.

Sau cuộc viếng thăm này vào ngày 24 tháng 3 năm

1953, Ngài phải từ giã sông Hương núi Ngự trở về tư tháp ở Sài gòn, đường Lucien Mossard.

Đúng một năm sau: cũng ngày 24 tháng 3 năm 1954, Cựu Hoàng Thành Thái trở lại Cố đô Huế, nhưng lần này Ngài chỉ còn là cái xác nấm gọn trong chiếc quan tài, để lại bao nhiêu thương tiếc cho toàn dân.



### Tài ưng đói của Đức Thành Thái

với viên Toàn Quyền Pháp. Người Pháp ra câu đói trước:

- RÚT RUỘT VƯƠNG TAM PHÂN THIÊN HẠ

Vua Thành Thái đói lại ngay:

- CHẶT ĐẦU TÂY TỨ HẢI THÁI BÌNH.

Thấy rõ người Pháp họ cũng thầm nhuần chũ Việt một cách rành rẽ mới xuất khẩu thành thi văn như vậy. Vả lại lối đói chũ ngoắt ngoéo như vậy không phải việc dễ.

Câu đói loại chơi chũ như vậy có hai nghĩa:

Câu đầu là lấy chũ VƯƠNG 王 làm tiêu biếu.

Trong chũ Vương là vua, nếu “rút ruột” đi tức là lấy nét số xuống thì còn lại là chũ TAM 三 là ba.

Nghĩa bóng: Người Pháp đầy tham vọng muốn thôn tính Việt Nam mãi mãi, nên nghĩ rằng nếu có thể diệt đi chế độ quân chủ (Vương quyền), thì họ sẽ chia Việt Nam làm ba kỳ để cai trị. Lúc ấy mới gọi là Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ (Kỳ nghĩa là chặt đứt, chia ra).

Câu đói lại của nhà Vua không kém phần khéo khí, mà lại còn tỏ vẻ hận thù thoát ra bằng hơi thơ văn:

Câu này ấy chũ TÂY 西 làm tiêu 食 Tây là phương Tây cũng là chỉ vào nước của người Tây, nước Pháp. Nếu chũ Tây này cắt đi phần đầu sẽ còn là chũ TỨ 四 là bốn. Mà cũng có ý nhắn gởi rằng nếu mà “chặt đầu” lũ bầy thì thiên hạ sẽ thái bình, Việt Nam sẽ không bị nô lệ.

## Đức Hộ-Pháp Thuyết Đạo - 15 -3 Giáp Ngọ Lễ kỵ niệm của Đức Thành Thái

*Thưa cùng Chu Chúc Sắc Thiên Phong Nam, Nữ  
Chu viên quan quái chúc,  
Cả con cái Đức Chí Tôn Lưỡng Phái.*

*Ba bài Ai Đèo của Hội Thánh, Quân Đội và Phục  
Quốc Hội đã tả một đời thống khổ của Cựu Hoàng Thành  
Thái đã rõ rệt. Bàn Đạo không thể nói được nữa, bởi vì đã  
đầy đủ quá rồi, Bàn Đạo nói ra đây để làm chứng về tinh  
thần của một dân tộc đã bị nạn lệ thuộc 80 năm.*

Thật ra thì Ngài, Đức Hành Nghi, Đức Duy Tân, ở trong Hoàng tộc đều kế vị nhau ngồi trên ngai vàng không muốn thừa hưởng của Tổ tiên để lại, mà lại vì dân vì nước, vì chủng tộc, hy sinh cả ngai vàng của mình làm Cách mạng. Bàn Đạo xét lùng lại cái dĩ vãng trong 80 năm lệ thuộc thì Bàn Đạo lấy làm vui hứng và khoái lạc, nếu không nói là kiêu hãnh mà ngó thay một dân tộc từ dân lên trên nữa là Chúa: vua chúa nhứt định không chịu án nô lệ, chẳng có buổi nào mà quốc dân Việt Nam không kiểm phuong xô ngã cái án ф thuộc áy. Biết bao nhiêu đoàn anh của chúng ta trong giai đoạn 80 năm chịu đau khổ đủ điều, mà trong đoàn anh ấy Đức Cựu Hoàng Thành Thái là Chúa. Ngõ nghĩnh một điều là lo cái năng lực cường quyên áp bức thế nào thì cái tinh thần cứng rắn kia chẳng hề khi nào khuất phục, nếu buổi nọ Pháp chịu đặt Ngài hạ mình một chút thì chắc Ngài còn ở trên ngai vàng, trái lại Ngài đương đầu cùng cường quyên ấy.

Nỗi chí của Ngài là Đức Duy Tân, con ruột của Ngài, thật đúng như lời tục Việt Nam ta nói “Cha nào con này” thật đáng làm Chúa của nòi giống Việt Nam lắm, vì cớ cho nên đâu cho đương nhiên giờ phút này, nếu Pháp

không trả độc lập thì dân tộc Việt Nam cũng đồng tâm tranh đoạt cho được độc lập của nước nhà, họ tranh đấu bằng mọi phương pháp để thâu hoạch cho đặng nên độc lập ấy.

Cốt yếu chỉ biết một điều là Quốc Dân Việt Nam không chịu lệ thuộc, họ chỉ đợi có một việc mà thôi, là họ đợi trọn vẹn độc lập không chịu mãi mãi một điều nào lệ thuộc nữa. Vì có cho nên cả toàn dân đồng tranh đấu quyết cường. Bàn Đạo còn nhớ trong cảnh lưu đày nơi Hải ngoại một thân ở nơi xứ lạ quê người, cả nè nép của Tổ Đường, cả nè nép phong hóa của nền văn hiến, hai vị Đức Vương chẳng hề khi nào bỏ, chẳng hề khi nào quên. Bàn Đạo còn nhớ, khi Bàn Đạo bị lưu đày đi trên chiếc tàu Combattant đi đến Đảo Ile de la Réunion cả thảy trên tàu người ta đều được thông thả đi lại, còn Bàn Đạo bùa đó bị nhốt dưới tàu, Ngài hay tin Ngài gởi nhắn lời thăm Bàn Đạo. Một cảm tình năm 1944 ở trong tù vừa ra thì tiếp được bức thơ của Đức Duy Tân gửi thăm, nhờ đó mà các thơ từ qua lại cùng Đức Thành Thái và Đức Duy Tân. Bàn Đạo nói thật cả cái mơ vọng của hai Ngài là định vận mạng nước nhà chủng tộc mà thôi.

Vì có mà Bàn Đạo đã lưu một tình cảm với Đức Duy Tân lắm lắm...

Hại thay! Trời chẳng chịu người cả một chương trình, cả một biện pháp đã thương lượng cùng nhau thì cái chết của Ngài làm cho tan rã tiêu hủy hết.

Cuộc tranh đấu của Cao Đài hôm nay chẳng khác nào như áo vá quàng, ~~đó~~ khi Ngài về được nước nhà chính mình Đức Thượng Hoàng Thành Thái và Tôi có gặp mặt nhau một phen ở Saigon, Tôi còn nhớ một cái chí khỉ già rồi mà vẫn còn mãi mãi, khi đàm đạo với nhau, luận về tương lai của Tổ Quốc nòi giống, khi hai Tôi lìa nhau,

rồi Ngài đưa ra ngoài ua, đi nra đường ra cửa Đức Thượng Hoàng day lại nói với Tôi một cách quả quyết cứng cỏi rằng: Ngài đừng tưởng Tôi già mà Ngài bỏ, Ngài cho Tôi con ngra cây guom Tôi ch iến Ngài coi. Dẫu cho một vị anh hùng hay anh quân cũng thế, tuổi đã già mà chí khí vẫn còn mãi chẳng hề khi nào thay đổi, có một điều ân hận hơn hết là tại sao đã gọi nước Việt Nam độc lập mà khi Đức Thượng Hoàng Thành Thái trở về, thiên hạ không cho Ngài trở về cũng cho đến nước chính mình Bàn Đạo phải làm tờ xin cho Ngài về để dang tạm cầm quyền hành trở lại nhưng nghĩ cũng chưa có một quyền hành gì và cho đến khi Ngài chết mới đem về được.

Bàn Đạo nghịch nhất thử hỏi độc lập chúng ta giờ phút này phải bánh vẽ hay chẳng? Nội bằng cớ áy làm chúng quả quyết cái lịch trình tranh đấu của nước Việt Nam vẫn còn tiếp tục không bao giờ chấm dứt được.”

## LỜI ĐÁP TỪ CỦA HOÀNG TỬ VĨNH CẦU

Thura Hội Thánh,

Thura các Ngài Chức Sắc Tòa Thánh,

Thura Thủ Tướng cùng Ban Chấp Hành Trung  
Ương Phục Quốc Hội.

Tôi hân hạnh được mời dự cuộc Lễ Truy Điem Phụ  
Thân chúng tôi và sự tế lễ rất nên trang hoàng. Tôi chẳng  
biết lấy chi để đáp đền ơn trọng. Vậy tôi xin thay mặt cho  
cả gia đình chúng tôi tri ân nồng hậu cùng các Ngài.



### 3- VUA DUY TÂN

**Vua Duy Tân**, huý là **Vĩnh Sang** 永珊 con thứ của Đức Thành Thái lên ngôi kế vị Vua Cha năm 1907, khi Ngài mới lên 8 tuổi.

Lập Âu chúa, dụng tâm của thực dân là đê thực hành tại Trung Kỳ chánh sách đồng hoá (Assimilation) mà họ đang áp dụng tại Nam kỳ.

Họ chăm sóc chau đáo việc giáo dục âu-hoa Ngài. Bên cạnh vị Phụ đạo chánh thức của triều đình, họ đặt một nhà thông thái Pháp, cũng với một Chức vị Phụ đạo (Thầy dạy vua) chuyên dạy tiếng Pháp và văn hoá Âu châu.

Ngài học rất siêng năng và thông minh lạ thường. Lúc 13, 14 tuổi, trí suy luận của Ngài đã phát triển nhiều.

Từ đó mối liên hệ giữa Ngài và quan phụ đạo người pháp lần lần trở nên gay cấn.

Một hôm, hai thầy trò hoàn toàn bất đồng ý kiến về một điểm triết lý. Không bao lâu ông Thầy người Pháp phải từ chức.

Thê vóc Ngài gầy gò, hơi cao, bè ngoài hiền lành, có vẻ nhút nhát. Tuy còn nhỏ tuổi, khi lâm Triều, ngôn ngữ cử chỉ của Ngài rất tè chênh nghiêm trang. Mặc dù vậy, người Pháp đã để ý dò xét tư tưởng của Ngài.

Trận Thế chiến thứ nhất bùng nổ giữa Pháp và Đức, thực dân môt binh đưa qua Âu-Châu trợ chiến. Tại Trung Kỳ, thứ lính họ môt phần nhiều là Tượng binh (lính thợ O.N.S).

Đức Duy Tân năm ấy đã 15 tuổi (1914-1915). Ngài đã lý hội được nỗi đau buồn của dân tộc dưới ách đô hộ của ngoại bang, một đôi khi Ngài lộ vẻ bâng khuâng trước biến chuyển của thời cuộc.

Tuy trong hàng triều thần và cận thần, phần lớn là



những người của thực dân lựa chọn và bỏ dụng, song cái óc “Làm giặc” cũng vốn có trong đầu của một số ít. Quản lý Thị vệ Tôn Thất Đέ, vị cận thần chầu hầu bên cạnh Vua là một trong số ít người có nhiệt huyết ấy. Ông trộm biết Thánh ý, biết được những tư tưởng gì đang nảy nở trong khối óc Đức Vua.

Vốn là một người trong Hoàng Tộc, ông được Vua

tin cẩn và đền đáp lại với một tấm trung trinh tuyệt đối.

Để phụng sự tâm trường, ý chí của Đức Vua, ông liên kết với Đảng Cách Mạng VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI hằng ngày đem tin tức bên ngoài và hoạt động của Đảng cho Ngài rõ.

Một hôm Ngài vi hành ngự ra thừa lương tại cửa Tùng (Quảng Trị). Một đảng viên then chốt của Quang Phục Hội, ông Khoa Bảo (người Tỉnh Quảng Trị) thay mặt cho Đảng bí mật bệ kiến.

Trong một phiên họp tại Huế, các lãnh tụ Đảng cách mạng đồng thanh quyết định “Phụng KIM THƯỢNG vi an dân cơ sở” (rước Đức Vua đứng ra lãnh đạo Cách mạng) và uỷ nhiệm hai ông Trần Cao Vân và Thái Phiên liên lạc với Ngài.

Một cán bộ của Đảng, ông Phạm Hữu Khánh được đưa vào đại nội, làm Tài xế cho Vua, phụ trách thông tin, đưa đón.

Ông Trần Cao Vân lúc ấy 50 tuổi, là một nhà Hán học uyên thâm, rất có uy tín trong các hàng văn thần Nam, Nghĩa. Có óc Cách mạng từ hồi còn nhỏ, ông từng bị kết án ba năm tù “Yêu thơ yêu ngôn” (xúi dân làm loạn) vì ông viết một quyển sách nhan đề “TRUNG THIÊN DỊCH” bị đày ra Côn Đảo và bị liên can phong trào “xin xâu” năm 1908.

Trong năm 1915, nhận thấy cơ hội đã đến trong đảng mình thực hiện, mục đích ôm áp từ lâu: đánh đuổi quân thù, thu hồi độc lập (Đảng Việt Nam Quang Phục Hội được thành lập tại Quảng Nam từ năm 1903) ông và các đồng chí hoạt động ráo riết, đi khắp các Tỉnh, nhứt là từ Nghệ An trở về Phú Yên, tuyên truyền Cách mạng, kết nạp đảng viên.

Tin tức chiến tranh Âu Châu càng thắt lợi cho Pháp,

sự hoạt động của Việt Nam Quang Phục Hội lại càng tiến mạnh. Đảng liên lạc với hai nhà đại cách mạng Hải ngoại: ông Nguyễn Hải Thần và Phan Bội Châu, ước hẹn đến ngày động binh, hai ông kéo quân từ Quảng Đông về chiếm đất Bắc, lại liên kết với các hàng Quản, đội, lính mō và lính tập khố xanh của thực dân, ước hẹn có hiệu lệnh. Các trại lính mō tại Hué sẽ tiến chiếm Kinh thành và các đồn lính tập tại các Tỉnh sẽ chiếm cứ các Tỉnh thành.

Những lực lượng Nghĩa Quân trong dân chúng được tổ chức tuỳ theo địa phương, thành những đơn vị xung phong hoặc trợ chiến. Khắp nơi, việc sách động quần chúng để phô trương thanh thế được chuẩn bị chau đáo.

Đảng lại trù liệu những công việc lớn phải làm sao khi Cách mạng thành công, như chỉ định các cấp chỉ huy để thu chánh quyền; xin Vua cấp Ân-tín cho những cơ quan trọng yếu, dự phòng hành động kịp kỵ.

Kế hoạch khởi nghĩa được ấn định xong, ông Trần Cao Vân dâng thơ xin bệ kiến, Đức Vua chuẩn tú. Lúc ấy vào khoảng tháng 2 đến 3 năm 1916.

Giả làm người đi câu, hai ông Trần Cao Vân và Thái Phiên, theo chân Thị vệ Tôn Thất Đέ vào hồ Tịnh Tâm trong kinh thành, Đức Vua đã chờ sẵn đó.

Kế hoạch tấn công được duyệt lại. Lực lượng xung kinh chính, để chiếm Kinh thành sẽ là 3.000 lính mō. Thực dân sẽ tập trung tại Hué để luyện tập, chờ ngày đưa vào Đà-Nẵng xuống tàu sang Pháp. Theo tin tình báo thì mō binh từ Quảng Bình, Quảng Trị sẽ được đưa vào Hué, vào trung tuần tháng 4 dương lịch. Và tàu vận tải nhà binh Pháp sẽ cập bến vào thượng tuần tháng 5 dương lịch. Ước lượng theo hai yếu tố đó, ngày khởi binh được ấn định vào đêm 3 tháng 5 năm 1916. Hiệu lệnh động binh sẽ được phát ra từ trường Quốc học, bằng cách đốt hai dãy nhà

tranh của trường ấy.

“Mưu sự tại nhân thành sự tại Thiên” mà bại sự  
chắc chắn cũng là tại nhơn...

Công việc dự bị được xúc tiến trong vòng bí mật  
cho đến giờ phút chót. Cơ mưu bị bại lộ ngay trước giờ  
xuất quân, vừa tối trời ngày 3 tháng 5 dương lịch Tôn Thất  
Đẻ và Nguyễn Văn Siêu phò Đúc Vua đi ra khỏi Hoàng  
thành, tại đây ông Trần Cao Vân và Thái Phiên đã chực  
sẵn trong một chiếc thuyền.

Thế là Đức Vua vĩnh biệt ngai vàng, từ đây quyết  
hy sinh cuộc đời vàng ngọc cho Tổ quốc. Có sách chép,  
khi Ngài cải trang ra đến bờ sông Hồng giang định cùng  
hai ông Trần Cao Vân và Thái Phiên đi vào Quảng Nam,  
thì có một đảng viên bình nhạt có tiếp xúc với Ngài trông  
thấy và chính đảng viên này đi tố cáo với thực dân.

Dầu thế nào trong ba ngày lùng kiếm khắp nơi, mật  
thám Pháp vẫn không dò ra tung tích. Mãi đến chiều ngày  
thứ ba, chúng nó mới tìm thấy Ngài trong một ngôi chùa  
trên núi Ngũ Phong. Thực dân sai một đám triều thần lên  
đó tâu xin Ngài hồi loan, có kẻ dùng lời nói quỉ mị úa hai  
hàng nước mắt mà năn nỉ, nhưng Ngài nhứt định không  
nghe, thà để cho thực dân bắt. Đức Vua bị bắt và bị cầm  
giữ tại đồn Mang Cá của quân Pháp.

Lúc bấy giờ, thực dân rất bối rối vì nhiều lẽ: nước  
nhà của chúng đang lâm nguy, quân Đức đã chiếm cứ  
vùng Đông Bắc. Khẩu hiệu Cách mạng đã lan tràn trong  
đại chúng Việt Nam. Đức Vua được thần dân vô cùng  
ngưỡng mộ. Toà Khâm sứ Trung Việt sợ, nếu không liệu  
thể thu hẹp câu chuyện lại thì hoá ra cơ quan mật thám của  
chúng bất lực, trong khi công việc chính của chúng thám  
thính động tĩnh. Cho nên chúng nó đầu dìu với Ngài.

Mặt khác ông Trần Cao Vân lo sợ Ngài có mệnh hệ

nào dưới độc thủ của bọn thám tử Pháp.

Trong lời cung khai, ông nhận hết tội lỗi, không khai ra một lời gì để cho thực dân có thể dựa vào đó mà buộc tội Đức Vua.

Nhưng khi thực dân hỏi đến Đức Ngài, thì Ngài lại không đổ lỗi cho ai khác, mà lại dụng ý che chở cho những kẻ cộng sự, tự nhận tất cả âm mưu đánh đuổi ngoại xâm khôi phục đất nước.

Do đó Ngài bị đày lưu qua Đảo Réunion. Các lãnh tụ VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI đều bị kết án tử hình và bị hành quyết tại An Hoà, gần Kinh thành. Một số người khác có liên can đều bị tù đày.

Vua DUY TÂN năm ấy 17 tuổi trị vì được mười năm. Ngài là một thanh niên ưu tú, Ngài không thể ăn không ngồi rồi, nên phải đi học thêm và 28 năm sống thừa, phải hoạt động theo sở thích của mình: nào nghiên cứu khoa học, khảo lục Âm nhạc cổ kim, nào vui say theo nghề Phi công cho qua ngày tháng.

Đức DUY TÂN tử thương trong một tai nạn máy bay, trong khi tắm thân còn trong vòng ly tiết, nơi đất khách quê người, hưởng thọ 45 tuổi.

Cả một cuộc đời hy sinh cho tự do độc lập mà từ khi lên bảy cho đến khi chết, Ngài không được hưởng một ngày tự do độc lập. Nỗi căm hờn buồn tủi của Ngài nỗi tuyên đài kẽ làm sao xiết!

Nhưng anh linh của Ngài mà toàn thể Tín đồ Đại Đạo Cao Đài và những khách hành hương khác, hiện diện trong buổi Lễ ngày 16 tháng 8 vừa qua, đều thành kính tưởng niệm đến, sẽ đời đời phưởng phát trong tâm trí của thần dân, luôn luôn nhắc nhở cho chúng ta tinh thần bất khuất của dân tộc.(Trích Báo Quốc Tù của Ô. Hiển Trung)

Hoàng Tử Vĩnh San. Ông Vua ấy lại sinh vào một

hoàn cảnh xã hội đến lúc điêu tàn, đen tối nhứt trong lịch sử. Bao nhiêu nỗi bầm gan, tím ruột, tủi nhục, ích kỷ, bất công bao trùm đầy nghẹt chăng những riêng cho nhà Vua mà cả một dân tộc bấy giờ. Nào những biến cố trong hoàng triều: từ Vua Tự đức nhắm mắt lìa trần, triều đình ngày một khuynh đảo, Tôn Thất Thuyết, Nguyễn văn Tường tự quyền phế lập, bỏ Vua Dục Đức lại còn bắt hạ ngục bỏ đói cho chết.

Vua Hiệp Hoà lên nối ngôi được bốn tháng rồi cũng bị hạ ngục, ép phải uống thuốc độc mà chết. Vua Hàm Nghi phải bỏ ngôi! Đến Đức Phụ-Hoàng (vua Thành Thái) của nhà vua cũng bị đày! Trước bao tần thẩn kịch thê lương đã diễn ra tưởng trong lịch sử của Hoàng tộc chưa bao giờ có, thì bảo sao vì Vua trẻ tuổi không đau khổ đến ngàn áy cho được!

Lớn lên Vua DUY TÂN tỏ ra là một thanh niên tuấn tú, hiên ngang, lối lạc và cũng như Vua Cha có ý bài Pháp. Tất nhiên lúc đó đã có người bí mật liên lạc với Ngài để trình bày nông nỗi Vua Cha bị người Pháp đày và áp bức, triều thần phản bội và sự khổ nhục của quốc dân từ ngày mất nước, do đó mà tâm trạng của Ngài bị kích thích, rồi Ngài hay đòi ra ngoài lấy cớ chốn Cung điện quá tù túng. Người Pháp cho làm nhà thửa lương ngoài cửa Tùng (Quảng Trị) để Ngài ra nghỉ mát và tiêu khiển. Thực ra, Ngài ra ngoài xem xét dân tình và để bắt liên lạc với nhân sĩ trong nước. Ngài đã gặp Khoa Bảo là một nhà Cách mạng và một số nhân sĩ ái quốc tại địa phương này.

Một hôm Ngài chơi cát ngoài bãi biển, một cận thần lấy nước cho Ngài rửa tay. Vừa rửa tay, Ngài hỏi:

Tay bẩn lấy gì mà rửa?

- Tay bẩn lấy nước mà rửa.

Thé nước bẩn lấy gì mà rửa ?

- Nước bẩn lấy máu mà rửa!

Được biết Ngài kháng khai và yêu nước thương dân, nhiều lãnh tụ phong trào Hậu Văn Thân bí mật tìm đến Ngài để cùng gây phong trào cứu quốc nối tiếp sự nghiệp của Vua Hàm Nghi và Thành Thái.

Thé là nhiều cuộc phản động nỗi lên nhưng không được toại ý. Sau cùng vào một đêm rạng ngày 2 tháng 4 năm Duy Tân thứ 10 (dl 3-5-1916) vua Duy Tân định lén ra khỏi Hoàng thành, không may gặp tên mật thám Nguyễn Văn Trú làm Thông Phán toà Khâm. Liền đó, Vua bị lính đuổi theo. Túng thê, nhà Vua phải gói Ân bỏ lại trên cầu Tràng Tiền rồi đánh lừa quân lính mà theo Thái Phiên và Trần Cao Vân lẩn trốn. Toà Khâm phái Phan Đình Khôi mang quân đi bắt nã, bắt được Thái Phiên ở Chùa Thiên Mụ, đưa về Huế và nhốt vào đồn Mang cá.

Trần Cao Vân cũng bị bắt ở làng Hà Trung thuộc huyện Phú Lộc (Huế).

Ngày 17 tháng 5 năm 1916, các Ông Trần Cao Vân, Thái Phiên và hai tên thị vệ bị đem ra chém tại An Hoà, còn Vua Duy Tân sau 10 ngày bị bắt nhốt ở Đồn Mang cá, Pháp liền đưa Ngài sang Đảo Réunion ở Phi Châu.

Cuộc Cách Mạng của phong kiến lại một phen nữa đổ nhiều xương máu và vô cùng uổng phí. Rồi từ đó gọng kìm Đế quốc siết chặt hơn bao giờ hết vào giới quan liêu và trí thức Việt Nam.

Vua Duy Tân rời khỏi nước thì Ông Hoàng Bửu Đảo con Vua Đồng Khánh lên ngôi lấy hiệu là Khải Định vào năm 1916. Vua Khải Định trị vì đến năm 1926 thì mất



## CUỘC KHỞI NGHĨA DUY TÂN

(Phỏng theo tài liệu Trung Thiên Dịch & Trung Thiên Đồ  
của Cụ Trần Công Định)

Sau cuộc khởi nghĩa Duy Tân (ngày 4-5-1916) là một cuộc Cách mạng có đông đủ quần chúng tham gia tích cực, quân dân hợp tác, binh sĩ một lòng, tất cả đều nhiệt liệt hưởng ứng cuộc khởi nghĩa ngày 3-5-1916 nhằm lật đổ chế độ thống trị của thực dân Pháp để giành lại quyền độc lập tự chủ cho quốc gia tự do, hạnh phúc cho dân tộc. Vì vận nước thời dân, cuộc khởi nghĩa Duy Tân hoàn toàn thất bại. Cụ Trần Cao Vân và bao nhiêu chiến sĩ Cách mạng đã đi vào lịch sử gây ảnh hưởng rất nhiều đến tinh thần yêu nước của đồng bào ta và dư luận khắp trên Thế giới.

### A- Đối với đồng bào trong nước:

Cuộc khởi nghĩa Duy Tân là một tiếng súng vang trời thức tỉnh đồng bào ta lên đường chống thực dân Pháp, nói lên tinh thần quân dân hợp tác, binh sĩ một lòng. Bởi thế các tỉnh miền Trung đã nhất tề hưởng ứng cuộc khởi nghĩa này, làm cho thực dân Pháp khiếp vía kinh hồn. Vụ binh biến của Đại tá Harmandes hưởng ứng theo phong trào khởi nghĩa đã làm cho quân sĩ Pháp bỏ mạng rất nhiều trong cuộc biến động tại Trần Bình Đài (Mang Cá) vào ngày 02-5-1916.

Sau cuộc khởi nghĩa Duy Tân đã gây cho dân ta một sự căm thù, phản uất trước những hành động dã man của thực dân Pháp; càng căm thù chán ghét càng sét chặc thêm hàng ngũ, nung nấu thêm tim gan, học tập thêm kinh nghiệm quyết chiến thắng thực dân để khôi phục nền tự chủ cho Tổ quốc, để rửa thù cho tiên liệt và xây dựng cho thế hệ tương lai. Bởi thế cuộc khởi nghĩa của Đội Cấn tại Thái Nguyên (1917) tiếp diễn để trả lời cho chính sách phi nhân vô đạo của thực dân Pháp cùng với những lời nguyền

rũa khóc than ai oán trong dân chúng. Trúc thảm cảnh con mất cha, vợ mất chồng với bao thảm hoạ tím ruột bầm gan vì hành động bạo tàn chém giết tra tấn, lưu đày của thực dân Pháp đối với dân ta thời đó.

Đọc bài “Khuê Phụ thán” sau đây ai lại không xúc cảm trước những lời ai oán xót thương trong cảnh biệt ly của một người vợ mất chồng, người mẹ mất con, mà cả chồng và con đều bị lưu đày biệt xứ. Đây là lời than vãn của một Bà Hoàng Hậu, vợ Vua Thành Thái, mẹ Vua Duy Tân, cả hai vị anh quân nhiệt tâm thương dân yêu nước, quyết khôi phục giang san cho Tổ quốc, đem lại tự do hạnh phúc cho toàn dân. Nhưng đại sự bất thành, đành phải xa lìa xứ sở thân yêu, sống nơi chân trời góc biển:

*Chồng hối chồng! Con hối con !  
Cùng nhau xa cách mấy năm tròn.  
Bên trời góc biển thân chim cá,  
Dạn gió đầy sương tủi nước non.*

Càng buồn tủi cho nước non càng căm thù bọn thực dân vô đạo, rồi chỉ biết đem tâm sự áy hối Trời. Tại sao tạo hoá gây chi cảnh bất bình tang thương như thế?

*Bớ bớ Xanh kia sao chẳng đoái?  
Tâm lòng uất tíc một canh thâu,  
Canh thâu chưa ngủ hãy còn ngồi.  
Gan ruột như dầu sục sục sôi !  
Non nước xanh xanh trời một góc,  
Chồng hối chồng! Con hối con ơi !  
Con ơi! Ruột mẹ bấn như tương,  
Bảy nỗi ba chìm rất thảm thương!  
Khô héo lá gan cây đỉnh Ngự,  
Đày voi giọt lệ nước sông Hương...!*

Cũng chính vì cuộc khởi nghĩa Duy Tân đã nói lên lòng nhiệt thành yêu nước của dân tộc Việt Nam từ vua,

quan đến các bậc sĩ phu, trí thức, binh lính, nông dân, cả đến các chiến sĩ hữu danh hay vô danh đều đoàn kết quyết tâm, nguyện chiến đấu và hy sinh cho Tổ quốc.

Để tưởng nhớ đến các vị anh hùng dân tộc đã hy sinh vì sự nghiệp Cách mạng quốc gia, mà trong Thi Tù Tùng thoại của Cụ Huỳnh Thúc Kháng đã ghi lại những bài thơ sau đây, nêu tên từng nhân vật trong công cuộc khởi nghĩa Duy Tân (ngày 04-05-1916).

**Đây là Vua Duy Tân**, một nhà vua trẻ tuổi, nhưng Người có chí khí phi thường, biết qui tụ những bậc anh hùng yêu nước để mưu đồ đại sự, quyết tâm cứu vãn nước nhà thoát vòng nô lệ của thực dân Pháp. Chính Ngài đã cầm đầu và hạ lệnh tổng khởi nghĩa Duy Tân (3-5-1916):

Nhục thực dinh đinh nhẫn để không,  
Ám trung thảo dã kiết anh hùng.  
Sở hàng y đói tùng thiêng hạ,  
Thần quỉ tiêm hào vạn hác phong.

肉食盈庭眼底空

暗中草野結英雄

數行衣帶從天下

神鬼潛號萬壑風

Dịch nghĩa:

Đầy nhà chung đinh mặc ai,  
Đồng quê thầm kết những tay anh hùng.  
Chiều Trời ban xuống đôi hàng,  
Thần reo quỉ khóc muôn hang gió lồng.

Tuy đại sự bất thành, nhưng chí khí phi thường, mưu lược và hùng tâm Cách mạng của Vua Duy Tân không kém gì những bậc anh hùng nổi danh như Williams (Ý) và Minh Trị Thiên Hoàng (Nhựt) nhưng khác nhau chỉ

ở sự thành công hay không mà thôi:

Càn tuyển Khôn chuyền thử hà thân,  
Minh Trị, Duy Liêm nhất bối nhân.  
Sự nghiệp bất thành hùng đoán tại,  
Vô tâm niên hiệu hoán Duy Tân.

乾 旋 坤 轉 此 何 神  
明 治 維 廉 一 輩 人  
事 業 不 成 雄 斷 在  
無 漸 年 號 喚 維 新

Dịch nghĩa:

Xoay trời chuyền đất ra tay,  
Duy Liêm, Minh Trị bậc này nhường ai?  
Việc hу hùng đoán còn hoài,  
Duy Tân niên hiệu mấy ai sánh bằng?

Khi cuộc khởi nghĩa Duy Tân thất bại mang theo sự  
đỗ vỡ công nghiệp của nhà Vua. Gần 10 năm ở ngôi mà  
ngày nay coi như không còn nữa . Khi nước nhà gặp cảnh  
ly loạn lâm nguy, mới thấy được ai là người trung nghĩa  
thuỷ chung vì dân, vì nước như Cụ Trần Cao Vân, cụ Thái  
Phiên đã quyết cùng Vua sống chết.

Khi Vua Duy Tân xuống tàu từ Long Hải (Ô Cáp –  
Vũng Tàu) đưa sang đảo Réunion, lần này là lần cuối cùng  
sẽ từ biệt quê hương yêu dấu, sống nơi hoang đảo thê  
lương. Tuy người ra đi nhưng hùng khí Cách mạng của  
dân tộc Việt Nam vẫn còn mãi mãi như gào thét phải quyết  
chiến và quyết thắng thực dân Pháp để sống còn.

Một phần anh em trong hàng ngũ quân đội Pháp  
cũng quyết tâm hướng ứng cuộc khởi nghĩa Duy-Tân. Tất  
cả đều sẵn sàng lau gươm lắp súng và đợi lệnh là xung  
phong dết địch đã làm cho thực dân Pháp khiếp vía .

Cuộc khởi nghĩa Duy Tân dân chúng tham gia đông

đảo, phần lớn là những người đã từng đấu tranh quyết liệt qua các phong trào khát sưu, kháng thuế tại các Tỉnh miền Trung. Rồi tiếp tục tham gia vào cuộc Duy Tân khởi nghĩa (3-5-1916) đa số là người thiện chiến anh dũng phi thường, quyết tâm phục vụ cho quốc gia dân tộc.

Cuộc khởi nghĩa Duy Tân là một cuộc Cách mạng biểu hiện tinh thần bất khuất của dân tộc ta, quyết tâm đoàn kết chống Pháp, giành độc lập cho Tổ quốc, đem lại tự do hạnh phúc cho toàn dân. Nhưng vì vận nước thời dân, cuộc khởi nghĩa Duy Tân thất bại, tiền nhân ta đành phải đem cái chết để đền bù cho nợ non sông tổ quốc. Điều đó là một bài học “kinh nghiệm xương máu” vô cùng cao quý đáng cho chúng ta quan tâm suy ngẫm tiền đồ tương lai của dân tộc.

### **B- Đối với dư luận thế giới:**

Sau cuộc khởi nghĩa Duy Tân, thực dân Pháp cố ý che đậy dã tâm xâm lược và tội ác滔天 của chúng tại Việt Nam. Chúng còn âm mưu cấu kết với bọn gian manh, chủ trương làm tay sai xuyên tạc sự thật của quân dân ta với sự thiệt hại của chúng để đánh lừa dư luận Thế giới. Chúng cho rằng “Cuộc khởi nghĩa Duy Tân ngày 4-5-1916 chỉ là cuộc mưu đồ của nhà vua trẻ tuổi, chưa tü vì, còn đương ở dưới sự bảo trợ của Hội đồng nhiếp chánh. Ngài trốn khỏi Cung điện để gặp nhóm phiến loạn. Cuộc khởi nghĩa của Ngài đã bị thất bại một cách thảm hại. Dân chúng An Nam từ 30 năm nay đã ưa chuộng nền bảo hộ tốt lành, nhân đức của nước Pháp, nên họ trung thành với chánh quốc, không đáp lại lời kêu gọi của nhà vua”.

Cả đến bọn quan lại tư bản thực dân Pháp tại Đông dương cũng đồng loã và cố tình che dấu sự thật, tuy ên truyền lắp liếm bằng cách khhoa trương cuộc thanh bình giả tạo ở Đông Dương. Chúng cho rằng “Cuộc khởi nghĩa

Duy Tân chỉ là việc làm của một vị áu vương An nam, thấy trong nước mênh mông rộng rãi của mình chỉ có 180 người lính Pháp canh giữ, nghe những lời bàn nhảm định khôi phục lại nước nhà tưởng là điều dễ lăm. Nhưng quân thần đều từ chối cho nên vị áu vương bị mất ngai vàng.”

Thực ra cuộc khởi nghĩa Duy Tân (1916) làm cho thực dân Pháp tại Đông dương phải núng thé, càng lo sợ hơn là phong trào xin xâu, chống thuế (1908) tại các tỉnh miền Trung. Vì đây là một cuộc Cách mạng có chủ trương đường lối rõ rệt và đông đảo quần chúng tham gia trong tinh thần quân dân hợp tác, để chống thực dân Pháp giành lại quyền tự chủ cho quốc gia, đem lại hạnh phúc tự do cho dân tộc. Bởi vậy sau cuộc khởi nghĩa Duy Tân, chánh phủ Pháp đã phái Toàn quyền M.Albert Sarraut sang Đông dương (ngày 22-11-1927) để thực thi một cuộc cải cách đứng đắn của chánh phủ Pháp tại Việt Nam.

Chính nhà Sĩ học Thế giới Philippe viết về Việt Nam đã nhận định:

*“Cuộc khởi nghĩa Duy Tân do chủ trương của một Hội kín: Việt Nam Quang Phục Hội, khắp trên toàn quốc. Đoàn thể này từ đây sẽ điều động các lực lượng của các hội kín, nhất là ở miền Nam Việt Nam, đang trong thời kỳ hoạt động mạnh mẽ, nhiều cuộc phá rối, khởi loạn. Cũng có những cuộc nội loạn thực sự vào năm 1913-1916.*

*Ở Bắc Việt, tướng du kích thời 1892-1896 là Đề Thám đã tiếp tục chiến đấu trở lại vào năm 1909 và bị hạ vào năm 1913. Cuộc biến động lan tràn đến Hué. Vua Duy Tân trẻ tuổi có một tinh thần hăng hái, đã được các đoàn thể quốc gia thuyết phục tháng 5-1916. Nhà Vua vốn Cung điện cầm đầu một cuộc khởi nghĩa không lớn lăm, đó là hội kín gây nên. Bị bắt, nhà vua bị truất ngôi và đày ở cạnh Cha gân Alger.*

Và chính cũng vì cuộc khởi nghĩa Duy Tân mà một Giáo sư Sirdar Ikbal Ali nghiên cứu về Triết học văn học viễn đông đã cho rằng: Cuộc khởi nghĩa Duy Tân là một cuộc Cách mạng. Sirdar Ikbal Ali đã nói:

“Hoàng Tử Vĩnh San niên hiệu Duy Tân, nhà Vua trẻ tuổi, khi đây đủ trí thông minh sáng suốt, đã nhận thức rõ, dưới quyền cai trị của người Pháp, dân Việt không có hạnh phúc gì cả. Sự thành tín giao hảo với văn hoá cổ truyền tốt đẹp từ xưa của người Việt Nam đã được minh chứng qua những hành động của thực dân Pháp đối với việc khai quật lăng vua Tự Đức để tìm vàng và châu báu. Người Pháp không còn chạy chối được hành động này. Bất thình lình cuộc đại chiến thứ I bùng nổ. Nhà vua trẻ tuổi cầm đầu một cuộc Cách mạng, nhưng vì thế yếu, bị đày sang đảo Réunion Island với Phụ Hoàng 1916.”

“The lad of eight years of age Prince Vinh san was given the royal name of Duy Tân. This youth was sufficiently mature in mind to see that his people were not happy under French ascendancy. He was too, enraged, according to Vietnamese historians, to discover that the grave of Tự Đức was dug up by the French not for any archaeological interest but for the sake of the gold and jewels that were to be found in it . The French of course denied this fact.

Matters took a sudden turn on the outbreak of the first world war, when the young ruler managed to raise a revolt, but the effort failed and he was exiled to Réunion Island like his father 1916”.

### Tóm lại:

Tất cả các yếu tố thực tế và hiển nhiên như thế, dù cho thực dân Pháp cố tình che dấu cũng chỉ là vô ích. Đó là ảnh hưởng sau cuộc khởi nghĩa Duy Tân đối với đồng

bào ta, là một bài học kinh nghiệm vô cùng quý giá trong công cuộc chống ngoại xâm. Và cũng làm cho thế giới biết rõ chánh sách đô hộ bạo tàn của thực dân Pháp đối với dân ta trên 30 năm đô hộ. Cuộc khởi nghĩa Duy Tân (4-5-1916) là cuộc cách mạng chủ trương lật đổ một chế độ thống trị thối nát lỗi thời, để lập nên một chế độ văn minh và nhân bản. Than ôi, dù có KẾ HOẠCH KHỎI NGHĨ, nhưng không thành:

1-Tổng phát động khởi nghĩa toàn diện, đúng giờ Tý ngày mùng 2 tháng 4ăm Bính Tần . Khởi điểm tại Kinh Đô Huế, sẽ bắn súng thần công báo hiệu lệnh cho hai tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình đồng thời ở đèo Hải Vân cũng nổi hiệu cho hai Tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi.

2- Huy động các đạo quân Thừa Thiên, hưởng ứng trợ oai cho các đội binh sĩ chiếm lấy kinh đô Huế.

3-Thu cả toàn lực Quảng Nam, Quảng Ngãi, dân chúng hợp lực với binh sĩ chiếm giữ cửa Đà Nẵng để mở đường giao thông với Đức. Ngoài ra các ỉnh khác cũng theo kế hoạch bao động cướp chánh quyền như thế.

4-Vạn nhất tấn công không thắng lợi, thì đạo quân Quảng Nam rút về phía Tây chiếm vùng rừng núi Bà-Nà, đạo quân Quảng Ngãi kéo lên miền Gió Rút, là những địa điểm hiểm trở làm hậu thuẫn cho những cuộc phản công

Do sự uỷ nhiệm của Việt Nam quân chánh phủ, các yếu nhân Cách mạng mỗi người đều có công tác phụ trách điều khiển mỗi Tỉnh do Cụ Trần Cao Vân, Thái Phiên điều động chiếm thủ Kinh đô và phụ trách rước Vua Duy Tân ra khỏi Hoàng thành, chờ cuộc hỗn loạn bình định và chánh quyền vẫn hồi sê tôn nhà vua trở lại ngôi.

Kế hoạch đã quyết định và phâ n phối hoàn bì, chỉ còn chờ ngày thi hành...Nhưng ...CƠ MƯỦ BẠI LỘ...



**Vua Duy-Tân ngày 05-9-1907**



**Vua DUY-TÂN 19-09-1907**



ÁU CHÚA DUY TÂN

## 4- KỲ NGOẠI HẦU CƯỜNG ĐỀ ĐIỆN HẠ (1871-1951)



**KỲ NGOẠI HẦU CƯỜNG ĐỀ ĐIỆN HẠ** sanh tại Thuận Hoá (Trung Việt) ngày 11 tháng Giêng năm Nhâm Ngọ (niên hiệu Tự Đức thứ 33) dương lịch 28-02-1882. Qui vị tại Đông Kinh (Nhụt Bồn) ngày 01-03 năm Tân Mão (DL 6-4-1951). Hưởng thọ được 80 tuổi. Người là con của Hàm Hoá Hương Công, cháu năm đời của Tinh Duệ Hoàng Thái Tử (Đức Hoàng Tử Cảnh) sanh tại Huế

Điện Hạ được lập Tước Kì-Ngoại-Hầu nhưng không xuất sỹ.

Sanh ra giữa cơn binh lửa, giang san xã tắc cơ đồ sụp đổ, khôn lòn trong lúc quốc hận, nợ nước thù nhà tràn ngập non sông. Người đã nghe được tiếng nói căm hờn

của dân tộc, đã thấy được nỗi đau khổ của đồng bào dưới sự áp chế của bọn xâm lăng. Những danh từ Tô quốc, Tô nghiệp, cứu nước, cứu dân, đã ăn sâu vào trí non nớt của Ngài. Rồi như số trời đã định, sẽ luôn luôn thúc giục và trong hơn nra thế kỷ về sau sẽ là phương châm và mục đích duy nhất của cuộc đời Cách mạng của vị Hoàng Thân tận tuy với Tô quốc dân tộc.

Khi mới 13 tuổi, Người đã có cơ hội để Phụng sự đại nghĩa. Năm ấy (1895) đảng Văn Thân Càn Vương Nghệ Tĩnh do Cụ Phan Định Phùng lãnh đạo, phái người vào Kinh rước Hàm Hoá Hương Công ra làm Thủ lãnh, để tăng cường thể lực cho lực lượng kháng chiến đang gặp lúc khó khăn. Nhưng tự xét tuổi già sức yếu, Hương Công bèn cử Điện Hạ đi thay. Chẳng may sứ giả của cụ Phan vào đón Người lại lâm bệnh, chết giữa đường, rồi không bao lâu cụ Phan cũng mất và n gay sau đó, chức Càn Vương Nghệ Tĩnh bị quân thù đánh úp tan vỡ.

Giáo dục của Người được sớm chuyển từ cựu học qua tân học. Không học từ chương khoa cử cũ, mà học Sử ký, Địa dư, Người ham đọc những Tân thơ và Chính trị, kinh tế của những nhà Tân học danh tiếng Trung Quốc.

Đến khi Người trở thành một thanh niên trí thức, trong khoảng từ 17 đến 21 tuổi, hai cớ khác để hiến thân cho nước, lại kế tiếp đến thực dân định truất phế Đức Thành Thái và tôn Người lên thay ngôi. Nhưng Người cương quyết từ chối, tuy nói rằng lấy nghĩa quân thần làm trọng, nhưng thiệt ra Điện Hạ quyết không hợp tác với Quân chủ.

Năm 1903 nhà đại cách mạng Phan Bội Châu và Việt Nam Quang Phục Hội tại Quảng Nam, Phan tiên sinh bí mật hội kiến với Người, trình bày mục đích của đảng Cách mạng đánh đuổi thực dân, khôi phục độc lập và rước

người làm Hội Chủ. Bởi Ông thuộc dòng dõi của Hoàng Tử Cảnh, con trưởng của Vua Gia Long, có tinh thần Cách mạng và được Việt Nam Quang Phục Hội tôn làm Hội chủ Cá nước gặp Rồng mây, Điện Hạ nhận lời ngay và từ đó nghiêm nhiên trở thành vị lãnh tụ của Đảng Cách mạng đầu tiên của dân tộc với nhiệm vụ Phục quốc an dân.

Được quốc dân Nam, Trung, Bắc hưởng ứng, Quang Phục Hội chuẩn bị tiến hành ngay kế hoạch khởi binh đánh Pháp, nhưng vấn đề khí giới khó mà giải quyết được tại trong nước.

Năm 1905, Ông Phan Bội Cử được cử đi ngoại quốc tìm mua súng đạn và cầu viện các quốc gia đồng văn, đồng chủng. Qua đến Nhật Bản, ông được tiếp đón ân cần, song dân tộc Bảo -Hoàng Phù Tang yêu cầu trực tiếp giao thiệp với Hoàng Thân lãnh tụ mới bàn đến việc viện trợ.

Tháng 2 năm Bính Ngọ (1906) Cường Để Điện Hạ từ giã ra đi. Bước chân ra đi như cõi tấm lòng, Hoàng Thân xiết bao hy vọng. Hy vọng nơi tình huynh đệ của dân tộc Phù Tang. Hy vọng nơi sự chiến thắng vẻ vang của Hoàng quân trong trận Nhật Nga đại chiến vừa qua. Hy vọng nơi sự thành công của mình: ngoại vien có, súng đạn có, ngày khai nghĩa không xa mà Cách mạng sẽ thành công! Than ôi! Càng hy vọng nhiều, sự thất vọng càng nặng nề.

Đến Hoành Tân – Đông kinh, Điện Hạ tiếp xúc được ngay với những yêu nhân Nhật: như Bá tước Đại-Ôi lãnh tụ Đảng Tiến bộ; ông Khuyển Dưỡng Nghị (sau này là Thủ Tướng nước Nhật). Các ông đều tỏ ý hoan nghênh và vui lòng chầu cỗ, nhưng khi đề cập đến vấn đề viện trợ, đến khí giới, thì họ khuyên hãy chờ cơ hội!

Bao nhiêu hy vọng của các nhà lãnh tụ cách mạng đều xây dựng trên cảm tình, lý tưởng. Nhưng đến khi đụng

chạm với thực tế, những hy vọng ấy trở thành thất vọng.

Trên đường Quốc tế, cảm tình, lý tưởng đều phải nhượng bộ cho điều kiện ngoại giao. Tuy đại thắng Nga La-Tư, nước Nhựt còn phải hưu dưỡng quốc lực, nhứt là về mặt quân sự và kinh tế. Quyền lợi ngoại giao của Nhật Bản còn phải gây cảm tình với các cường quốc Âu châu, nhứt là nước Pháp và nước Anh. Đó là thực tế, nó không cho phép nước Nhật ủng hộ cách mạng Việt Nam chống Pháp được.

Ngày tháng qua, mỗi thất vọng của vị Thủ lãnh Quang Phục Hội lại càng chua chát, khi nghe tin tại quốc nội một số lớn đảng viên chờ đợi lâu ngày không thấy súng đạn về đều chán nản, lại một vài đồng bào trí thức phát động chiến dịch diễn thuyết bài xích chủ trương cách mạng bạo động của Quang Phục Hội.

Nhưng tuy thất vọng dồn dập, Điện Hạ không bỏ phí thời giờ trong khi chờ đợi cơ hội.

Vài tháng sau, khi đến Đông Kinh, Người đã lo việc giáo dục cho chính mình và cho những đồng bào thanh niên lục tục xuất dương qua Nhựt theo con đường Phụng sự của Người. đó là kế hoạch bồi dưỡng nhân tài..

Sinh viên Việt Nam phần nhiều được nhập học các trường Đại học Đông kinh, một số sau này trở nên Cán bộ của đảng, năm, bảy người sẽ cọng sự, chia sẻ đắng cay bùi ngọt với Điện Hạ cho đến ngày cùng.

Cụ Cường Để đã từng theo học trường Chân Võ Lục Quân Đông Kinh (Nhựt) năm 1906.

Qua năm 1908, Cụ học ở trường Đại học Waseda. Cuối tháng 10 năm 1909 vì có lệnh nước Nhựt trực xuất những nhà Cách Mạng Việt Nam, Cụ phải sang Trung Hoa lánh nạn, qua Xiêm, sang Âu Châu và đã có lần về miền Nam Việt Nam với mục đích cổ động Phong Trào Đông

du cầu học và hoạt động Cách mạng Cứu quốc.

Thời gian lo buồn toan tính, ngày tháng thoi đưa mà công việc chưa tiến được Điện Hạ sực nhớ đến nước Xiêm nơi Đức Cao-Hoàng ngày xưa áp cǎn cứ, dưỡng tinh sức nhuệ. Người bèn lìa Nhựt sang Xiêm với một hy vọng mới. Nhưng sau ba tháng quan sát, hy vọng cũng tiêu tan ! Nước Xiêm tiếng là độc lập, nhưng vẫn còn chịu thế lực của Anh, Pháp. Ngoại giao Pháp đã chặn đường vận động của Cách mạng Việt Nam tại Xiêm.

Người lại trở qua Nhật vào khoảng 1908-1909, đoàn thể Việt Nam lưu trú tại Đông Kinh có trên 200 người, Chánh phủ Pháp dùng thủ đoạn ngoại giao yêu cầu Chánh phủ Nhật dẫn độ Điện Hạ và giải tán sinh viên Việt Nam. Tuy không đến nỗi áp dụng biện pháp dẫn độ, Chánh phủ Nhật phải chiêu theo Hiệp ước Nhật –Pháp 1907, áp dụng biện pháp “cưỡng bách xuất cảnh” đối với Người.

Khi tiễn chân Người từ giã đất Phù Tang, một ông bạn Nhật tặng cho Người một khẩu súng lục, để nếu không may lọt vào tay người Pháp, thì, súng này liệu với thân này chứ không chịu nhục.

Từ ngày đặt chân trên xứ Mặt Trời mọc với biết bao hy vọng, đến ngày lùi thui sǎp lung ra đi, vừa ba năm rưỡi, công bất thành danh bất toại, tâm trí của Người lúc bấy giờ buồn tủi biết bao! Nhưng may āng có một điều an ủi: Chánh phủ và những người bạn Nhật thật tình che chở, không để cho Người bị nhục trong tay bọn Pháp quyết tình bắt cho được Người.

Bước chân khỏi đất Nhật, Người phải hết sức đề phòng. Khi xuống tàu đi Thượng Hải, Người phải giả làm bồi tàu, làm đầu bếp. Khi đến Thượng Hải lại phải cạo trọc đầu, gắn đuôi sam, cải trang ra người Mãn Châu để che mắt bọn thám tử và cũng để cho người Tàu khỏi làm là

người Nhật mà họ đang ghét.

Thượng Hải, Hồng Kông, Quảng Châu đều là những căn cứ của Quang Phục Hội, nhưng lại cũng là những đất Tô giới Âu Mỹ. Trong khi lưu trú cũng như những lúc di chuyển, Người phải đổi tên, trốn tránh, có khi phải ở nhà những người bạn Tàu. Có chỗ chỉ những đồng chí thân-cận mới biết nơi cư ngụ.

May thay! Trong khi cách mạng Việt Nam đang lâm vào cảnh lén lút thì Cách mạng Trung Hoa bùng dậy đánh phá Đế quốc Mãn Châu. Nhơn khi tình thế nước Tàu lộn xộn, Quang Phục Hội lại hoạt động ráo riết, đầy hy vọng. Một số vũ khí mua được, nhưng không có phương thế nào chờ về nước được, vì người Pháp bưng bít tất cả đường lối, đành phải đem giúp Trung Quốc Đồng Minh Hội do nhà đại Cách mạng Tôn Văn lãnh đạo.

Tháng 10 năm 1911, Cách mạng Trung Hoa thành công, ông Tôn Văn được bầu lên chức đại Tống Thống. Những lãnh tụ khác, ngày trước có tiếp xúc với Điện Hạ và cụ Phan Bội Châu, ngày nay đều giữ chức vụ quan trọng trong Chánh phủ Dân quốc.

Điện Hạ đi Thượng Hải hội kiến với Tân Đô đốc Thượng Hải Trần Kỳ Mỹ, đi Nam Kinh ~~để~~ gõ Hoàng Hưng, Tân Tống -Giám-Nhân của Chính phủ Nam Kinh. Ông Phan Bội Châu thì đi Quảng Đông yết kiến Hồ Hán Dân Tân Đô đốc Quảng Châu. Tay bắt mặt mừng các ông đều là người tốt, đều có ý viện trợ, nhưng đều khuyên hãy chờ cơ hội, vì họ cũng chưa tổ chức được nền thống trị mới. Nhơn chánh phủ Dân quốc ra lệnh giải tán một số bộ đội tại hai Tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây. Phan tiên sinh nghĩ ngay đến kế hoạch lợi dụng những lực lượng vũ trang ấy và liên lạc với những nhóm Thổ phỉ Tàu, kéo quân về chiếm đất Bắc, hiệp lực với quân Càn Vương của ông

Hoàng Hoa Thám; một mặt từ Yên Thế đánh ra; một mặt từ biên giới đánh xuống. Kế hoạch này không phải là phiêu lưu. Nghĩ vậy, ông Phan Bội Châu với một sách lược đầy đủ đi Hồng Kông bàn tính với Điện Hạ..

Người phân tách lợi hại: “*Mình không có thực lực mà dùng quân Tàu ô hợp, không tướng tài, không kỷ luật, bọn Thổ phỉ còn tệ hơn, thì dù có đánh đuổi được quân Pháp, gỡ cho ra cái họa quân Tàu sẽ là một trách nhiệm lịch sử vô cùng nặng nề cho chúng ta. Lợi bất cập hại vậy*”. Phan Tiên sinh bái phục, kế hoạch đành bãi bỏ.

Tháng 5 năm 1912, Việt nam Quang Phục Hội được cải tổ, ông Phan Bội Châu được bầu làm Tổng Lý thay quyền Hội Chủ chấp chánh công việc. Từ đây gánh nặng lãnh đạo được thư thả hơn trước.

Công việc vận động tại nước Tàu không tiến hành như ý muốn, Người bèn nghĩ đến một nơi khác.

Phải tạm gác ra ngoài hai nước Nhật và Xiêm, vì ngoại giao Pháp đã chặn hàn lối đi của Người. Vậy thì đi đâu để vận động cho có hiệu quả?

Được tin quốc nội, các đồng chí chuẩn bị một cuộc bạo động tại Bắc Kỳ và thực dân dự bị đem quân lính miền Nam ra đánh dẹp miền Bắc. Người không ngần ngại, quyết định về nước vận động một phen. Định vận động cho đồng bào các giới, khi nghe tin ngoài Bắc khởi nghĩa thì hưởng ứng, gây một phong trào chống Pháp phổ biến toàn quốc, vận động cho quân lính Nam, Trung bị đưa ra Bắc, sẽ trở súng bắn lại quân Pháp.

Chuyến đi này chẳng khác nhập hổ huyệt. Đầu tháng 2 năm 1913, Người cùng hai đồng chí xuống tàu, từ Hồng Kông đi Tân-Gia-Ba vô sự. Từ Tân-Gia-Ba về Sài Gòn lại nguy hiểm vô cùng. Người phải ăn mặc và van lơn như một chú cu-li, đi làm ăn tha phương nay bệnh hoạn tìm

về xứ sở. Một người bồi tàu có từ tâm, dẫu Người vào một cái phòng dưới đáy tàu. Bốn ngày sau, khi tàu cập bến, lại phải chờ cho hành khách và lính Mã-tà lên hết, người bồi mới đem Người lên bờ.

Tại Sài-gòn, Chợ-lớn, Mỹ tho, Vĩnh long, người gặp lại một số đồng chí ngày trước hoạt động ở Đông Kinh Tái ngộ xiết bao mừng rõ, nhưng ai cũng lo sợ cho Người, vì lúc đó ở Sài -gòn vừa xảy vụ “Tạc đạn”, Mã -tà Pháp hoạt động ngày đêm, lùng bắt tất cả những đồng bào bị tình nghi chống Pháp. Thấy đồng chí lo sợ cho mình Người lại e ngại cho đồng chí, nên không dám ở nhà ai, chỉ ở đó, mỗi ngày đổi một chiếc, đậu một nơi.

Đảng viên mới cũ, lần lượt đến thăm hỏi và lãnh chỉ thị vận động. Một số đảng viên thanh niên phụ trách hộ vệ.

Một hôm đi tàu thỷ từ Chợ lớn đến Vĩnh long, Người nghe hai hành khách nói chuyện với nhau: Có tin Đức Cường Để mới lén về Sài-gòn, nhà nước tr eo gãi thường ai bắt được Đức ông sẽ bổ cho làm Đốc Phủ.

Đến Vĩnh long, một đồng chí Xã trưởng sở tại rước Người về nhà, tại một làng gần Châu thành, liền nghe trống đánh vang dậy, đồng chí ra đường nghe ngóng, thì ra thanh niên trong làng đánh tiếng nhóm làng loan tin “Vua Ta đã về”. Thế là Người phải từ giã đồng chí, vội vã đi nơi khác và tính việc xuất dương lại. Nhờ một số đồng chí tận tâm hoạt động, chuyến hồi hương này, than ôi ! Cũng là lần cuối cùng Điện Hạ đặt chân trở lại đất nước quê nhà, đem lại một kết quả khả quan về phuong diện chánh trị, cũng như tài chánh.

Tháng 5 năm 1913, Người đáp tàu đi Hồng Kông, lần này chỉ phải nằm dưới gầm tàu từ Sài gòn ra Ô-Cáp thôi. Trở lại đất Tàu, Điện Hạ thấy tình thế thát lợi cho mình. Tại Quảng Đông đảng Cách mạng Tàu đã thát thế,

phong trào phản cách mạng bành trướng khắp nơi. Các đồng chí đều phải xa lánh, mỗi người một ngã. Lại nghe có nhiều đồng chí khác bị bắt giữ tại Cảnh sát cuộc Hồng Kông, Người vội đến hỏi thăm tin tức, rồi cũng bị bắt đó luôn. May mắn một đồng chí mướn thuyền kiện và nộp 2.000\$ thẻ chân Người mới được tại ngoại, sau 8 ngày ở trong lao lý. Lúc bấy giờ Chánh phủ Hồng Kông, theo lời yêu cầu của chánh phủ Pháp, đã quyết định bắt để trục xuất cảnh tất cả đảng viên cách mạng Việt Nam. Lối trục xuất của họ không khác gì dẫn độ. Những nhà cách mạng họ chú trọng, có thể bị chở tới tị giới Pháp. Về phần Điện Hạ trường hợp này chắc chắn sẽ xảy ra. Vì vậy, tuy số tiền thẻ chân là lớn, Người phải dành hy sinh nó mà xa chạy cao bay cho kịp thời, không thể không khỏi sa vào tay người Pháp.

Nguyên lúc về nước, đồng bào có quyên góp một số tiền hai vạn đồng (20.000\$00). Người giao một phần cho một nhóm đồng chí ở Sài-gòn để lập cơ sở thông tin gửi qua Xiêm, còn bao nhiêu thì gửi vào ngân hàng chuyển qua Hồng Kông. Có số tiền này, người định đi Âu châu quan sát tình hình (theo kế hoạch đã định trước, thì phái đoàn đi Âu châu để khảo cứu về chính trị, kinh tế, quân sự là 10 người, nhưng vì tài chính eo hẹp nên chỉ còn chỉ ba đồng chí trí thức được chọn đi theo Người).

Hành trình vô lỵ tàu ghé Marseille, Nantes, rồi theo đường xe hoả đi Berlin ở lại vài tuần, lại qua Londres. Tại Londres, Điện Hạ tiếp được một bức thư của ông Albert Sarraut, Toàn quyền Đông Dương, đang ở Paris, mời Người về nước hiệp tác với chánh phủ Pháp.

Điện Hạ trả lời đại ý yêu cầu Chánh Phủ Pháp bỏ Chánh sách bóc lột, ngu dân cũ, mà thi hành một chánh sách khai hoá đúng đắn, khi ấy không gọi Người cũng vui

lòng về nước...

Tháng 4 năm 1914, Người lại nhận mật hàm của đồng chí từ nước Tàu gửi sang báo một tin mừng quan trọng: do Tướng Đoàn Kỳ-Thuy, Lục -Quân-Bộ Tổng Trưởng đề nghị Tổng-Thống Viên-Thé-Khai đã chấp thuận viện trợ tài chánh cho Cách mạng Việt-Nam. Tướng Đoàn Kỳ-Thuy mong được hội kiến với Điện Hạ tại Bắc Kinh.

Người chấm dứt ngay cuộc Tây du, đáp tàu trở lại Trung quốc. Người đã từng tiếp xúc với Đoàn-Kỳ-Thuy, biết ông rất có thể lực lại là một vị Tướng tài, thanh liêm, biết trọng đạo nghĩa, có quan niệm rõ về vấn đề Việt Nam.

Đến Bắc Kinh, Điện Hạ được đại diện Lục-Quân Bộ đón rước trọng thể, lấy một phủ đệ làm nơi tiếp đãi Người.

Ôi ! Hy vọng, phe n này chắc được Trung Hoa Dân Quốc viện trợ một cách thiết thực.

Than ôi ! Đến khi hội đàm với Đoàn-Kỳ-Thuy xong thì mỗi thất vọng của Người không còn biết tả làm sao được ! Số là trong khoản hai tháng sau khi ông Tướng Tàu mời Người đến Bắc Kinh hội kiến, Tổng Thống Viên-Thé Khai lại ký với Pháp một hiệp ước gọi là “Tá khoản” trong ấy có điều khoản Pháp – Hoa thân thiện, buộc nước Tàu phải tôn trọng quyền lợi của Pháp tại Đông Dương.

Để an ủi Người, Ông Lục -Quân-Bộ Tổng Trưởng nói: vì tình thế chưa thực hành kế hoạch viện trợ được, chứ không phải bâi bỏ, xin Hoàng Thân nhẫn耐. Lời nói của ông Đoàn-Kỳ-Thuy thành thật. Song nó cũng lại là một lời hứa, thêm vào biết bao lời hứa khác!

Trận Âu-Châu Đại chiến bạo phát ngày 27-8-1914 đem lại cho Quang Phục Hội tại quốc nội cũng như Hải ngoại một nguồn hy vọng mới. Đảng lại hoạt động đêm ngày, cũng có hàng ngũ, lực lượng vũ trang, chuẩn bị thửa

cơ kéo quân về nước. Sự liên lạc giữa Điện Hạ và Tổng Trưởng Đoàn-Kỳ-Thuy cũng được nối lại.

Đến năm 1915, Người tiếp được thơ của ông này ấn định kế hoạch viện trợ:

**1-Thời Kỳ chuẩn bị:** chánh Phủ Dân Quốc viện trợ cho Cách mạng Việt-Nam một ngân khoản. Số bạc ứng trước là 50 vạn, sẽ do Tổng Thống Viên-Thế-Khai trao tay cho Điện-Hạ trong một buổi hội kiến định vào tuần lễ sau.

**1-Thời Kỳ thực hành:** Dự định đến năm Dân Quốc bát niên (ba năm sau) Chánh phủ Trung Hoa sẽ viện trợ quân sự cho cách mạng Việt-Nam, thi hành kế hoạch đánh đuổi quân Pháp, khôi phục độc lập.

Giấy trắng mực đen, biết bao là hy vọng, tuy thời gian chuẩn bị ba năm quá lâu, nhưng nó cũng không phải là nhút định, sau này sẽ tính.

Trong cả tuần lễ sau, không thấy thiệp mời của Phủ Tổng Thống. Thì ra, trước ngày ông Viên -Thế-Khai định hội kiến với Điện Hạ, Chánh Phủ Dân Quốc tiếp được một văn kiện ngoại giao của Chánh phủ Nhật, đưa 21 điều thắc ngặt, yêu cầu Trung-Quốc thừa nhận. Tình hình ngoại giao giữa hai nước trở nên trầm trọng. Thế là số trợ ngân hoá ra chuyện ảo. Và từ đó, Người không tiếp xúc được với các yếu nhân Tàu nữa.

Lúc ấy là tháng 5 năm 1915, ôn lại những hoạt động từ trước, công việc gì cũng không phải là không thiết thực, không phải là không quan trọng. Công việc nào nếu thành tựu như dự định, cũng có thể đưa Cách mạng đến thành công. Ngày nay chiếc thân lưu lạc, bón bê không nhà, thất vọng chồng chất, Điện Hạ sao cho khỏi cảm thương thân thế! Phong sương lâu ngày, át và đòi phen, Người cảm thấy cần phải nghỉ ngơi đôi chút, bèn quyết định trở sang Nhựt, mà tình thế đã đưa lên ngang hàng với các Cường

quốc Âu Mỹ.

Lưu trú lần này tại đất Phù-Tang, Người không còn lo bị trục xuất, nhưng nghĩ đến bốn phận đối với Tổ quốc, sực nhớ lại trách nhiệm đối với đảng, đối với quốc dân., làm sao Người hưu túc cho đành?

Nhưng Cách mạng lại đứng trước một tình thế mới vô cùng khó-khăn. Pháp đã lôi c uốn được Nhật vào phe. Đó là một mánh khoé khôn khéo tuyệt vời của ngoại giao Pháp, khiến cho tình hình Đông-Nam-Á không thay đổi và thi chung có lợi cho Pháp.

Tại quốc nội tình thế lại càng bế tắc. Người Pháp một mặt tuyên truyền hứa hẹn tự do, đem tước 1 ộc mua chuộc các hàng trí thức, mặt khác dùng kế ly gián phá hoại hàng ngũ Cách Mạng, ngăn cản đoàn kết quốc dân. Những đồng bào tình nghi phản đối đều bị tù dày. Những nhà đại ái-quốc như Trần-Cao-Vân, Thái Phiên...& hàng trăm người đều bị hành quyết. Sau cuộc khởi nghĩa thất bại do Đức Duy-Tân lãnh đạo. Lực lượng kháng chiến của ông Đề Thám tại Yên Thế cũng bị tiêu diệt.

Tại nước Tàu và nước Xiêm lưới Mật thám Pháp cũng bủa khắp. Các lãnh tụ từ Phan Tiên sinh trở xuống đều bị giam giữ tại các tô-giới. Người nào lọt vào tay Pháp thì bị đem về nước trị tội. Liên lạc viên từ trong nước ra cũng như từ ngoài nước về đều bị bắt; đến nỗi trong ngoài không thông tin với nhau được. Cách mạng đành bó tay trong suốt bốn năm trời, chịu tiếng hèn với đồng bào, với thế giới.

Nhưng dù thiênan vạn nan Cách mạng cũng không nản chí. Sau tận đệ I Thế chiến chấm dứt (11-11-1918) Điện Hạ trở qua Tàu. Phan Tiên sinh cùng các đồng chí khác đều đã được trả tự do, nhưng kế hoạch vận động của Đảng phải chịu ảnh hưởng của tình thế rối loạn của

nước Tàu, gấp trăm ngàn trở ngại.

Và lại với những biến chuyển lớn lao trên mọi phương diện sau cuộc Âu C hâu Đại chiến , Việt Nam Quang Phục Hội không đáp ứng nhu cầu chánh trị của quốc dân nữa. Với sự xuất hiện của nhiều đảng phái mới và sự hiện diện của ông Nguyễn Ái-Quốc tại nước Tàu, vai trò lãnh đạo của Quang Phục Hội lu mờ dần dần trong khoảng thời gian từ sau Thế chiến thứ I đến đầu Thế chiến thứ II

Thế chiến II bùng nổ. Năm 1939, nước Nhật nhảy vào vòng chiến tranh. Lần này Nhật đứng vào mặt trận chống Pháp, tình thế tức khắc thay đổi. Cơ hội cứu quốc trở lại với Quang Phục Hội.

Ngày 12 tháng 3 năm ấy , Quang Phục Hội được cải tổ và đổi ra VIỆT-NAM PHỤC QUỐC ĐỒNG MINH HỘI để cho có một hình thức thích hợp với tình thế hơn.

Đảng lập cơ quan tuyên truyền tại Đài Bắc, hợp tác với Tổng Đốc Phủ Đài Loan, đả phá luận điệu bài Nhật của Chánh phủ Tưởng Giới Thạch và của Pháp tại Đông dương. Đảng lại hợp tác với Hoàng Quân, tổ chức Việt Nam Kiến Quốc Quân tại Quảng Đông và Quảng Tây.

Ngày 22-6-1940, Kiến Quốc Quân cùng quân Nhựt khai chiến với quân Pháp, đánh thắng vào Đồng Đăng , Lạng Sơn, quân Pháp đầu hàng.

Tình thế lại biến chuyển, một Thỏa ước trao đổi quyền lợi giữa Nhựt và Pháp được ký kết:

- *Một bên*: chánh quyền Pháp tại Đông Dương hiệp lực với người Nhựt trong cuộc chiến tranh Đại-Đông-Á.

- *Bên kia*: Nhật duy trì hiện trạng, công nhận cho Pháp tiếp tục cai trị Đông Dương.

Kiến Quốc Quân được lệnh lui binh. Một cánh quân không tuân thượng lệnh bị Pháp đánh tan. Thế là kế hoạch

của Phục Quốc Đồng Minh Hội không thực hiện được.Tuy vậy thanh thế của Hội về mặt chánh trị lại phát triển tại quốc nội, nhờ thành tích Cách mạng của Điện Hạ, mà 50 năm tận tuy với Tổ quốc đã in sâu hình ảnh vào tâm não của đồng bào ái quốc.

Đại đa số nhân sĩ, đảng phái Quốc gia nhất là CAO ĐÀI, đều đặt hy vọng phục quốc vào Điện Hạ

Ngày mùng 7 tháng 5-1945 có tin Người hồi hương. Tại Sài-Gòn, nhân dân hưởng ứng lời hiệu triệu của Giáo hội Cao-Đài, tổ chức cuộc đón rước rất long trọng, trong một khung cảnh tung bừng náo nhiệt. trên các nẻo đường, những Khải-Hoàn-Môn với biểu ngữ “ĐIỆN HẠ VẠN TUẾ” nổi ra tiếng nói nhiệt thành ngưỡng mộ của mọi con dân Việt Nam lúc bấy giờ, càng sực nhớ ân đức tiền nhân khai sáng lại càng mừng cho Điện Hạ có cơ hội phục hồi Tổ nghiệp.

Nhưng than ôi! Một trở ngại lớn chặn đường về của Người.Lịch sử chưa chép rõ lực ấy từ đâu mà có. Nhưng chúng ta biết chắc rằng, tuy Hoàng Đồ Bảo Đại đã tuyên bố độc lập ngày 11-03-1945 tại Huế, nhưng Nam Kỳ vẫn chưa được trở về với Hoàng triều và vị Thống đốc Nhựt đã tuyên bố tại Sài-Gòn ngày 30-4-1945”:

*“Đây là một ngộ nhận về vấn đề độc lập tại Đông Dương hoàn toàn ở dưới quyền kiểm soát Quân sự. Nền độc lập của Dé Quốc An-Nam và của Cao-Miên sẽ được tuyên bố, nhưng Nam-Kỳ chẳng những thuộc quyền Quân sự mà lại còn ở dưới quyền của Quân đội Nhựt. Vậy thì không có vấn đề Nam Kỳ độc lập”.*

Mặt khác, chúng ta không quên rằng Kỳ-Ngoại-Hầu Cường Để từ khi nguyện hiến thân cho Tổ quốc đến khi sự nghiệp Cách mạng gần thành tựu, nửa Thế kỷ sau, thi chung chỉ có một ý chí: khôi phục độc lập Hoàng đế cho

Tổ nghiệp từ Mũi Cà-Mau đến ải Nam quan.

Vậy thì lời tuyên bố của vị Thống Đốc Nhật hoàn toàn trái với ý chí bất di bất dịch của Điện-Hạ và sự Người không hồi hương lúc ấy để hưởng một thành công sút mẻ, lại càng biếu lộ một ý chí mà chúng ta ngày nay càng nghĩ đến càng thêm áo não sùng bái.

Cụ trở về Nhật vào tháng 5 năm 1945, phải cải danh người Trung Hoa lấy tên là Lâm Thuận Đức, được sự giúp đỡ của Thủ trưởng nước Nhật lúc bấy giờ là Khuyển Dưỡng Nghị, bỗng nửa chừng Dưỡng Nghị bị ám sát, nhưng Cụ Cường Đề vẫn hăng hái hoạt động, tổ chức không ngừng.

Vào cuối tháng 2 năm 1939, Việt Nam Quang Phục Hội được đổi thành Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội. Bôn ba trên đường tranh đấu cứu quốc, trong nước cũng như ngoài nước, Cụ đều hăng hái làm việc nhưng đại cuộc chưa thành.

Mùa Đông năm 1949 từ nước Nhật, nhơn danh Phục Quốc Đồng Minh Hội, Người lên tiếng kêu gọi thế giới tự do, giúp đỡ cho dân tộc Việt-Nam thâu hồi độc lập, tự do, đối với thực dân Pháp, cũng như đối với Cộng Sản Việt Minh.

Năm 1950, Đức Quốc Trưởng Bảo-Đại gởi thơ mời Người hồi hương chung lo việc nước nhưng Người từ chối vì thực dân Pháp vẫn còn kiểm soát chánh phủ Quốc gia. Cũng trong năm ấy, Người từ Đông Kinh đáp tàu thuỷ sang Bangkok, nhưng chánh phủ Thái không cho phép Người lên bờ (1) có lẽ để tránh báo chí phỏng vấn ồn-ào và mục đích của người sang Xiêm là muốn về cho gần nước nhà để tìm hiểu tình hình cho rõ hơn và nếu thuận tiện, Người sẽ về Sài-Gòn, nhưng chánh quyền Pháp lại sợ, nếu Người về Việt Nam phò tá Đức Bảo-Đại, thì thanh

thế Chánh phủ Quốc gia sẽ được tăng cường và vấn đề Liên Hiệp Pháp sẽ bị đem thương thuyết lại ngay, cho nên ngoại giao Pháp vận động với Chánh phủ Thái không cho phép Người bước chân lên đất Thái” (Thúc Dật Thị)

Ngày 6 tháng 4 năm 1951 Qúy thọ bệnh và mất tại Đông kinh (Nhật). Hưởng thọ được 80 tuổi.



### **Trong quyển “LỜI PHÊ” của Đức Hộ-Pháp**

trang 61 bày tỏ ý kiến về Đức Ngài qua chuyến công du sang Đài Loan và Nhật bốn lục 10g ngày 29-3-1954.

*Ngài nói:*

*“Tôi có ý muốn đặt những cơ sở của Đạo Cao Đài tại Đài Loan, cũng như Tôi đã làm việc đó tại Pháp trong cuộc hành trình vừa qua của Tôi sang Âu Châu.*

*Thăm Đài Loan xong, Tôi đã qua Nhật Bản và sẽ lưu lại đó chừng ba, bốn ngày để rước hài cốt của Hoàng Thân Cường Đế về nước. Riêng Tôi, Tôi chưa được quen biết Hoàng Thân. Những nhà ái quốc Việt Nam đối với Tôi, khi Tôi còn là nhà chán sỹ Cách mạng, đã là biểu hiệu của cuộc tranh đấu giành độc lập cho Tổ quốc.*

*Hơn nữa dầu rằng không phải là một Giáo đồ của Đạo Cao-Đài, Hoàng Thân Cường Đế đó là người thứ nhất và cũng là người có nhiều ảnh hưởng nhất đã bảo vệ cho Đạo của chúng tôi. Trước khi mất, người đã ban cho Đạo Cao Đài hài cốt và tài sản của Người. Nay Tôi qua Nhật chính là để thi hành lời trói trăn của Người là rước hài cốt của Người về nước”.*

*Đức Hộ-Pháp nói tiếp:*

*“Cũng như việc rước tro của Đức Ký Ngoại Hầu Cường Đế về Thánh Địa Toà Thánh là nhiệm vụ Thiêng liêng của một nền Tôn giáo, hơn nữa là một công dân đất*

nước của Tổ Phụ lưu lại cùng là hài cốt của Cụ Duy Tân ở cù lao TIDI và những hài cốt của các nhà ái quốc lưu vong bỏ mình nơi Hải ngoại. Sau nữa lập một Ban Đạo tỳ cải táng, đi cùng khắp miền Nam Việt Nam tìm những mồ hoang, những hài cốt của giòng dõi Lạc Hồng bị ngọn lửa chiến tranh gây hán từ năm 1945 đến nay đã dát trên đất nước. Biết bao nhiêu người đã bỏ mình vì nạn tương tàn cốt nhục, làm thế nào đặng rước về di táng noi Nghĩa trang Thánh Địa Toà Thánh, đồng bào Việt Nam thấy rõ lòng NHƠN NGHĨA của nền Tôn giáo là tấm gương lịch sử soi chung hậu thế". (ĐHP thuyết tại Trí Huệ Cung 4-10-Giáp Ngọ (dl 20-10-1954)

Năm Ất-Dậu (1945) sau cuộc Đảo chánh Pháp (9 Mars) có làm cờ **Khai-Hoàn-Môn** tại Sài-gòn đặng tiếp rước Đức Kỳ Ngoại-Hầu Cường Đế là nhà Cách mạng phiêu lưu 40 năm nơi xứ người. Ngài Chánh Đức viết:

### CẨM ĐỀ

Rúng động non Nam khúc khải hoàn,  
Treo gương Hồng-Lạc phục giang san.  
Vé tươi Quốc sử loà cương thổ,  
Đánh tinh hồn dân dựng miếu đàng.  
Nước bốn ngàn năm lừng máu đỏ,  
Dân hăm lăm triệu rạng da vàng.  
Khí linh bia mãi cùng trời đát  
Rúng động non Nam khúc khải hoàn.



### TỔ CHỨC CUỘC LỄ RƯỚC ĐỨC KỲ NGOẠI HẦU CƯỜNG ĐẾ

Tháng 5 năm 1945 tại Sài-Gòn, Đạo Cao-Đài có tổ chức cuộc Lễ để rước Đức Cường Đế về nước. Với Lý do sau đây:

1- Xét thấy Hoàng Đế Bảo Đại không đủ sức cầm quyền, không thể đưa đất nước đến hoàn toàn độc lập theo nguyện vọng của toàn dân.

2-Xét thấy Cụ Cường Đέ là nhà Cách mạng Nguyễn Phúc Vân sanh tại Huế, năm Tự Đức 33 (1882) con của Hàm Hoá Hương Công, cháu 5 đời của Tăng Duệ Hoàng Thái Tử (Đức Hoàng Tử Cảnh) được tập tước Kỳ Ngoại Hầu nhưng không xuất sỹ. Là người có tinh thần Cách mạng thuở còn trẻ, đang lưu vong tại Nhựt hoạt động giải phóng giành độc lập lại cho nước Việt Nam, có khả năng lãnh đạo dân tộc, có đủ uy tín với toàn quốc đồng bào. Ngài được các nhà yêu nước mến phục và có tên tuổi đối với quốc tế. Chính Ngài đã lãnh đạo tối cao của Cơ quan Phục Quốc Đồng Minh Hội.

Ngài rất xứng đáng lãnh đạo toàn dân trong lúc này nên các chánh khách hiệp với Giáo sư Đại biểu đến Bộ Tham mưu Nhật thương thuyết rước Đức Ngoại Hầu Cường Đέ về nước.

Ngày 17-5-1945, được tin điện của Ngài cho hay sẽ về nên các đoàn thể yêu nước, mà nhất là khôi Cao-Đài lo làm Lễ đài sẵn tại phía sau Nhà Thờ Đức Bà.

Cắt khán dài, dựng Khải hoàn môn rất lộng lẫy, có Nghĩa binh Cao-Đài đứng gác trang nghiêm, có đội cận vệ túc trực. Sự trọng thể này làm cho hầu hết quần chúng đi ngang qua phải xuống xe đi hai bên chứ không đi cửa giữa

Các tỉnh nghe tin sự tổ chức rước nhà Cách mạng Kỳ Ngoại Hầu Cường Đέ, nhiều người lên Sài-gòn chờ đợi cả tháng mà Đức Ngài vẫn chưa về. Tại sao vậy?

Theo như con của Đức Ngài là Tráng Cử và Tráng Liệt cho biết: Kỳ Ngoại Hầu định về, thì cuộc chiến đã tới tấp trên đất Phù-Tang, bom nguyên tử của Mỹ đã trút xuống hai thành phố Hiroshima và Nagasaki làm cho nhà

cửa đồ nát, hàng vạn người Nhật phải chết, cộng thêm Đảo Okinawa hạm đội Mỹ tràn ngập. Lại nữa, Ngài được các đồng chí cho biết tại quê nhà có sự manh nha tranh quyền lãnh đạo quốc dân, nên Ngài quyết định gởi xương nơi đất khách. Vào ngày 5 tháng 4 năm 1951 Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Đề từ trần để lại muôn vàn luyến tiếc.



### **Năm Giáp Ngọ (1954) Đức Hộ-Pháp sang Nhứt ruorc di hài của Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Đề về nước.**

*ĐỨC HỘ PHÁP tuyên bố tại phi trường Tân Sơn Nhứt ngày 12-10-1954 (năm Giáp Ngọ)*

*Thưa cùng đồng bào Việt Nam,*

*Đây là di hài ủa Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Đề, quý danh là Nguyễn Phúc Văn, Ngài là đích tôn của Đức Đông Cung Cảnh túc là Tông Chi Hoàng Tộc. Cả toàn thể Quốc Dân đều biết dĩ vãng của Ngài.*

*Ngài đã hy sinh một đời sống lưu vong nơi đất khách, cốt theo đuổi một mục đích, là làm thế nào phục hồi vận mạng Tổ Quốc, độc lập thiêt hiện.*

*Ngài aing như Bàn Đạo, tâm hồn của Ngài phù hợp với tâm hồn của Bàn Đạo là chẳng lúc nào Ngài phân biệt màu sắc chánh trị, cùng đảng phái, đoàn thể, Tôn Giáo.*

*Một kiếp sống của Ngài, chỉ có một mục đích là làm thế nào phục sự vận mạng Tổ Quốc và đồng bào Việt Nam. Đau đớn thay! Trên bốn chục năm lưu vong nơi đất khách. Ngài theo đuổi một mơ vọng mà Ngài không đạt đặng. Công chưa thành, danh chưa toại, Ngài đã thành người thiêng cõi nơi đất khách quê người.*

*Hôm nay, di hài của Ngài đã được đem về nước:*

*Do đó khói anh linh của Ngài cũng cùng về hiệp với khói Quốc hồn của bốn ngàn năm lập quốc.*

*Thê thảm thay! Trước nửa giờ lâm chung, Ngài còn rán ngồi dậy nhăn cùng tất cả Thanh Niên Việt Nam hãy cương quyết phục cường cứu quốc, rồi Ngài nầm thiêm thiếp. Trước khi trút hơi thở cuối cùng Ngài còn rán kêu: “Việt Nam Muôn Năm”.*

*Bàn Đạo nghe thuật lại điều ấy, Bàn Đạo cảm khích vô ngần. Những bạn đã lưu vong cùng Ngài đã khóc hết nước mắt. Khối tâm hồn ái quốc ấy hôm nay ước mong nó sẽ là một ngọn lửa thiêng nung sôi tinh hồn của toàn thể Quốc Dân Việt Nam, bỏ thành kiến, bỏ đảng phái hiệp sức cùng nhau để cứu vãn tình thế nước nhà đang lúc nguy vong tan tác.*

*Trước khi dứt lời, Bàn Đạo xin toàn thể đồng bào noi điều theo dư âm khốn khổ của Ngài đã kêu cả toàn thể đồng bào của chúng ta. Bàn Đạo hô như Ngài đã kêu gào thống thiết trước hơi thở cuối cùng của Ngài”.*



### **Đức Hộ Pháp tuyên bố trong dịp rước di hài Cụ Cường Đề.**

*Đức Hộ Pháp tuyên bố trong dịp rước Di hài của Cụ Cường Đề tại Tòa Thánh, ngày 20-9-Giáp Ngọ (1954)*

*Thura Chur Chirc Sắc Thiên Phong Nam, Nữ Luõng Phái, Thánh Thể Đức Chí Tôn, Hội Thánh Nam, Nữ, các Cơ Quan Chánh Trị Đạo.*

*Tiếp theo lời tuyên bố của Bàn Đạo khi về đến Sài Thành đã nói về đời sống của Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Đề, Bàn Đạo chẳng cần nhắc lại thì cả toàn thể quốc dân Việt Nam, cả toàn Đạo cũng biết rõ sự hy sinh vô đối của Ngài, kiếp sống của Ngài chỉ có một mục đích*

quật cường giải ách kẽ thuộc thâu hồi độc lập và phục quốc cho đồng bào. Khi mới đến Tân Sơn Nhất Bần Đạo đã tò lỗi kêu gọi theo yêu thiết của Đức Kỳ Ngoại Hầu lúc lâm chung. Cả một đời sống hy sinh của Ngài mong tạo hạnh phúc cho Tổ Quốc cho giống nòi mà phải chịu chặng biết bao nhiêu gian truân khổ não, cũng chỉ vì lòng ái quốc vô đối của Ngài.

Cả Thanh Niên Việt Nam nên ghi nhớ những lời nhẫn gởi của Ngài, trước nửa giờ chót, Ngài còn rán ngồi dậy nhẫn cho toàn Thanh Niên Việt Nam phải cương quyết quật cường cứu quốc, mặc dù còn một hơi thở cuối cùng, nhưng Ngài còn rán hô “Việt Nam Muôn Năm” rồi mới tắt thở. Bần Đạo không thấy mà đã nghe Đồng bào Việt Kiều ở Đông Kinh thuật điều ấy làm cho Bần Đạo khóc, và chính mình Bần Đạo chỉ biết khóc mà thôi.

Nói theo lời kêu gọi thống thiết của Ngài Bần Đạo về đến đây cũng xin cả toàn thể con cái Đức Chí Tôn Nam, Nữ Lưỡng Phái lập lại lời thống thiết trước giờ chót của Ngài. Bần Đạo hô cả thảy đều hô theo:

“VIỆT NAM MUÔN NĂM !”.



Ngày mùng 1 tháng 3 Quý Tỵ (1953)  
**Lễ Đại Tường Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Đề**

*Bài Thài:*

Ngoài bốn mươi năm biệt cửa nhà,  
Quyết lòng khôi phục nước Nam ta.  
Náu-nương đất khách chờ thời thé  
Tuổi thọ bảy mươi trí chặng già.

*Cường Đề*

THỦ BÚT CỦA ĐỨC CUỜNG ĐỀ  
(Bức thư bằng Hán tự của Đức Ký Ngoại Hầu  
Cường Đề Điện Hạ gởi ông Trần Quang Vinh )

凜先榮同志為握。數年來雖無音信又通。  
但由 Yangon Radio 傳聲。藉知並下及信往會同志。  
始得安詳。至為余慰。余深信毋論時勢如何變動。  
我同志心不余棄。余亦未嘗順刻忘懷。余歸國之日久。  
久可見實況。望告並心保重為荷。現時國內同聲擁  
戴保大皇帝。回賓新政。統一獨立國家。我信徒頤旨  
示以一致行動。俾福音文涉早得解決。平和秩序快  
見重復。我因山得以安居樂業。飽食煖衣。余所  
顧之。貴函十月三十日候至本月一日方纔接讀。因須經  
過地方官檢閱。所以遲延。敬此。順祝  
道喜。諸事如意。俟後為致意。請回。了。

故阮同志文參家庭，請為費心照顧。勿使冷落孤獨。  
隨時往來，意信須經檢閱，未檢閱後，方可發送。  
信文字只準用華日英法四國文字，若<sup>長</sup>所以此書又不能  
寫國語，而寫漢文也。請諒之。

十月二日

謹候  
正



### Ông Trần Quang Vinh Dịch y nguyên văn:

Đông Kinh, ngày mùng 2 tháng 12 năm 1948

Cùng Đồng chí Trần Quang Vinh,

Mấy năm nay tuy bắt hẵn âm tín, nhưng nhờ có “Radio Sai-gòn” truyền thanh, cũng rõ được túc hạ và các đồng chí Tín đồ mạnh khoẻ như thường, tôi rất an dạ.

Tôi vẫn tin chắc rằng dù cho thời thế biến động cách nào, đồng chí đối với tôi tất không bao giờ xao lảng mà tôi đây chưa hề khoảnh khắc vong hoài.

Ngày tôi trở về nước tướng không bao lâu nữa, có thể thực hiện được, xin mong cả thảy an tâm và bảo trọng. Hiện nay trong nước đều đã đồng tâm ủng hộ Hoàng Đế Bảo-Đại hồi loan chấp chính, giữ nền độc lập thống nhứt Quốc gia, vậy Tín đồ ta hãy tỏ rõ sự hành động nhứt trí của mình giúp cho cuộc giao thiệp độc lập sớm giải quyết, trật tự hoà bình mau thấy trở lại làm cho quốc dân ta được an cư lạc nghiệp, mặc ấm ăn no, ấy là điều sở nguyện của

tôi đó.

Bức thư của đồng chí gửi ngày 30 tháng 10, mãi đến ngày 1 tháng 12 mới tiếp được, ấy là vì phải trải qua cuộc kiểm duyệt của quan địa phương nên mới chậm trễ như thế.

Nay kính thư này cầu chúc cho Đạo an, xin rõ lòng nhau và trao tác dạ này cùng các đồng chí.

Về gia đình của đồng chí Nguyễn văn Sâm, xin hãy tận tâm chiếu cố, chớ lanh đạm thờ ơ, rất mong.

Hiện thời những thơ từ qua lại đều phải qua mắt sở kiểm duyệt rồi mới phát ra. Phàm thông tin bằng văn tự, chỉ dùng bốn thứ văn tự là: Hoa, Anh, Nhựt, Pháp mà thôi. Vì vậy bức thư này không thể viết bằng Quốc ngữ, nên phải viết bằng Hán văn, xin lượng cho.

Cường Đề  
(Ký tên và đóng dấu)



Tokyo, ngày 28 tháng 11 năm 1950

Đồng chí Trần Quang Vinh  
Tổng Trưởng Bộ Binhs Bí (Lực)  
SAI-GÒN

Kính gửi,

Câu chuyện hàn huyên, xin miễn thú không phải nói. Mấy lâu nay tôi vẫn hết sức vận động các phuong diện Anh, Mỹ, nhờ khuyến cáo chánh phủ Pháp mau xác nhận quyền độc lập tự chủ cho nước nhà, mới thu phục được lòng dân, mới phòng ngừa được họa Cộng.

Mới rồi, nghe tin rằng Chánh phủ và Nghị viện Pháp đã thông qua cái Nghị án giải phóng Đông dương độc lập thật sự, Tôi rất dõi lấy làm mừng cho cả dân tộc

được thấy đem lại Hoà-bình, an cự lực nghiệp. Tôi sẵn lòng về nước phò Vua giúp nước gầy nên thịnh cường cho dân tộc được vេ vang, cho dân sinh đực sung túc, cho thoả cái nguyện vọng 47 năm nay. Nhưng nhà báo thông tin cũng có khi sai lầm, sự thực hẳn có được như lời nhà báo nói hay không? Vả chăng muôn trung cầu ý kiến các đồng chí biết nេn về hay chưa nេn về ra sao đâ, mới hợp cái đạo nghĩa “Đồng ưu cọng lạc” với nhau. Vậy nay tôi xin hỏi ý kiến túc hụ cùng các đồng chí nេn thế nào cho biết, cảm ơn.

Quân đội ta cần phải cho ăn mặc đầy đủ, huấn luyện cho tinh nhuệ, kỷ luật cho nghiêm minh, hình thức có, tinh thần phải có. Chúng ta ở cái tình thế ngày nay rất khó khăn, phải tết tâm cho lầm mới đứng vững.

Sau đây xin chúc Đức Hộ -Pháp cùng các giáo hữu mạnh giỏi, bền lòng phấn đấu cho tổ quốc vេ vang. Vì có lời chúc các chiến sĩ Hoà Hảo, Bình Xuyên hùng ương phấn phát đồng lòng nhứt trí ủng hộ Đức Quốc Trưởng Bảo Đại để cứu đồng bào quốc dân ra khỏi lầm than.

Nay kính (Ký tên đóng dấu)  
CUỒNG ĐỀ

### LỜI NÓI THÀNH THỰC:

Đồng bào tương sát là một sự rất khá thương tâm. Bên kháng chiến phần nhiều là những nhà ái quốc, vì ő quốc độc lập tự chủ mà phải đứng ra chịu đầu đạn mũi gươm, chờ không phải vì quyền quý lợi lộc, cũng không phải vì chủ nghĩa chủ trương gì khác. Nếu như nay Chánh phủ Pháp đã chịu xác nhận đem độc lập chủ quyền trả lại cho ta rồi đó, thì bên họ đương nhiên cũng vui lòng quẳng gươm súng trở về với ta, đâu lung hiệp sức mà vun đắp non sông, tạo hạnh phúc cho đồng bào. Vả chăng không

còn có lý do gì mà kháng chiến được nữa, mở con đường khoan đại đãi ngộ cho họ để về với ta. Xét cho kỹ tâm lòng yêu nước, yêu nòi họ chẳng khác gì ta. Sự thực cũng nhờ họ mà đem lại được cái địa vị ngày nay, cúng ta không quên được họ, lưu ý lưu ý!

## CƯỜNG ĐẾ



Tokyo, ngày 20 tháng 1 năm 1951

Kính gửi đồng chí Trần Quang Vinh

Tổng Trưởng Bộ Quân Lực

Chánh Phủ Quốc gia Việt-Nam

SAI-GÒN

Quí thơ và quí ảnh tiếp được cả, cảm ơn..

Nước ta ngày nay tuy vẫn đã độc lập rồi song hành chánh kinh phí hâay cò<sup>y</sup> lại vào người, thực là môt sự không hay cho nước nhà lâm, ta phải tìm cách gì để cho tài nguyên dồi dào mà tự cấp tự túc mới hợp lẽ. Thiết tưởng hiện thời ở Nhựt Bản công nghiệp rất phát triển, mà nguyên liệu ở Tàu, Mân châu, Triều Tiên không đem lại được, họ đương tìm cách mua bán với ta, mà ta cũng có nhiều phảm vật cần dùng đến của họ lâm, đường gân mà giá rẻ, có tiên cho cả hai bên, vậy hy vọng tướng quân bàn với Chánh phủ ta nên phái đại biểu qua Nhựt hiệp định việc mua bán với họ, để cho có kinh tế mà làm việc nước rất tốt. Ngoài cửa biển ta, tàu Nhựt bị đánh chìm rất nhiều, thứ tàu áy đê như thế có phuong hại cho sự giao thông đi lại. Và chăng vót lên được thì có lợi ta nhiều, ở Nhựt có nhiều người có kinh nghiệm sự vót tàu chìm, ta mời họ qua mà trù tính việc đó rất tốt.

Sự Nhựt thông thương với ta, Mỹ cũng vui lòng, bởi vì Mỹ cũng cần dùng Nhựt chế đồ cho họ mà thiếu

nguyên liệu. Triều tiên có cả Quốc Liên Quân đánh dùm, mà Trung Cộng k hông thèm đếm xỉa chi hết , ý có nhiều quân cứ đánh đại vào, nước ta viện cõ, quân ít, vạn nhứt hoá đánh vào, ta sẽ tính sau.

Toà thánh Tây ninh nên lập bệnh viện cứu chữa dân nghèo, nên lập trường học giáo dục trẻ em cho hắn hiểu luân lý đeo đức ở đời , rồi dạy cho hắn biết một nghề nghiệp gì đó, để hắn nuôi thân, khỏi ăn bám vào cha mẹ bà con thực là rất quý. Thanh niên ta nất dạy rất nhiều, làm Chánh phủ với làm cha mẹ nên chăm lo cho hắn, chớ để hỏng cái đời thanh thiếu niên của hắn, di hại tới nước nhà, chú ý chú ý.

Nhà tôi có mười mấy đứa cháu ở Hué, nghe nói cha chúng nó bỏ nhà đi vắng, vậy thì không co ái trong nom sự học hành cho chúng nó, thực khá thương tâm.Tướng quân có ngày giờ lo được. Nhớ để ý dùm, rất cảm ơn.

Nay kính  
Ký tên: CUỒNG ĐỀ

Người nước ta hiện thời ở Tokyo chỉ có một mình Tôi là không hùa theo chủ nghĩa Hồ được, còn bao nhiêu là Hồ chủ tịch muôn năm. Cha chả muôn năm cả.Tôi tuổi già mà ở một mình đơn cõ, có thể xin đức Quốc trưởng cho phép một hai đứa cháu của tôi qua Tokyo ở với Tôi, Tôi rất cảm ơn vô cùng tận.

Kính chúc các đồng chí muôn năm  
Đức Quốc trưởng Bệ Hạ muôn năm  
Chánh phủ độc lập mới muôn năm

Ký tên:CUỒNG ĐỀ

Ngày năm ngoái tôi qua Xiêm để cho tiện đường liên lạc đồng chí, rồi tích cách về nước phò tá Đức Bảo Đại để làm choi mau đem lại Hoà bình cho dân nhờ, không ngờ không lên bờ được! Tiếc thay! .Ký tên: CUỒNG ĐỀ

...Sài gòn, ngày 19 tháng 2 năm 1951

**Kính gửi Đức Ký Ngoại Hầu Cường Đế Điện Hạ.**  
**ĐÔNG KINH**

Kính Điện Hạ,

Tiếp đặng thơ của Điện Hạ đề ngày 20-1-1951, Tệ  
chức xin đa tạ, đa tạ. Các lời vàng ngọc của Điện Hạ chỉ  
giáo các đồng chí và Tệ chức xin ghi nhớ vào tâm trí. Về  
vấn đề gởi đại biểu sang Nhật là phận sự của chánh phủ,  
nhưng thời cuộc lúc này chưa thuận tiện, Chánh phủ mới  
phái hai vị Sứ thần đi ngoại quốc: Ông Bác -Sĩ Trần văn  
Đôn, Cựu Thị Trưởng Sài -Gòn, Chợ lớn, đặng phái sang  
Luân Đôn (Londres) và ông Nguyễn Khoa Toàn cựu Tổng  
Trưởng sang Vọng Các (Bangkok) Lần lượt sẽ tới phiến  
các nước khác.

Toà Thánh Tây Ninh đã có sẵn Bệnh viện và trường  
học. Học sinh nghèo do Hội Thánh và Quân đội bảo bọc  
có trên 6.000 sinh viên, đâu đó đều có tổ chức chu đáo.

Chánh phủ Việt Nam –Tân chánh phủ đã thành lập,  
kỳ này Tệ chức xin rút tên ra. Bộ Quốc phòng hãy là Quân  
lực đã giao cho Ông Nguyễn Hữu Trí, Thủ hiến Bắc Việt.  
Sỡ dĩ Tệ chức không dự vào Nội các là do nơi sự đổi chọn  
vào bộ khác, nên Tệ chức không bằng lòng. Qua trung  
tuần tháng ba (Mars) Tệ chức sang Pháp lối vài ba  
tháng....Tệ chức kính thăm Điện Hạ, cầu chúc Điện hạ  
mạnh khoẻ và luôn gặp may mắn

Nay kính

Ký tên

TRẦN QUANG VINH





TRUNG TƯỚNG : TRẦN QUANG VINH  
TỔNG TƯ LỆNH QUÂN ĐỘI CAO ĐÀI  
( 1897 - 1975 )

**Ông Trần Quang Vinh**

## PHÁI ĐOÀN BỬU SƠN KỲ HƯƠNG Viếng BÁO QUỐC TÙ

Lúc 9 giờ ngày 20 tháng 10 năm Bính Ngọ (dl 1-12-1966)  
Phái đoàn đến viếng BÁO QUỐC TÙ tại chợ Long Hoa,  
Phái đoàn Bửu Sơn Kỳ Hương làm lễ cầu nguyện các vị  
Tiền Vương, ông Vạn Pháp Tiếp Dẫn Đạo Nhơn ứng khâu  
đọc bài này:

*Ôn Quốc Tổ Tiên Vương ghi nhớ,  
Đoàn BỬU SƠN muôn thuở nào quên.  
  
Tứ Ân Hiếu nghĩa đáp đèn,  
Tiền vương Thành Thái tuổi tên ghi lòng,  
Đức Hàm Nghi gán công phê Dé,  
Vào non Nam núi Tượng lập nền!  
  
Duy Tân tại dạ dựng lên,  
Cường Hầu phục quốc tuổi tên chói loà,  
Bửu Lan bắt phục Lang sa,  
Đưa Kỳ ngoại quốc bước qua Nhứt Hoàng.  
  
Ngày trở lại giang san dựng nghiệp,  
Hảo tâm đồng hoà hiệp Hiển Trung  
Tiền nhân các Đấng anh hùng,  
Nay đoàn hậu tần thi chung một lòng,  
Đất Nam Việt Tiên Rồng một thuở,  
Nhìn ánh gương Cường Đế Thái Duy,  
Thành công quốc thời Tân nghi,  
Cao-Dài tỏ rạng Nam Kỳ Tây Ninh.  
  
Đoàn hậu tần đây xin làm Lễ,  
Các tiên Vương thuận kế cứu đời,  
Hiệp chung Tam giáo vây thời  
Bửu gia hoà thuận cơ trời định phân*

Lập Thượng cổ Tân Dân, Minh đức,  
Đời Thượng nguon đáng bực Nam triều,  
Tuổi tên tiên bối danh nêu,  
Noi theo lý trí môt triều nhơ tài  
VẬN PHÁP cảm đọc bài Cung chúc,  
Đạo nhơn lành ưng đúc tinh thần  
Lòng người vì nước vì dân,  
Vì Đời vì Đạo tinh thần nêu cao.  
Nhìn tiền bối ước ao tâm trí,  
Tưởng Tiên Vương dụng lý nhơn hoà.  
Ngày nay tới Thị LONG HOA,  
Báo ân cầu nguyện tự ta lòng thành.  
Cầu đạo đức nhơn sanh hoà hiệp,  
Lập Thượng nguon cho kịp kỳ thời.  
Dâng hương cầu nguyện Phật Trời,  
Tiền Vương các Đáng chửng lời nguyện đây.  
Trở về noi cảnh miền Tây,  
ĐỒ THO xem kỹ lời Thầy di ngôn,  
Người đạo đức tử tôn tiên bối,  
Nhớ Trăm quan một khói tinh thần.  
Cùng nhau hoà hiệp an dân,  
Hiếu Trung Nghĩa Dũng tinh thần chó phai,  
TÚ ÂN cũng đáp ngay tròn phận,  
Khuyên đệ huynh bỏ giận chó hờn,  
Bài này của Lão Đạo đòn,  
Kính dung đạo đức BỬU SƠN xem tường,  
Nên trí đạo nên nhường phái nhịn,  
Chờ Thiên cơ có lệnh Thánh Hoàng.  
Chúc mừng bốn Đạo phái đoàn,  
Hội đồng liên phái được an tẩm lòng.  
Tháng năm mừng một có công,  
Dung niên KỶ DÂU con Ông trở về

Tây Ninh an phận một bờ,  
Đồng nhau hồi hướng trở về Tây an,  
ĐỒ THƠ thày Tổ truyền ban,  
Xem coi cho kỹ hiệp đồng NGHĨA NHÂN,  
Đôi lời vọng bái Thánh ân  
Kính nhau tình bạn ân cần CHỮ TU  
“Nam Mô A-Di-Đà-Phật”

## Hoài niệm Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Đề

Thời gian thẩm thoát trôi qua,  
Nước non hòn hở cỏ hoa ngậm ngùi.  
Đại Tường ngày tháng tới nơi,  
Ai người thức giả ai người chí công.?  
Nhớ xưa Cường-Đề số lòng,  
Bôn ba hải ngoại non sông một chèo.  
Sĩ phu trong nước hướng theo,  
Cánh buồm Bắc Hải con chèo Việt-Nam.  
Tăng Bạt Hổ với Sào Nam,  
Ra đi vì nghĩa việc làm vì dân  
Nêu danh cách mạng tinh thần  
Gọi người đồng chung tinh thần bước ra  
Khi Nhật-bản lúc Trung-hoa  
Hoành thân Thượng hải những là nguy nan  
Gặp Dương Nghị quốc sự bàn  
Tâm đầu ý hiệp quan san chẳng từ  
Lương-Ngọc-Quyến với thiên tư  
Chán-Vũ Học Hiệu tay cù xuất thân  
Kỳ-Ngoại-Hầu trạc thanh xuân  
Cùng ăn cùng học chuyên cần anh em  
Tung hoành kẽ đã bao phen  
Xiêm la Đức Quốc trí bèn xông pha  
Luân-Đôn vận động nước nhà

Toàn quyền xá lợi thiết tha yêu cầu  
Lạ thay là Kỳ Ngoại Hầu !  
Nung gan đúc trí trước sau vũng bến  
Non sông ghi dấu họ tên,  
Một lòng vì nước chẳng quên vì nhà.  
Bốn mươi năm Nhứt-bốn qua,  
Tâm lòng vì nước thân là cỏ cây.  
Trời Nam hung vận ngày nay,  
Hồn về chín suối xác rày thành tro.  
Ra đi bao nỗi hẹn hò,  
**TINH TRUNG BÁO QUỐC** ra tro cũng dành  
Nghìn thu rõ mặt tài danh,  
Sứ xanh còn đó dành rành ghi tên.  
Ngoài hoạt động chẳng ai quên,  
Biết bao tác phẩm lưu truyền đến ta  
Đồng Minh Phục Quốc lập ra  
Chín cương giải nghĩa những là tương thân  
Việt-Nam nghĩa hiệp trung thần  
Những ai vì nước vì dân qua đời  
Quan phục hưng, phuong lược rồi  
Gọi người quốc sĩ gọi người trung cang  
Thuốc Tiên lấy linh hồn đan,  
Ngõ hầu bồi bổ ruột gan anh hùng  
Dâng bản chủ nghĩa thành công  
Ấy là phương sách hưng vong duy trì  
Dư cừu niên lai sở trì,  
Đây là chủ nghĩa thạnh suy nước nhà.  
Chút thân lưu lạc cõi xa,  
Một lòng vì nước vì nhà tận trung  
**THIÊN HỒ ĐẾ HỒ SOAN XONG**  
Ngài Cường Đế một tấm lòng xót xa  
Đến nay thân đã về già,

Nước nhà độc lập vẫn là lệnh đênh  
Trăm năm ghi lại chút tình,  
Vô toàn Bát Hải định ninh chảng vè  
Sắt son giữ trọn lời thề,  
Biển Đông di hận hồn quê mơ màng  
Nắng tro gởi đất Phù Tang,  
Tiếng quyên réo rắt phụ phàng trời xanh  
Gió mưa lay động bức màn,  
Phải hồn Tình Vết xót tình tha hương.  
Đại Tường gãy khúc đoạn trường,  
Càng nhìn thấy cảnh càng thương nỗi lòng  
Xa xa nhẫn với Hoá Công,  
Đau lòng Cuộc rũ uổng công



## KHUYẾN CÁO QUỐC DÂN CA

Bài “Khuyến cáo Quốc Dân ca” dưới đây là của Đức Kỷ Ngoại Hầu Cường Đế viết ra tại Đông Kinh ngày 11 tháng Giêng năm 1944 gửi về cho nhân dân Việt -Nam và toàn thể Chiến sĩ Cách Mạng trong thời kỳ phấn đấu để giành độc lập.

Nước mắt sáu mươi năm rồi đó,  
Quốc dân ta có nhớ hay không?  
Kìa xem các nước Á-Đông,  
Miến, Phi đều đã thoát vòng Mỹ Anh,  
Chỉ còn có một mình Ta đó,  
Vẫn để cho Pháp nó đè đầu,  
Pháp kia còn có chi đâu?  
Từ ngày thua Đức đã hùi diệt vong.

Gọi là nước thật lòng thành nước,  
Ấy thế mà vẫn được trị bình,  
Vẫn còn bạo ngược hoành hành,  
Mà Ta cũng vẫn trung thành lạ thay,  
Làm nô lệ đến ngày nào nữa?  
Đến ngày rày còn chửa chán sao?  
Hỏi hăm lăm triệu đồng bào?  
Chuyện ta Ta phải tính sao bây giờ?  
Chẳng lẽ cứ ngồi chờ đến chết?  
Giương mắt trông của hé tết đến cùng.  
Bảo nhau phải dốc một lòng,  
Phen này ta quyết chẳng dong quân thù.  
Ông Cha trước Bình Ngô Sát-Thát,  
Nói giống mình hèn nhát chi đâu!  
Sao Ta lại chịu cúi đầu?  
Làm tôi tớ Pháp như trâu như bò?  
Mình khổn khổ ấm no chẳng đủ,  
Riêng sướng cho một lũ Tây Đầm.  
Ai người có chút lương tâm?  
Nghĩ nông nổi áy cũng bầm tím gan,  
Nhiều kẻ vị thăng quan tiến chức,  
Mà nỡ tâm bán nước hại nòi,  
Vị tiền cũng lại lầm người,  
Cơ hồ khắp nước chim mồi chó săn,  
Ai có chí cứu dân cứu nước?  
Thì lũ này sửa trước chớ tha,  
Hỏi anh em chị em ta?  
Hiến thân cho nước mới là Quốc dân.  
Pháp nọ cậy có quân có súng,  
Động tí chi giết sống người mình.  
Thực thì khổ đỏ, khổ xanh,  
Trù quan là Pháp là anh em nhà.

Sao không biết đảo qua đánh nó?  
Nếu đồng tâm có khó chi đâu?  
Người mình mình chớ hại nhau,  
Xin quay ngọn súng trỏ đầu thằng Tây.  
Nay mai sẽ có ngày khởi nghĩa,  
Các anh em xin chớ ngại ngần.  
Đốc lòng vì nước vì dân,  
Giúp ta người sẽ có quân hùng cường  
Nay dân tộc da vàng hợp sức,  
Đánh đuổi người áp bức bấy lâu,  
Đồng tâm ta phải bảo nhau,  
Có ra sức mới ngóc đầu được lên.  
Này những kẻ có tiền có của,  
Chớ của mình mình giữ khu khư,  
Dem tiền giúp nước bây giờ,  
Có công là sẽ có lời lãi to.  
Chẳng hơn cứ bo bo từng cuộn,  
Rồi đến thành giấy lộn vứt đi,  
Làm giàu cũng phải khéo suy,  
Trước là vì nước sau vì bản thân.  
Nay cơ hội đã gần tới đó,  
Quốc dân ta xin có sức lên.  
Nhứt là Nam Nữ thanh niên,  
Chớ quên cứu nước là thiên chức mình  
Đừng say đắm hư linh vật chất,  
Sự vui chơi xin dứt hết đi.  
Kìa trông hai nước Miến Phi,  
Họ đã độc lập mình thì làm sao?  
Không lẽ chịu thuộc vào Pháp mãi?  
Xiềng xích này ta phải phá ra,  
Ta không cứu lấy nước nhà,  
Khó mong cái sự người ta cứu mình.

Phải quyết chí hy sinh phần đấu  
Vì tự do roi máu cũng dành,  
Hãy vào Phục Quốc Đồng Minh,  
Góp thêm sức mạnh làm thành việc to.  
Tranh độc lập tự do cho nước,  
Cho nước mình cũng được như ai.  
Đứng trên Thế giới vũ đài,  
Từ đây cũng có mặt người Việt Nam  
Bốn mươi năm đi làm việc nước,  
Thân già này chưa được chuyện chi!  
Tuổi nhiêu nhưng sức chưa suy,  
Thuỷ chung lòng những lo vì nước non.  
Cũng chẳng tưởng đến con đến của,  
Cũng không mong làm chúa làm Vua.  
Chỉ mưu đánh đuổi quân thù,  
Để gây dựng lại cơ đồ nước ta.  
Bởi vì thế bỏ nhà sang Nhựt,  
Bảy nhiêu năm ném mật nằm gai.  
Đã hay thành sự tại TRời,  
Gắng công cũng phải tại người mới nên  
Vậy nay có mấy lời thành thực  
Xin quốc dân hợp tác đồng lòng.  
Người xuất của, kẻ xuất công,  
Người ngoài vận động, người trong thật hành.  
Sẽ có kẻ giúp mình thêm nữa,  
Việc phen này không sự không xong.  
Cốt sao ta phải hết lòng,  
Thành công sẽ chỉ trong vòng năm nay.  
**KỲ NGOẠI HÀU CUỐNG ĐỀ**



## BÀI ÁI QUỐC CA

Nay ta hát một câu ái quốc,  
Yêu gì hơn yêu nước nhà ta  
    Nghiêm trang bốn mặt sơn hà,  
Ông cha ta để cho ta lợ vàng,  
    Trái mấp lớp Tiên Vương dựng mở,  
    Bốn ngàn năm dài nắng dầm mưa.  
    Biết bao công của người xưa,  
Gang sông tác núi dạ dưa ruột tăm  
    Hào đại hải âm ầm trước mặt,  
    Dài Cửu Long quanh quất miền Tây.  
    Một toà san sát xinh thay,  
Bắc kia Vân Quang, Nam này Côn Lôn.  
    Vẽ gấm vóc nước non thêm đẹp  
    Chắc những mong cơ nghiệp dài lâu  
        Giống khôn há phải đàn trâu!  
Giang sơn nỡ để người đau vầy vùng.  
    Hăm lăm triệu dân cùng của hết  
    Sáu mươi năm nước mắt quyên không.  
    Thương ôi ! Công nghiệp tổ tông,  
Nước tanh máu chảy non chồng thịt cao,  
    Non nước ấy biết bao máu mủ?  
    Nỡ nào đem nuôi lũ sai lang.  
    Cờ ba sắc xứ Đông Dương,  
Trông càng thêm nhục nói càng thêm đau  
    Nhục vì nước mà đau người trước,  
    Nông nỗi này non nước cũng oan,  
        Hòn ôi ! Vè với giang san.  
Muôn người muôn tiếng hát ran câu này,  
    Hợp muôn sức ra tay Quang Phục,

*Quyết phen này rửa nhục báo thù.  
Một câu ái quốc reo hò,  
Xin người trong nước phải cho một lòng.*  
**CUỐNG ĐỀ**



**Ngọ môn – Hué (1948)**

## Tráng Liệt và Tráng Cử đòi xác tro của Cụ CƯỜNG ĐỄ.

Hai Ông Tráng Liệt và Tráng Cử là hai con của Cụ Cường Đỗ, ở Huế vào Sài gòn, với sự hướng dẫn của Ông Nguyễn văn Vàng, Đại biểu Chánh phủ Miền Tây, nguyên Tỉnh Trưởng tỉnh Tây Ninh và với áp lực của Chánh Phủ Ngô Đình Diệm, lên Tòa Thánh Tây Ninh, đòi Hội Thánh trả xác tro của Cụ Cường Đỗ, vào năm 1956.

Diễn tiến của sự việc được Ông Cải Trạng Nguyễn Minh Nhựt tự Trân thuật lại chi tiết như sau đây :

"Không nhớ rõ ngày tháng nào trong năm 1956 (Bính Thân), Tỉnh Trưởng Nguyễn Văn Vàng, nhờ có công với Chánh phủ trong việc khắc khe đàn áp Đạo ở Tây Ninh, thêm sự nâng đỡ của Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ, được thăng cấp Đại Biểu Chánh Phủ Miền Tây đặc trách Hoa Kieu Sự Vụ, dẫn hai Ông Tráng Liệt và Tráng Cử lên Tòa-Thánh Tây-Ninh, đòi nhận lại xác tro của Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Đỗ.

Lúc bấy giờ Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức cầm giềng mối Đạo, do Ủy Nhiệm Thư của Đức Hộ Pháp. Cả Hội Thánh Lưỡng Đài chẳng biết tính lẽ nào, yêu cầu hoãn lại để thỉnh giáo Đức Hộ Pháp.

Trước kia, do Di Chúc Di Ngôn của Đức Cường Đỗ, Đức Hộ Pháp dẫn phái đoàn Đạo Cao Đài sang Nhựt Bồn thỉnh xác tro của Người về thờ tại Tòa Thánh. Hội Thánh không dám tự chuyên quyết định giao.

Ông Vàng hỏi Hội Thánh thỉnh giáo Đức Hộ Pháp cách nào và chờ trong bao lâu?

Hội Thánh trả lời :

- Bằng điện tín và chờ trong một tuần.

Ông Vàng cười và đồng ý.

Sau này rõ lại là Ty Bưu Điện nhận tiền và nội dung bức điện tín của Hội Thánh nhưng không chuyển đi. Có lẽ Ông Vàng đặc ý vì sách lược dự tính sẽ được áp dụng mà Hội Thánh không thể biết được. Có lẽ Ông nghĩ rằng trước sau gì Hội Thánh cũng phải giao xác tro mà không làm sao có linh của Đức Hộ Pháp. Ông Vàng cười là vậy. Thâm ý của Chánh quyền muốn cách ly Hội Thánh với Đức Hộ Pháp.

Đúng kỳ hẹn, Ông Vàng cùng hai Ông Tráng Lệt và Tráng Cử đến tại Giáo Tông Đường. Ông Vàng với vẻ đặc ý, hỏi Hội Thánh:

- Thế nào ? Đức Hộ Pháp trả lời thế nào ?

Hội Thánh cho đọc bản văn do bút tự của Đức Hộ Pháp dạy giao xác tro và buộc phải ký biên nhận.

Ông Đại Biểu Vàng ngạc nhiên hỏi:

- Hội Thánh liên lạc bằng cách nào ?

Hội Thánh trả lời:

- Liên lạc bằng điện tín. Đức Hộ Pháp sai người mang giấy về cho kịp ngày giờ.

Ông Vàng hỏi: - Đi đường nào ?

Hội Thánh đáp: - Không biết.

Ông Vàng nghi ngờ không đoán ra. Kỳ thật, Hội Thánh tiên đoán và tiên liệu cho liên lạc đi để nhận hồi âm về liền, việc gấp rút sơ trễ sẽ gây bối rối.

Sĩ Tài Nguyễn Minh Nhựt tự Trân được lệnh thảo Biên nhận trình lên Hội Thánh, chuyển qua tay ông Vàng. Ông kêu Sĩ Tài Trân chỉnh lại, đại ý rằng, đã đi với Đại Biểu Chánh phủ mà còn ghi số căn cước, địa chỉ làm gì.

Sĩ Tài Trân nhỏ nhẹ đáp:

- Xin Ông nói với Hội Thánh. Tôi viết xong là hết phận sự.

Hội Thánh cho đánh máy Biên nhận, chỉnh theo yêu cầu của ông Đại Biểu Vàng.

Trong lúc chờ đợi, Sĩ Tài Trân hỏi hai ông con của Cụ Cường Đề :

- Hai ông nghĩ thế nào mà đến đây xin đòi lại xác tro của Đức Kỳ Ngoại Hầu ?

Một trong hai người đáp:- Vì hiếu đạo rước về thờ.

Sĩ Tài Trân hỏi tiếp:

- Hai ông quan niệm thế nào về chữ Hiếu ?

- Lúc còn sống thì thương kính, vâng lời, phụng dưỡng; chết thì phải thờ cúng...

Sĩ Tài Trân nói lên ý kiến:

- Ông nói về hiếu đạo, lúc cha mẹ còn sống thì phải vâng lời. Tôi nghĩ lời trối trăn của người sắp chết đáng lẽ phải được tôn trọng hơn mới phải. Trước giờ nhắm mắt, Đức Kỳ Ngoại Hầu để Di chúc lại và Di ngôn có ghi âm, xin gởi xác tro cho Đạo Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh. Đức Hộ Pháp là người dung, tôn trọng Di chúc của bậc chí sĩ anh hùng vì quốc vong thân ở nước ngoài, không nê mệt nhọc tốn kém, dẫn phái đoàn Đạo đến Nhựt rước về thờ tại Tòa Thánh theo ý đã để. Hai ông là con, đáng lẽ có bốn phận bảo trọng Di chúc Di ngôn, làm đúng như ý mới phải. Nay Hai ông đòi xác tro lại đem đi nơi khác, làm trái Di chúc tức là thất hiếu, sao lại gọi là vì hiếu ?

Biên nhận được đánh máy sạch, ký tên xong. Hội Thánh mời qua Báo Ân Từ để giao tại Hậu Điện. Hai Ông Tráng Liệt và Tráng Cử trình trọng đưa ra 10.000 đồng nói là đèn ơn Hội Thánh và Đức Hộ Pháp.

Ngài Thái Chánh Phối Sư Thái Bộ Thanh và Ngài Giáo Sư Thái Hồn Thanh khuyên hai ông nên giữ lại để xài. Đức Hộ Pháp hành động, mục đích không phải để hai ông cảm ơn và nếu có đèn ơn Đức Hộ Pháp thì 10.000

đồng không thấm vào đâu so với tổn phí cho cả một phái đoàn Đạo cùng đi với Đức Hộ Pháp, phí tổn phải trội hơn rất nhiều. Vá lại, trước kia, mỗi lần hai ông đến viếng Tòa Thánh, Đức Hộ Pháp thường cho ông nào cũng vậy, khi thì 5.000. khi thì 10.000, Đức Hộ Pháp có tính toán gì đâu. Nay có đáng gờm để luận với số tiền 10.000 đồng mà gọi là đèn ơn Đức Hộ Pháp.

Ông Đại Biểu xen vào: - Trước khác, nay khác.

Hai ông Tráng Liệt và Tráng Cử nài nỉ xin để cúng chùa. Ngài Thái Chánh Phối Sư chỉ tủ hành hương và nói:

- Việc cúng chùa là tùy hỷ. Hội Thánh không trực tiếp nhận tiền cúng chùa, nếu muốn, xin bỏ vào tủ hành hương. Điều đáng ghi nhận là mấy hôm trước, biết có vụ đòi xác tro, Sĩ Tài Lê Quang Tấn và Sĩ Tài Trần đã hội ý với ông Đạo Nhơn Phạm Văn Út, Trưởng Tộc Phạm môn, chia lấy một ít xác tro Đức Cường Đề, dành lại cho Hội Thánh, gọi là kính trọng Di chúc của người anh hùng chí sĩ, còn phần nhiều thì giao cho Đại Biểu Chánh phủ và hai ông con của Đức Cường Đề. Ông Út sau được thăng phẩm Chơn Nhơn và đã qui vị. Không rõ phần xác tro chia lại, hiện giờ ai cất giữ.

Ngày giao xác tro ưng có điều rắc rối nho nhỏ: Ngài Hiền Pháp lánh mặt, Biên nhận thiếu chữ ký của Ngài. Ông Đại Biểu giành giữ Biên nhận, nói sẽ đem cho Ngài Hiền Pháp ký. Hội Thánh im lặng, mặc nhiên bằng lòng. Một số Chức sắc không đồng ý, đề nghị Ngài Thượng Chánh Phối Sư Thượng Sáng Thanh đòi lại. Việc nội bộ để Hội Thánh lo. Ông Vàng không giao.

Trên đường đi từ Báo Ân Từ đến Đền Thánh để hai ông Tráng Liệt và Tráng Cử đánh lễ, Ngài Thượng Chánh Phối Sư sợ mất lòng không dám đòi quyết, còn khuyên rằng:

- Người ta là người lớn, không lẽ sai lời. Rồi người ta cũng giao lại cho mình, chớ họ giữ làm gì. Chờ cho Ngài Hiên Pháp ký tên xong, họ sẽ giao lại cho mình chớ gì. Không tán thành ý kiến đó, Sĩ Tài Trân nói:

- Đạo có phần khác, còn Chánh trị xảo trá muôn mặt. Minh không tin lời họ được. Việc nội bộ của Đạo, Ngài Hiến Pháp ở gần đây, mình đem lại cho Ngài ký, phải tiện hơn không. Tại sao họ ở xa mà lại giành giữ ? Như vậy thấy rõ ý họ không tốt rồi. Ngày kia họ không trả lại, Hội Thánh sẽ ăn làm sao nói làm sao với Đức Hộ Pháp

Mấy ông lên xe sắp rời Tòa Thánh. Trường hợp bất đắc dĩ, dầu biết mình quá nhỏ nhoi nhưng xét thấy có bốn phận phải trực tiếp đòi nên buộc lòng Sĩ Tài Trân nói lớn:

- Ông Đại Biểu chưa đưa Biên nhận lại cho Hội Thánh. Ông Vàng ngồi ở băng sau bất bình, vừa chìa Biên nhận ra, vừa nói to:

- Đây nè ! Ngài Thái Chánh Phối Sư vội cầm lấy và xe chạy. Tạm kết thúc màn đòi xác tro của Đức KỲ NGOẠI HÀU CƯỜNG ĐẾ, do Chánh quyền Ngô Đình Diệm làm đạo diễn ... là động cơ thúc đẩy.

Được nghe kể lại, xác tro đòi lại được đưa về Huế, có tổ chức buổi lễ tiếp rước long trọng nói là Chánh phủ đã rước về từ Nhựt Bồn.

Phải chăng Chánh quyền Ngô Đình Diệm lo ngại tinh thần ái quốc của đồng bào trong nước sẽ tập trung hướng về Thánh Địa Tây Ninh, có Báo Quốc Từ thờ các anh hùng chí sĩ vị quốc vong thân, gây ảnh hưởng không hay cho Chánh quyền hiện hữu"

Cải Trạng Nguyễn Minh Nhựt tự Trân (ký tên)

(Trích trong Hồi Ký của Cải Trạng Nguyễn Minh

Nhựt tự Trân, nhan đề là Văn Tịch Pháp

Nhơn Luân Chi Đạo).

**5- Truy thăng Tướng Trình Minh Thế  
vào hàng phẩm Quốc Sĩ đặng  
thờ nơi Báo Quốc Tử**



**Bài tài Trình Minh Thế:**

*Lỡ bước qua sông chẳng kịp đò,  
Chí cao khéo định khỏi phiền lo.  
Anh hùng định thế chưa an thế,  
Chỉ tiếc mày râu chẳng vẹn tròn.*

## Nói đến Đức Hộ-Pháp là Giáo Chủ Đạo Cao Đài

Là nói đến đức khoan hồng và Từ bi, tức là nói đến tâm lòng, nói đến cái tâm của nhà Phật. Đức Hộ Pháp chọn linh là Hộ-Pháp Di-Đà. Dù gặp kỳ Nho Tông chuyền thế, nhưng là một Đáng tu hành, Đức Ngài vẫn hằng thương con cái ủa Đức CHÍ TÔ N, hạ mình mà dùi dẫn toàn chư Môn đệ.

Năm 1955, Quý Ngài Thái, Tượng, Ngọc Chánh Phối Sư cầu xin Đức Hộ-Pháp truy phong Tướng Trình Minh Thế vào phẩm Thế Đạo, Đức Ngài phê như sau:

*“Truy thăng Trình Minh Thế vào hàng phẩm Quốc Sĩ và đặng thờ nơi Báo Quốc Từ cùng Đức Thành Thái và Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Đế”.*

Xem vậy, không những phong tặng phẩm vị Quốc Sĩ đầu tiên Thế Đạo mà còn đặc ân cho thờ chung với các vị Vương thì rõ lòng yêu mến người chiến sĩ của Đức Ngài như thế nào !



### Vài nét về Anh Hùng TRÌNH MINH THẾ

(Trích lược sử Quân Đội Cao-Đài tự vệ -  
Lê Thành Dân)

Nói đến Anh hùng phải cho thật đúng nghĩa: *Anh* là vua của loài hoa, nghĩa là chỉ về tinh thần, đạo đức, trong sáng. *Hùng* là vua của loài thú là hùng dũng, gan dạ, quyết thắng. Ở đây Tướng Trình Minh Thế thật xứng đáng là Anh hùng ủa dân tộc, hay nói khác đi Ông là người nồng cốt xuất thân từ Đạo Cao-Đài.

Tướng Trình Minh Thế được bổ làm Tham Mưu

Trưởng thay Tướng Phương.

Tháng 12 năm Tân ẹM (Janvier 1951) Tướng Thành, Tổng Tư lệnh Quân Đội Cao Đài quyết định thuyên bổ các Sĩ Quan trong Quân Đội đảm trách vụ mới như sau

Tướng Thé về đảm nhận chức Tham Mưu Trưởng thay cho Tướng Nguyễn Thành Phương đi trị bệnh lao phổi tại Bệnh viện Đồn Đát (Hopital Grall Saigon).

### **Tướng Trình Minh Thé ra Chiến Khu:**

...Đêm 21-3-1951 Tướng Trình Minh Thé rút tất cả Tú phòng và các ban ngành công xưởng cơ khí trực thuộc tại Bộ Chỉ huy Liên Tỉnh Miền Đông cùng các Trung Đội lưu động khu vực Tây ninh vào rừng lập Chiến khu kháng chiến. Căn cứ kháng chiến của Tướng Trình Minh Thé đóng cập theo biên giới Việt – Miên như các làng Long Thuận, Long Khánh, Long Giang, Long Chữ, Long Vĩnh, Thanh Điền, Ninh Điền và núi Bà Đen (Tỉnh Tây ninh)

Ông thành lập Mặt trận gọi là “Mặt trận Quốc gia Liên Minh kháng chán” đặt bản doanh tại núi Bà Đen. Mặt trận tuyên ngôn rằng: Đoàn kết toàn dân gồm 6 thành phần: Sĩ, Nông, Công, Thương, Bình, Tăng, nhằm đánh ba kẻ thù là bài phong, đả thực, diệt cộng để giải phóng quê hương, giành độc lập cho đất nước.

Chủ trương của Mặt trận dứt khoác không hợp tác với phong kiến, với thực dân, với Cộng Sản. Mà chỉ kết hợp với tất cả các đoàn thể và các cá nhân có lòng yêu nước. Đài phát thanh trong núi lan đi khắp nơi trong nước cũng như ngoài nước làm cho Pháp, Chánh phủ Quốc gia và Việt Minh cũng như các giới chánh trị nghi ngờ về đường lối của Cao Đài.

Việt Minh cho rằng việc Tướng Thé ra rừng là do tổ chức của các nhà lãnh đạo Tôn giáo Cao-Đài, nhằm mục

đích lán chiếm vùng kiểm soát của Việt Minh.

Pháp thì nói ụ ra đi của Tướng Thế là do Ông Phạm Hộ-Pháp tổ chức để chống Pháp.

Chánh phủ Trần văn Hữu của Bảo Đại cũng làm khó để không ít đối với Đức Hộ-Pháp và Tướng Thành. Cho rằng đây là một âm mưu của Đạo Cao Đài tổ chức cho Tướng Thế đi để chống lại Quốc Gia Việt-Nam.

Một số Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu cho rằng Tướng Thế vì buồn nội bộ mà ly khai.

Bốn trường hợp trên đây ai đoán đúng ai đoán sai? Và sự thật ra sao?

### **Chủ Tịch Mặt trận Quốc Gia Liên Minh Kháng chiến tuyên bố:**

Tổ chức Chiến khu an bày và bắt đầu hoạt động thì bom nổ trước nhà hàng Majestic Saigon, xe ẩu các Sĩ quan Pháp và các kỵ trong nội các Chánh phủ hу hại nhiều.

Tại Nam vang Cao Miên, bom nổ tại bãi xe Nhà hàng lớn làm cho công chúa và Sĩ Quan Pháp bị thương và chết cũng nhiều. Tại Tỉnh Sa-dec miền Tây Nam Việt, ném bom gết Thiếu Tướng Chamson là nòng Tư lệnh và Thái Lập Thành, Thủ Hiến Nam phần Việt Nam, gây tiếng vang đều khắp trong cả nước lẫn ngoài nước. Sự xuất hiện xuất qui nhập Thần của Liên minh làm cho Pháp và Chánh phủ bù nhìn lo sợ. Pháp đưa quân thần chiến về núi đồi tấn công vào bản doanh của Tướng Thế tại núi Bà và bao vây liên tục nhưng không sao triệt hạ được thế lực của Tướng Trinh Minh Thế.

Quân đội của Tướng Trinh Minh Thế đã tấn công Quân Đội Pháp liên tục và Quân đội Pháp cũng hành quân ráo riết cố diệt cho được Quân đội Liên Minh, như thế mà Việt minh còn tuyên truyền khắp trong vùng sâu rằng: Lực

lượng của Tướng Trình Minh Thế là tay sai của Pháp đưa vào lập Chiến khu để đánh Việt Minh. Việt Minh căm nhân dân không được tham gia hoạt động cho Quân Đội Liên Minh, nếu ai tham gia thì sẽ chịu tử hình. Việt Minh gây căm thù với Liên Minh tích cực. Thậm chí người Cha của Tướng Trình Minh Thế là Cụ Trình Thành Quói và em ruột là Trình Minh Đức làm lò gạch ở vùng Cái Tắt (Bến Cầu) mà Việt Minh cho nhọn viên đạn nhập vào đốt cháy hết các dãy trại, giết chết Ông Quói và em Đức cùng một số người thân thuộc rồi bỏ đi. Điều này càng căm hờn chủ thuyết của Việt Minh nhiều hơn nữa.

Tuy nhiên, không vì vậy mà Tướng Trình Minh Thế thù hận hết những người Việt Minh. Trái lại, ông rất thâm tình với các anh Việt Minh đã bỏ hàng ngũ Cộng Sản trở về hợp tác cùng Ông lo cho đại nghĩa Liên Minh như các Anh:

- Lâm Tiến Dũng (tự Thưởng) Bí thư Tỉnh Gia Định
- Vũ Uớc, nhà báo.
- Nhị Lang, nhà chánh trị (cả hai là người Bắc)
- Nguyễn văn Phương, chánh trị viên.
- Hồ Hán Sơn, nhà chánh trị và Quân sự.  
(cả hai là người Trung).

Ngoài các anh này ra Tống Trình Minh Thế còn kết hợp với các nhân vật tên tuổi khác trong Việt Nam Quốc Dân Đảng của Cụ Hải Thần. Độc lập đảng của Cụ Hồ văn Ngà. Dân xã Đảng của Hoà Hảo. Quốc gia Liên hiệp của Vũ Tam Anh và Đệ Tam Sư đoàn của Nguyễn Hoà Hiệp...nên Mặt trận Quốc gia Liên Minh Kháng chiến có một Bộ Tham mưu nhiều thành phần đứng chung nhau để chiến đấu giành lại quê hương đất nước.

Ngoài mục đích trên Tướng Trình Minh Thế còn có nhiệm vụ tối mật là bảo vệ nền Đạo của Đức Chí-Tôn cho

đến ngày Khánh Thành Đền Thánh (Toà Thánh Tây Ninh)

Bấy nhiêu tài năng và thành tích của TRÌNH MINH THẾ cũng đã làm cho người Pháp phải kinh oai. Sau đây là phúc trình của Ông GAUTIER gởi cho Bộ trưởng Liên Quốc nói về Quân Đội Cao-Đài:

### **PHÁP nhận định riêng về Ông Trình Minh Thế:**

Tướng Trình Minh Thế bao giờ cũng là địch thủ nguy hiểm nhất của ta cả về chánh trị lẫn quân sự.

Ông ta có một nghị lực không gì khuất phục nỗi, một sức làm việc không biết mệt và những đức tính, hành động đã được chứng tỏ nhiều lần có thể phá hoại công cuộc của chúng ta được. Ông đã gây cho ta không phải ít điều phiền toái, khi ông còn ở trong Quân Đội Cao Đài trước ngày ra khu. Ông đã lập được nhiều xưởng cơ khí quan trọng và gây được phong trào quần chúng mạnh mẽ. Hiện nay Ông được rất nhiều dư luận Quốc tế chú ý, đứng đầu là dư luận Mỹ, bởi Ông ta đã chiếm một lập trường vững chắc. Ông vừa tuyên bố chống Ta, chống Cộng. Trước khi rời khỏi hàng ngũ Cao-Đài, Ông đã có liên lạc nhiều giới nhân vật Mỹ ở Sài-gòn, theo sự dò xét của ta thì những sự tiếp xúc đó không ngoài vấn đề cộng tác giữa hai bên. Khi Ông ta ra Rừng, Ông có lần gặp gỡ Tổng Thơ Ký Toà Đặc sứ Mỹ ở Cảm Giang (Tây Ninh).

Hiện nay phong trào của Trình Minh Thế không phải là một đe doạ nặng nề cho chúng ta nữa, bởi vì những quân sĩ của Ông ta vẫn còn tranh đấu trong phạm vi Tôn giáo nhiều hơn, là bởi trong bộ đội còn thiếu chánh trị viên. Chúng ta có thể lợi dụng lòng Tín ngưỡng của họ để buộc Ông Phạm Công-Tắc ra mệnh lệnh cho Tín Đồ rời bỏ chiến khu, lại nữa ta bảo Ông Thành tuyên truyền rằng: “Ông Thế hành động theo mạng lệnh của Việt Minh”. Vì

đó mà Ông Thành ~~bực~~ phải tiêu diệt quân phiến loạn. Bằng cách ấy ta có thể làm suy yếu nội bộ Cao-Đài mà không sợ dư luận Mỹ, như thế vẫn để Ông Trinh Minh Thế có thể coi là tạm giải quyết xong ...

Nói tóm lại: Chiến thuật của ta là chia rẽ lực lượng Cao Đài, không kể lực lượng của Ông Thé, làm hai phe để dàng bóp ngặt một phe, hoặc là ta để cho lực lượng ấy thăng bằng nhau để dễ bề tiêu diệt cả hai.

Ở Việt Nam vẫn đè Cao-Đài là nốt trong những vẫn đè gai góc nhút cần phải giải quyết kịp thời để tránh những kết quả tai hại” ....

(Bản Phúc trình này viết bằng tiếng Pháp. Quân Đội Cao Đài mua ~~đả~~ các gián điệp viên làm việc với Pháp, dịch ra Việt Ngữ dài 12 trang giấy pelure đánh máy, chỉ trích lấy một phần trọng yếu).



## **Diễn từ TÂN XUÂN của Thiếu Tướng Trình-Minh Thế Tổng Tư lệnh Quốc Gia Liên minh Chủ tịch lâm thời Mặt Trận Quốc gia Kháng chiến.**

(Báo Quốc gia số 37 ra ngày 1-3-1954)

Thưa Đồng bào toàn quốc,  
Mai đây, Xuân ~~sẽ~~ trở về với đất nước và dân tộc  
Việt-Nam.

Tất cả hai chục triệu trái tim hồi hộp, hai chục triệu  
tâm hồn vui vẻ, hai chục triệu tâm hồn hy vọng, hai chục  
triệu tâm hồn băn khoăn...

Lẽ vì Xuân Giáp Ngọ này là một mùa chinh chiến, cũng  
như tám Xuân trước đã qua. Dân tộc Việt-Nam ta  
vốn là một dân tộc hùng mạnh và văn hiến. Vì vốn là một  
dân tộc văn hiến nên cái Tết và cái Xuân cổ truyền của  
giống nòi là cái Tết và cái Xuân thanh lịch. Nhưng cũng vì

dân tộc ta là một dân tộc hùng dũng nên cũng đã từng bao phen ăn Tết và thưởng Xuân bằng cách tuốt gươm đánh quân ngoại quốc xâm lăng. Cái thành tích vang nhát của cách ăn Tết chơi Xuân vô thượng này là tận tấn công quân nhà Thanh của Tôn Sĩ Nghị do vị anh hùng Nguyễn Huệ thống lĩnh và toàn thắng..

Ngày nay dân tộc Việt -Nam hài sống lại những ngày anh dũng như xưa. Say sưa về nhiệm vụ cao cả và chính đáng của mình , người Chiến sĩ Quốc gia bao giờ cũng hăng hái, cũng quyết liệt. Chỉ bao giờ hoàn toàn thành công trong danh dự, chúng ta mới bỏ súng trở về với gia đình, an hưởng cái hoà bình trong độc lập mà ta đã có công chiến đấu đem về công hiến Tổ quốc.

Cái chí nguyện mãnh liệt và cao quý ấy , anh em chiến sĩ của Mặt trận Quốc gia Kháng chiến đã ba lần lập đi lập lại, mỗi khi Tết về đưa xuân tới. Các lời chí nguyện trong rừng xanh núi biếc ấy, ngày hôm nay chúng tôi nhân là Tổng Tư linh Quân Đội Quốc gia Kháng chiến mà lớn tiếng nhắc nhở lại với anh em và đồng thời công báo cùng Quốc dân đồng bào:

Chúng tôi rất vui lòng, chúng tôi say sưa tận hưởng cái Tết và cái Xuân chiến sĩ. Non sông và dân tộc có thể tin tưởng ở tấm lòng kiên trinh “vùng đất của chúng tôi”.

Chúng tôi nguyện sẽ cùng dân tộc chiến đấu cho tới cùng. Xuân Giáp Ngọ này chúng tôi lại thấy hăng hái hơn, tin tưởng hơn Xuân trước vì chúng tôi thấy rằng năm Giáp Ngọ sẽ là một năm quyết định.

Tinh thần tám làn xuân khói lửa, ta đã thấy ta đã vượt qua những giai đoạn sau đây:

Từ 1945 đến 1949 Pháp mù quáng theo đổi cái cuồng vọng là chinh phục Việt Nam một lần thứ hai nữa. Sau bốn năm bất lực, Pháp bèn thay đổi , tỏ ra mềm dẽo

hơn. Vì thế mới có cuộc thí nghiệm “Chế độ Sài-gòn” từ 1949 đến nay. Nhưng ván bài Chế độ Sài-gòn cũng tỏ ra thất bại.

Cho nên từ tháng 7 năm 1953 trở đi Pháp muốn thay đổi chính sách. Một mặt thì tuyên bố muốn bắt tay với dân tộc Việt-Nam, một mặt lại âm mưu điều đình với Việt-Cộng..

Ta nhận thấy có ba giai đoạn rõ-ràng trong thái độ của Pháp. Tại làm sao có các sự biến chuyển lớn lao như vậy? Các yếu tố của sự thay đổi thái độ của Pháp là gì?

Bà con ta ai cũng nhận thấy cái yếu tố chính, đó là sức kháng cự hoặc hùng dũng, oanh liệt của người chiến sĩ, hoặc âm thầm lặng lẽ, dẻo dai và cũng nhiệt liệt của người dân. Toàn thể dân tộc Việt-Nam một lòng một dạ chống với thực dân. Vì vậy mà dân tộc và chính nghĩa đã thắng thực dân và cường quyền.

Trong công cuộc kháng chiến ấy, anh em Mặt Trận quốc gia kháng chiến cũng dự một phần oanh liệt. Xương máu anh em đã phơi, đã chảy. Anh em đã nếm đủ mùi cay đắng của cuộc đời người chiến sĩ yêu nước, đem thân ra mà nguyen phụng sự cho non sông.

Sau này, khi dân tộc đã giành được, khi hoà bình đã vẫn hồi với dân tộc, nếu có ai hỏi anh em rằng: “Trong buổi quốc biến anh đã làm gì?”

Các anh em có thể lấy làm vinh hạnh mà trả lời rằng: Tôi đã chiến đấu trong hàng ngũ Mặt trận Quốc gia Kháng chiến”.

Cái sức chiến đấu màu nhiệm lạ thường của dân tộc Việt-Nam đã làm cho thực dân Pháp kiệt quệ.

Kiệt quệ về tài chính Pháp đã tiêu tốn ở Đông dương một cách vô ích tất cả số tiền mà Mỹ đã viện trợ cho Pháp quốc trong công cuộc trùng tu nước Pháp .

Không những thế, Pháp lại còn tiêu phí một số tiền lớn trích ở trong nền tài chánh của Pháp nữa. Nghĩa là nước Pháp nghèo nàn, đuối sức vì cuộc chiến tranh và sự chiếm đóng của quân Đức đã phải đem một phần cái tài lực của mình để nuôi cuộc chiến tranh Đông dương. Sự cố gắng của Pháp vượt ra ngoài sự chịu đựng của Pháp. Vì thế, thuế má của dân nặng nề, tình trạng ấy ảnh hưởng tới nền kinh tế, hàng hoá của Pháp chịu sưu nặng nên giá bán cao hơn hàng hoá ngoại quốc, thành thử không xuất cảng được nhiều: kinh tế của Pháp thành ra bị bế tắc, tài chánh của Pháp vì thế cũng bị khủng hoảng và do sự khủng hoảng về nền tài chánh đi đến sự khủng hoảng về tiền tệ. Sự xuất kém về các phương diện kinh tế, tài chánh, tiền tệ ấy đã gây cho nước Pháp một sự khủng hoảng lớn xã hội: ấy là phong trào đình công ở xã hội, ấy là phong trào đình công vĩ đại của Pháp hiện nay.

Tóm lại, ta có thể ví Pháp như một người đã bị trọng bệnh nên sức lực đã suy giảm đi nhiều rồi mà lại còn cố gắng làm một công việc nặng nề quá đáng. Sự cố gắng đó là tất nhiên không thể kéo dài lâu mãi được. Lê tất nhiên thế nào cũng có một ngày người bệnh đó phải khoanh tay bỏ dở công việc của mình; đó là tình trạng kiệt sức của người Pháp ngày nay.

Ta nên chú ý các tin tức sau đây mà các báo chí lúc bấy giờ đã đăng tải, trong một bức thư gửi cho tất cả các nghị sĩ Pháp Hội ái hữu toàn quốc, các quan cai trị của nước Pháp đều nói rằng:

“Trong hai điều ta phải chọn lấy một. Nếu muốn tiếp tục cuộc chiến tranh Đông dương thì phải tăng thuế má của dân Pháp lên 30% nữa thì ngân quỹ của nước Pháp mới thăng bằng được. Nếu không muốn tăng thuế lên 30% thì phải tìm cách chấm dứt ngay cuộc chiến tranh Đông

dương thì ngân quỹ của nước Pháp mới khởi thiêu thốn tiền chi tiêu.

Đó là một câu nói mô tả một cách hết sức rõ-rệt cái thực trạng khốn đốn của nước Pháp do sự đeo đuổi dằng dai cuộc chiến trường Đông dương gây nên.

Lại mới đây Tổng trưởng bộ Tài chánh Pháp trong chánh phủ Laniel là Edgar Faure lại cũng đã tuyên bố rằng công quỹ của Pháp sẽ hao hụt 870 tỷ quan trong niên khoá sắp tới.

Tóm lại, Pháp hết tiền, mà không có tiền thì làm thế nào mà làm nổi cuộc chiến tranh Đông dương nữa.

Vì vậy nên Pháp phải thay đổi chánh sách của mình ở Đông Dương. Cho nên trên kia ta đã nói rằng: thời cuộc chánh trị ở Việt Nam đã đi đến chỗ chín muồi rồi.

Sự kiện đó lẽ tất nhiên là vô cùng lạc quan cho vận mệnh nước nhà và hết sức tươi đẹp cho các phần tử quốc gia Việt-Nam chân chính

Sự kiệt quệ thứ hai của thực dân Pháp là thiêu quân số. Sáu chục nghìn quân chính tông đã bỏ mình hay bị tàn tật vì cuộc xâm lăng Việt Nam. Còn quân đội Phi châu thì táng thân ở Việt -Nam có 61 trăm ngàn . Thực dân Pháp không sao mà lấy ra đủ lính mà tiếp tục cuộc xâm lăng mãi được. Các con số trên đây đủ tỏ rõ sức kháng chiến của dân tộc Việt-Nam ta oai hùng đến bực nào.

Cái súc kháng thực dân của dân tộc lại làm cho thực dân bị chua cay về một phương diện nữa. Ấy là sự thất bại hoàn toàn của bè lũ Việt gian và tay sai trong chế độ Sài-gòn.

Từ cái chế độ Nam kỳ quốc của bọn Nguyễn văn Thinh, Lê văn Hoạch, Trần văn Hữu cho tới cái chế độ Sài gòn của bọn Nguyễn văn Xuân, Trần văn Hữu, Nguyễn văn Tâm, tất cả bè lũ Việt gian và bù nhìn đều khoanh tay

thúc thủ.

Dân chúng không hợp tác. Dân chúng phản đối, trốn thuế, đào ngũ, bất hợp tác, đả đảo, đó là các hình thức của ý chí chống bù nhìn, chống Việt gian mà toàn dân đã áp dụng một cách đắc lực. Còn các đoàn thể như Cao Đài, Hoà hảo thì chỉ hợp tác ngoài mặt chứ không giúp được bọn Việt gian và bù nhìn Sài-gòn được một điều gì đáng kể.

Tóm lại như ta thấy, các sự hy sinh, các sự cố gắng, các sự dẻo dai, các sự chịu đựng của dân tộc Việt-Nam đã đem lại được nhiều kết quả rực rõ. Sự thất bại của thực dân Pháp càng ngày càng rõ rệt, càng ngày càng hiện hình. Cái triệu chứng cụ thể nhất của sự nhượng bộ của Pháp là sự thãi hồi viên Toàn quyền thuộc địa Gauthier. Và lấy một nhân viên của Bộ Ngoại giao nay mai sẽ gửi sang đảm nhận Chức cao uỷ ở Sài-gòn.

Cái triệu chứng cụ thể thứ hai là cái phong trào gần như chính thức của một sự thay đổi về quan niệm “Liên Hiệp-Pháp”. Từ trước tới giờ không ai đã gì rằng Pháp không bao giờ chịu nghe nói tới một cuộc thay đổi quan niệm về Liên-Hiệp-Pháp của họ. Vậy mà bây giờ họ đã chịu đem vấn đề ấy ra bàn. Như thế có phải riêng họ đã biết thối lui khi một cái ma lực của ta mỗi ngày mỗi mạnh.

Tuy nhiên ta cũng không nên lạc quan thái quá. Chừng nào mà các phần tử quốc gia chân chính được đại diện cho dân tộc Việt-Nam thì ngày đó Pháp mới quả thực là thay đổi chính sách và ngày đó thì vấn đề thực dân, vấn đề xâm lăng, vấn đề Pháp Việt mới thực thụ là giải quyết xong xuôi, để nhường chỗ cho một vấn đề khác..

Tóm tắt Bài Diễn văn này chúng tôi xin lập lại : Xuân Giáp-Ngọ đã mang lại cho dân tộc Việt -Nam một tình thế chánh trị khá lạc quan, nhưng nếu muốn cái viễn

anh lạc quan ấy thực hiện thì ta cần phải hoạt động ráo riết nhiều hơn nữa, thì ta phải cố gắng thêm lên nhiều nữa. Nhưng cố gắng không thôi thì không đủ. Điều cần nhất là phải thống nhất ý chí, phải thực sự đoàn kết một cách có công tâm và nhiệt thành.

Kinh nghiệm một năm qua đã tỏ cho ta biết rằng sự thống nhất về chánh trị không phải là dễ dàng đâu. Chúng ta sẽ chỉ thành công được là khi mà chúng ta thăng nỗi các sự chia rẽ, xích mích, bất đồng ý kiến giữa các anh em quốc gia chân chính mà thôi.

Riêng về phần tôi, tôi rất tin tưởng một sự đại-đoàn kết của tất cả mọi tầng lớp dân chúng và các đoàn thể quốc gia chân chính. Tôi tin rằng ai ai cũng nhận thấy Đại đoàn kết là một sự cần thiết, là một bỗn phận, là một bí quyết của thành công..

Riêng về phần mặt trận Quốc gia Kháng chiến, thì chúng tôi bao giờ cũng sẵn lòng, cũng chuẩn bị sẵn sàng bắt tay tất cả các anh em quốc gia chân chính.

Giờ đây tôi xin mời đồng bào toàn quốc cùng anh em chiến sĩ của Mặt trận Quốc gia Kháng chiến hãy cõi mở nỗi lòng trong chốc lát để mà tận hưởng cái hương vị say nồng của mùa Xuân, nhất là của một mùa Xuân khói lửa. Chúng ta sẽ hân hoan đón Xuân mới. Song, trong cái say xưa ấy, chúng ta cũng sẽ không quên mà dành cho các đồng chí đã hy sinh cho đất nước một niềm tư tưởng thành kính và âu yếm. Vì các Bạn đồng chí ấy đã cùng ta hứa hẹn những lời thuỷ chung .

Sau hết, nhân danh tất cả các anh em chiến sĩ của mặt Trận Quốc gia kháng chiến, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn đồng bào toàn quốc đã hưởng ứng và ủng hộ chúng tôi về đủ các phương diện tinh thần và vật chất. Về phương diện tinh thần chúng tôi đã được hưởng những

món quà, những lời tâm sự rất là cảm động. Sở dĩ chúng tôi càng ngày càng say sưa thêm nãí với công việc chiến đấu của chúng tôi, là vì chúng tôi luôn luôn được lãnh những lời khuyên khích nồng nàn của bà con gần xa. Chúng tôi càng ngày càng tin tưởng ở cái chính nghĩa thực thụ mà chúng tôi phụng sự. cho nên ş kiên quyết của chúng tôi lại càng ngày càng kiên quyết hơn.

Về phương diện vật chất chúng tôi cũng được đồng bào toàn quốc khuyên khích nhiều lắm. Sở dĩ chúng tôi chiến đấu được nỗi ba năm nay cũng là nhờ sự ủng hộ của đồng bào, một sự ủng hộ có tính cách khuyên khích chúng tôi trên con đường phụng sự dân tộc.

Đối với các nghĩa cử đó chúng tôi xin trân trọng gởi lại một tấm lòng tri ân nồng nhiệt.

Đứng trước mặt Quốc dân Việt-Nam, anh em **Mặt Trận Quốc gia kháng chiến** xin cùng tôi lặp lại lời nguyền: “**VÌ TỔ QUỐC VÀ DÂN TỘC CHIẾN ĐẤU CHO TỐI THÀNH CÔNG**”



## BÀI VĂN TẾ HỒN THIÊNG SÔNG NÚI

Lần dở trang sử cũ;  
Đốt nén tâm hương hầu Ngưỡng vọng Quốc hồn,  
Qua ngàn năm phơi trải tấm lòng son,  
Ôn quốc thổ nghìn thu công rỡ rỡ,  
Dầu Vua quan công hầu khanh tể,  
Tâm lòng trung còn truyền đê muôn đời.  
Hận bao người nhục chí chuyên dời,  
Mãnh xu nịnh, gian hùng cũng khuynh nguy đên đảo  
Thương bấy chí anh hùng cao ngạo,  
Thè đương đầu với nghịch bạo không nao!  
Xem cái chết tự hồng mao trước gió,  
Hòn núi sông tự ngàn năm gắn bó.  
Khí Thiêng liêng mở ngõ giống hùng anh,  
Dân Việt Thường đầy khí khái liệt oanh.  
Trù thô bạo chí thành luôn dũng liệt,  
Nay ĐẠI ĐẠO hoằng khai cõi Việt,  
Xoá thù hiềm nêu chí liệt bao dung,  
Ngưỡng ân Thiêng Quốc-thổ kiêu hùng,  
Khắc trong dạ lòng thành Ngưỡng vọng:  
Nguyễn nỗi chí anh phong truyền thống,  
Hầu điểm tô giòng giống Tiên Rồng.  
Đạo cứu đời nêu câu: BÁC ÁI - ĐẠI ĐỒNG,  
Đời nương Đạo mới rõ quyền CÔNG CHÁNH,  
Chí-Tôn dạy: Không thương đừng ghét lẩn,  
Hãy thương thương mới rõ sức nhiệm màu,  
Đạo Trời sáng chói Năm Châu.

Xuân nguơn Mậu Dần (1998)  
Nữ Soạn giả

NGUYỄN LỆ THUÝ

## MỤC LỤC “BÁO QUỐC TÙ” CHƯƠNG I

A-Báo Quốc Tử.....	Trang 3
1-Đức Thượng Sanh đọc Diễn văn khánh thành vuông rào .....	7
2-Ngài Bảo Thủ đọc Diễn văn khánh thành vuông rào .....	10
3-Bài tế chiến sĩ Trận vong .....	15
B-Đức Hộ-Pháp đè xương lập Báo Quốc Tử .....	17
1-Đức Hộ-Pháp đè lời phủ dụ Lễ Khánh Thành Báo Quốc Tử	19
2-Lễ Hưng Quốc Khánh niệm .....	22
C-Cảm tưởng về báo quốc tử - Ưng an, thúc Dật Thị .....	25

## CHƯƠNG II: TÚ ĐẠI THIÊN VƯƠNG

1-Vua Hàm Nghi .....	32
Giai thoại về hai Ông: Tường và Thuyết .....	52
2-Vua Thành Thái .....	57
3-Vua Duy Tân .....	70
Cuộc khởi Nghĩa Duy Tân .....	78
4-Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Đế .....	89
Hoài niệm Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Đế .....	121
5-Tráng Liệt và Tráng Cử đòi xác Tro của Kỳ Ngoại Hầu	130
5-Truy thăng Tướng Trình Minh Thủ vào phẩm Quốc Sĩ ...	135
Bài Văn Tế Hòn thiêng sông núi .....	149

Hết

\*In xong lần I -lúc 13 giờ ngày 21-04-2009

\*In lần II ngày 10-05-2009 có thêm nhiều tài liệu mới.

\*In lần này 21-08-2009 có thêm bài của hai con ông

Cường Đế đến đòi xác tro lại. Xin thông cảm

SÁCH BIẾU KHÔNG

XIN LÀM QUÀ TẤT CẢ ĐỒNG ĐẠO BỐN PHƯƠNG

